

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG
KHOA KINH TẾ VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài:

**KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH MỸ VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN
XUẤT NHẬP KHẨU**

Họ và tên sinh viên : Hoàng Minh Trang

Lớp : Nhật 6

Khoá : 44

Giáo viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, tháng 5 năm 2009

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ KHỦNG HOẢNG.....	4
TÀI CHÍNH MỸ	4
1.1. TỔNG QUAN VỀ KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH	4
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của khủng hoảng tài chính	4
1.1.2. Nguyên nhân của khủng hoảng tài chính.....	5
1.1.3. Phân loại khủng hoảng tài chính	6
1.1.4. Tác động khủng hoảng tài chính đến ngoại thương	8
1.1.5. Hậu quả của khủng hoảng tài chính và các giải pháp ngăn ngừa	9
1.1.5.1. Hậu quả của khủng hoảng tài chính	9
1.1.5.2. Các giải pháp ngăn ngừa khủng hoảng tài chính.....	9
1.2. KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH MỸ.....	10
1.2.1. Tình hình nước Mỹ trước khủng hoảng chính.....	10
1.2.2. Diễn biến của khủng hoảng tài chính Mỹ.....	12
1.2.3. Nguyên nhân của khủng hoảng tài chính Mỹ	16
1.2.3.1. Chứng khoán hóa	16
1.2.3.2. Vay nhà đất.....	18
1.2.3.3. Một số nguyên nhân khác.....	20
1.2.4. Tác động của khủng hoảng tài chính Mỹ.....	21
1.2.4.1. Tác động của khủng hoảng tài chính Mỹ đối với Mỹ.....	21
1.2.4.2. Tác động của khủng hoảng tài chính Mỹ đối với kinh tế thế giới....	26
1.2.5. Phản ứng của chính phủ Mỹ trước khủng hoảng tài chính Mỹ.....	32
1.2.5.1. Giải pháp từ cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED).....	32
1.2.5.2. Giải pháp từ chính phủ	33
1.2.6. Bài học từ những cuộc khủng hoảng tài chính đối với hoạt động ngoại thương.....	35
1.2.6.1. Đại suy thoái năm 1930	35
1.2.6.2. Khủng hoảng tài chính Đông Á	36
1.2.6.3. Khủng hoảng tài chính Mỹ	36
CHƯƠNG II: TÁC ĐỘNG KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH MỸ ĐẾN	
XUẤT NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM	38
2.1. TÁC ĐỘNG KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH MỸ ĐẾN NỀN KINH	
TẾ VIỆT NAM.....	38
2.1.1. Thương mại	38
2.1.2. Thị trường tài chính	39
2.1.3. Đầu tư nước ngoài	41
2.2. TÁC ĐỘNG KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH MỸ ĐẾN XUẤT	
NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM.....	45
2.2.1. Thực trạng xuất nhập khẩu của Việt Nam những năm gần đây.....	45

2.2.1.1	Xuất khẩu.....	45
2.2.1.2	Nhập khẩu.....	48
2.2.1.3	Tình trạng nhập siêu.....	49
2.2.2	Nguyên nhân khủng hoảng tài chính tác động đến xuất nhập khẩu.....	51
2.2.3	Tác động khủng hoảng tài chính đến hoạt động tài trợ thương mại của các ngân hàng thương mại.....	54
2.2.4	Tác động khủng hoảng tài chính đến giá hàng xuất nhập khẩu.....	56
2.2.5	Tác động khủng hoảng tài chính đến thị trường xuất nhập khẩu.....	58
2.2.6	Tác động khủng hoảng tài chính đến kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam.....	60
2.2.6.1	Xuất khẩu.....	60
2.2.6.2	Nhập khẩu.....	65
2.4	ĐÁNH GIÁ CHUNG.....	67
CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC TÁC ĐỘNG KHỦNG		
HOẢNG TÀI CHÍNH ĐẾN XUẤT NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM 69		
3.1	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN XUẤT NHẬP KHẨU CỦA CHÍNH PHỦ TRONG THỜI GIAN TỚI.....	69
3.2	DỰ BÁO TÁC ĐỘNG KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH ĐẾN XUẤT NHẬP KHẨU	71
3.2.1	Xuất khẩu hàng hóa	71
3.2.1.1	Thị trường xuất khẩu.....	71
3.2.1.2	Nhóm hàng xuất khẩu	73
3.2.2	Nhập khẩu	77
3.3	MỘT SỐ GIẢI PHÁP HẠN CHẾ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH ĐẾN XUẤT NHẬP KHẨU.....	80
3.3.1	Giải pháp của chính phủ và các bộ ngành liên quan trong tình hình khủng hoảng đối với hoạt động xuất nhập khẩu.....	80
3.3.1.1	Giải pháp của chính phủ.....	80
3.3.1.2	Giải pháp từ các bộ, ngành.....	83
3.3.2	Giải pháp của doanh nghiệp xuất nhập khẩu	86
3.3.2.1	Đối với xuất khẩu.....	86
3.3.2.2	Nhập khẩu và hạn chế nhập siêu.....	89
KẾT LUẬN.....		93
DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO..... 94		

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ

1. Các hình vẽ

Hình 1: Chỉ số bình quân công nghiệp Dow-Jones 2006-2008.....	22
Hình 2: Tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ từ 2004 đến nay.....	23
Hình 3: Kim ngạch xuất nhập khẩu của Mỹ năm 2008 và 2009.....	24
Hình 4: Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Mỹ 2004-2008.....	26
Hình 5: Chỉ số vận tải Baltic Dry 2004-2008.....	30
Hình 6: Kim ngạch xuất khẩu 2000-2008.....	46
Hình 7: Kim ngạch nhập khẩu 2000-2008.....	49
Hình 8: Tình trạng nhập siêu 2000-2008.....	51
Hình 9: Biểu đồ tỷ giá EURO/USD từ 26/05/08 đến 12/05/09.....	54
Hình 10: Biểu đồ tỷ giá USD/VND từ 26/05/08 đến 12/05/09.....	54
Hình 11: Thay đổi giá một số mặt hàng của ngày 12/01/09 so với 12/09/08..	57
Hình 12: Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2008 và tháng 1/2009....	62
Hình 13: Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chính của Việt Nam từ tháng 7/2008 đến tháng 1/2009.....	63
Hình 14: Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng chính của Việt Nam từ tháng 8/2008 đến tháng 1/2009.....	66

2. Các bảng biểu

Bảng 1: Diễn biến TTCK toàn cầu (từ ngày 12/9/08 đến 12/01/2009).....	27
Bảng 2: Thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam.....	59
Bảng 3: Cơ cấu thị trường xuất khẩu 2009.....	72
Bảng 4: Dự báo xuất khẩu một số mặt hàng chủ yếu năm 2009.....	74

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- FDIC (Federal Deposit Insurance Corporation): Cơ quan Bảo hiểm tiền gửi Liên Bang
- FED (Federal Reserve System): Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ
- IMF (International Monetary Fund): Quỹ tiền tệ quốc tế
- WB (World Bank): Ngân hàng thế giới
- MBS (The Mortgage – Backed Security): Chứng khoán có thể chấp bằng tài sản
- CDS (Credit Default Swap): Hợp đồng bảo lãnh nợ khó đòi
- CMO (Collateralised Mortgage Obligations): Nợ có thể chấp được bảo đảm
- ILO (International Labour Organization): Tổ chức lao động quốc tế
- FDI (Foreign Direct Investment) Đầu tư trực tiếp nước ngoài

LỜI MỞ ĐẦU

• Tính cấp thiết của đề tài

Trong suốt 7 năm qua, thị trường tài chính Mỹ vẫn được coi là nơi kiếm tiền an toàn nhất, cho nên tất cả các nước có tài sản đều mua trái phiếu của Mỹ. Sự bùng nổ quá mức của thị trường cho vay thế chấp ở Mỹ trong những năm kinh tế phát triển đã vỡ tan như bong bóng khi thị trường bất động sản ở Mỹ đi xuống, kéo theo sự sụp đổ của hàng loạt ngân hàng hàng đầu nước Mỹ: Lehman, Merrill Lynch...

Là một siêu cường kinh tế, đóng góp 1/4 GDP, chiếm 15% tổng kim ngạch nhập khẩu trung bình hàng năm của thế giới¹, nên tác động của kinh tế Mỹ đến thế giới là rất rõ trên các phương diện thương mại, đầu tư, tài chính. Cuộc khủng hoảng trên thị trường tài chính Mỹ đã kéo theo hệ thống tài chính cả thế giới chao đảo, châm ngòi cho sự suy thoái kinh tế cùng lúc ở các nước đang phát triển. Lần đầu tiên kể từ sau chiến tranh thế giới, cả 3 nền kinh tế trụ cột của thế giới cùng lúc rơi vào suy thoái sau tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và sự đi xuống theo chu kỳ sau giai đoạn tăng trưởng bùng nổ. Nhật Bản đã có 3 quý liên tiếp kinh tế tăng trưởng âm do xuất khẩu sụt giảm. Khu vực đồng tiền chung euro cũng công bố suy thoái sau 2 quý năm 2008 kinh tế đi xuống. Kinh tế Mỹ tuy mới chính thức có một quý tăng trưởng âm nhưng các chuyên gia cho rằng đã bắt đầu suy thoái kể từ đầu năm 2008.

Hiện nay, Mỹ là thị trường xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam, chiếm 24% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam². Vì thế, những biến động không tốt của nền kinh tế Mỹ chắc chắn sẽ có những tác động bất lợi cho kinh tế Việt

¹[http://congnghemoi.net/Chungkhoan/ChitietCK/tabid/5602/mid/17963/ArticleID/108104/tid/1579/dnnprintmode/true/language/vi-VN/Default.aspx?SkinSrc=\[G\]Skins%2F_default%2FNo+Skin&ContainerSrc=\[G\]Containers%2F_default%2FNo+Container](http://congnghemoi.net/Chungkhoan/ChitietCK/tabid/5602/mid/17963/ArticleID/108104/tid/1579/dnnprintmode/true/language/vi-VN/Default.aspx?SkinSrc=[G]Skins%2F_default%2FNo+Skin&ContainerSrc=[G]Containers%2F_default%2FNo+Container)

²http://www.doanhnhan360.vn/PortletBlank.aspx/8A5F72224FB744CD9764DFD872782B78/View/Hang-hoa-Dich-vu-360/Mot_nam_vung_tay_cheo_cua_xuat_khau_VN/?print=839650982

Nam và xuất khẩu - đầu tư là những lĩnh vực có thể phải đương đầu với nhiều khó khăn. Việt Nam tuy không chịu ảnh hưởng trực tiếp nhưng với một nền kinh tế đã hội nhập thì những tác động gián tiếp là không thể tránh khỏi. Và một trong những lĩnh vực chịu tác động nặng nề nhất từ cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ là xuất nhập khẩu. Xuất nhập khẩu của Việt Nam sụt giảm cả về kim ngạch, giá cả và thị trường.

Hơn nữa, xuất khẩu của Việt Nam lên tới 70% GDP, nhập khẩu chiếm hơn 90%³ nên suy giảm xuất nhập khẩu gây ảnh hưởng tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế Việt Nam. Chính vì vậy, việc nghiên cứu khủng hoảng tài chính Mỹ và tác động của nó đến lĩnh vực xuất nhập khẩu của Việt Nam, từ đó tìm ra giải pháp khắc phục là vô cùng quan trọng.

Với những lý do nêu trên, em xin chọn đề tài: “**Khủng hoảng tài chính Mỹ và tác động đến xuất nhập khẩu**”

• **Mục đích nghiên cứu:**

+) Trước hết, nghiên cứu cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ, tìm hiểu nguyên nhân, diễn biến và tác động của nó là bài học to lớn về kinh tế, tài chính Mỹ cũng như kinh tế toàn cầu;

+) Thêm vào đó, tìm hiểu tác động khủng hoảng tài chính Mỹ đến hoạt động xuất nhập khẩu để tìm ra những biện pháp trước mắt cũng như lâu dài cho xuất nhập khẩu Việt Nam, hạn chế tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng.

• **Đối tượng, phạm vi nghiên cứu:**

+) Cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ bắt đầu năm 2007 và vẫn đang tiếp diễn

+) Hoạt động xuất nhập khẩu Việt Nam cả về kim ngạch, giá, và thị trường xuất nhập khẩu

³ <http://www.sanotc.com/News/Print.aspx?hl=vi&item=337466>

- **Phương pháp nghiên cứu:**

Thu thập thông tin từ các nguồn thứ cấp: sách, báo, tài liệu, trang web của tổng cục thống kê, bộ công thương, quỹ tiền tệ thế giới...

Sử dụng phương pháp điều tra, đồng thời phân tích, thống kê, so sánh số liệu xuất nhập khẩu trong những năm gần đây.

- **Kết cấu:** Đề tài được kết cấu 3 phần, không kể phần mở đầu và kết luận

Chương 1: Tổng quan về khủng hoảng tài chính Mỹ.

Chương 2: Tác động khủng hoảng tài chính Mỹ đến xuất nhập khẩu Việt Nam.

Chương 3: Giải pháp khắc phục tác động khủng hoảng tài chính Mỹ đến xuất nhập khẩu Việt Nam

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo ThS.Nguyễn Thị Hiền trong quá trình hoàn thành đề tài. Do thời gian và trình độ còn hạn chế nên trong bài viết của em không tránh khỏi thiếu sót, em rất mong các thầy cô xem xét, góp ý để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH MỸ

1.1. TỔNG QUAN VỀ KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của khủng hoảng tài chính

Tài chính được hiểu theo nghĩa rộng là tập hợp các quỹ tiền tệ cùng với các mối quan hệ giữa chúng. Trong nền kinh tế thị trường luôn có sự luân chuyển các luồng vốn tiền tệ và trong quá trình đó hình thành các quỹ tiền của tất cả các chủ thể trong xã hội mà giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ, ảnh hưởng lẫn nhau tạo nên một hệ thống tài chính.

Phạm vi tài chính được chia là 2 loại

- + Nếu nằm trong phạm vi quốc gia thì hình thành tài chính quốc gia.
- + Trên phạm vi khu vực và toàn cầu thì hình thành hệ thống tài chính quốc tế.

Khái niệm về khủng hoảng tài chính tiền tệ

Sundararajan và Balino đưa ra định nghĩa tổng quát về khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 1991: Một nhóm lớn các tổ chức tài chính có giá trị nguồn vốn vượt quá giá trị thị trường của các tài sản, dẫn đến hiện tượng đổ xô đến ngân hàng và sự dịch chuyển cơ cấu đầu tư, sự sụp đổ của một số doanh nghiệp tài chính và cần thiết phải có sự can thiệp của nhà nước.

Như vậy, khủng hoảng tài chính là khái niệm bao trùm được sử dụng chung cho mọi loại khủng hoảng gắn với mất cân đối về tài chính và thường là gắn với nghĩa vụ phải thanh toán lớn hơn nhiều phương tiện dùng để thanh toán tại một thời điểm nào đó. Khủng hoảng tài chính tiền tệ xảy ra khi có hiện tượng mất cân đối nghiêm trọng giữa tài sản có và nghĩa vụ thanh toán về số lượng, thời hạn, chủng loại tiền.

Những dấu hiệu của khủng hoảng tài chính

- Các Ngân Hàng Thương Mại không hoàn trả được các khoản tiền gửi của người gửi tiền.
- Các khách hàng vay vốn không thể hoàn trả đầy đủ các khoản vay cho ngân hàng.
- Chính phủ từ bỏ chế độ tỷ giá hối đoái cố định.
- Tình trạng tồi tệ của toàn bộ máy tài chính-tín dụng quốc gia.
- Sự phá vỡ tài chính nhà nước, hệ thống thanh toán.
- Sự phá sản các định chế tài chính trung gian.
- Phá giá đồng nội tệ, áp lực lạm phát

Những đặc điểm nổi bật của khủng hoảng tài chính

Cầu về tiền dự trữ quá lớn khiến cho NH không thể cùng một lúc đáp ứng tất cả mọi người. Có hiện tượng khan hiếm tín dụng. Giá trị tài sản của ngân hàng giảm mạnh và gây ra hiện tượng mất khả năng trả nợ, một số NH sụp đổ và xuất hiện tình trạng đổ xô đến các NH. Các “bong bóng” giá tài sản nổ tung: sự sụt giá ban đầu trong giá trị các tài sản buộc các NH phải bán tiếp tài sản và làm giá tài sản tiếp tục giảm mạnh hơn nữa. Các khoản tín dụng hình thành trong thời điểm bùng nổ được mang ra bán tháo.

1.1.2. Nguyên nhân của khủng hoảng tài chính

Tìm hiểu nguyên nhân của khủng hoảng tài chính thì những nghiên cứu đầu tiên chỉ ra rằng chính sự mâu thuẫn trong chính sách của Chính phủ đã từng bước tấn công vào tỷ giá cố định bởi Chính phủ phát hành tiền để trang trải cho thâm hụt ngân sách. Người dân không tin vào bản tệ nên đã chuyển sang tích trữ tài sản ngoại tệ. Dự trữ ngoại hối của Chính phủ cạn dần. Chính phủ buộc phải từ bỏ chế độ tỷ giá cố định và tỷ giá sẽ tăng. Các nhà đầu cơ sẽ tranh nhau mua lượng dự trữ cuối cùng của Chính phủ. Cuộc chuyển giao khổng lồ này được xem là hình phạt cho những chính sách mâu thuẫn, trái ngược của Chính phủ.

Một số nguyên nhân của việc không thực hiện được các nghĩa vụ thanh toán là do gặp phải vấn đề thanh khoản, khả năng thanh toán hoặc do cố tình chiếm dụng vốn vì điều này có thể có lợi ở khía cạnh nào đó. Tình trạng mất khả năng thanh toán bắt nguồn từ các vụ phá sản, kinh doanh thua lỗ và các vấn đề về chi tiêu của Chính phủ. Bản thân Chính phủ cũng gặp khó khăn trong việc tìm tài trợ khi gặp khó khăn về thanh toán do những kỳ vọng không sáng sủa mặc dù trong điều kiện bình thường nền kinh tế hoàn toàn có khả năng chi trả. Sự mất khả năng thanh toán thường có tính dây chuyền. Vì vậy, khủng hoảng tài chính là điều không mong muốn.

Các nhà nghiên cứu cho rằng, có một sự tương quan giữa nỗ lực nhằm tự do hoá các thị trường tài chính và số lượng các cuộc khủng hoảng tài chính. Khủng hoảng tài chính thường đi kèm với những nỗ lực nhằm tự do hoá thị trường tài chính. Vậy tự do hoá tài chính có nhất thiết dẫn đến khủng hoảng tài chính và việc xảy ra các cuộc khủng hoảng tài chính có thể là một lý do phản đối việc bãi bỏ các quy định và tự do hoá tài khoản vốn.

Thành phần chính của các cuộc khủng hoảng tài chính là các thông tin không đối xứng. Thông tin không đối xứng có vai trò chính yếu trong các giao dịch tài chính. Nó đưa người vay tới những hành vi cơ hội nguy hiểm và là mầm mống cho những kỳ vọng xấu của người cho vay về người đi vay. Thông tin không cân xứng khiến cho người đi vay và người gửi tiền do họ khó khăn trong việc phân biệt giữa vấn đề thanh khoản và tình trạng mất khả năng thanh toán, qua đó dẫn đến việc người sở hữu bán đi những tài sản bằng ngoại tệ của nước gặp khó khăn.

1.1.3. Phân loại khủng hoảng tài chính

Khủng hoảng ngân hàng

Ngân hàng là trung gian tài chính nhận tiền gửi, huy động vốn để cho vay lại nên rủi ro rất lớn cả về mặt số lượng, thời hạn và chủng loại tiền.

Ngân hàng có thể lâm vào khủng hoảng do cho vay quá mức và không thu hồi lại được dẫn đến nợ quá hạn cao làm cho ngân hàng không thể thanh toán các nghĩa vụ đến hạn.

Khủng hoảng nợ quốc gia

Trường hợp một quốc gia vay nợ nước ngoài quá nhiều và sử dụng không hiệu quả nên không trả được nợ đúng hạn, lâm vào khủng hoảng nợ buộc phải xin hoãn nợ, xóa nợ hoặc xin tuyên bố vỡ nợ.

Khủng hoảng tiền tệ

Hiện tượng không đủ ngoại tệ để thanh toán các nghĩa vụ đến hạn hay đáp ứng nhu cầu (cả thực tế và giả tạo do đầu cơ) buộc chính phủ phải dùng quỹ dự trữ ngoại tệ để duy trì tỷ giá hối đoái hoặc phá giá nội tệ làm cho nội tệ mất uy tín nhanh chóng.

Khủng hoảng thị trường tài chính

Sự rối loạn nặng nề trên thị trường vốn. Ô ạt rút tiền gửi từ các NHTM, thu hẹp đáng kể quy mô tín dụng, tăng số vụ phá sản. Giá chứng khoán biến động mạnh (tuột dốc hay leo thang quá nhanh) ngoài tầm kiểm soát hay do hiệu ứng “bầy đàn” làm cho chứng khoán bị bán đổ bán tháo; thu hẹp phát hành. Xảy ra khi thị trường bị “đông cứng” vì không có giao dịch, tạo ra sự mất cân đối giữa tiền và thị trường chứng khoán.

Khủng hoảng thị trường tài chính không nhất thiết đi đôi với khủng hoảng hệ thống tài chính – tín dụng quốc gia. Tình trạng trở nên đặc biệt nghiêm trọng khi cả hai dạng khủng hoảng xảy ra cùng một lúc và chuyển thành khủng hoảng niềm tin vào chính quyền.

Khủng hoảng cán cân thanh toán quốc tế

Khủng hoảng xảy ra khi các cán cân này thâm hụt quá nặng trong thời gian dài và không có nguồn bù đắp. Khủng hoảng cán cân thanh toán khi tổng các luồng ngoại tệ ra lớn hơn luồng ngoại tệ vào (tổng cán cân vãng lai và tài khoản vốn) gây nên thâm hụt nặng nề.

Khủng hoảng cán cân thanh toán vãng lai thường xảy ra khi cán cân thương mại bị thâm hụt.

Khủng hoảng khả năng thanh khoản

Phản ánh sự mất cân đối chủ yếu liên quan tới thời hạn và chủng loại của các giấy tờ có giá và một số loại tài sản tài chính đặc thù.

Khủng hoảng ngân sách nhà nước

Ngân sách nhà nước thâm hụt kéo dài trong khi các nguồn bù đắp bị hạn chế hoặc không thể lạm dụng hơn nữa nếu muốn tránh hậu quả vỡ nợ hay bùng nổ lạm phát.

1.1.4. Tác động khủng hoảng tài chính đến ngoại thương

Nền ngoại thương toàn cầu dựa vào lòng tin là chính. Dòng chảy hàng hoá từ nước này sang nước khác được bảo đảm nhờ vào công cụ tài chính chủ yếu là tín dụng thư. Đó là cách người bán bảo đảm người mua sẽ trả tiền hay người mua bảo đảm hàng sẽ đến đúng hẹn. Khủng hoảng tài chính xảy ra, bộ máy hoạt động suôn sẻ bấy lâu, là động lực cho quá trình toàn cầu hoá, đang bị tắc nghẽn nhiều chỗ.

Sự biến động của tỷ giá hối đoái

Khi đồng tiền một nước có thể sụt giá đến 10 - 20% trong vòng từ lúc ký hợp đồng mua bán đến khi thanh toán thì chắc chắn việc thanh toán sẽ không thể nào trôi chảy như mong đợi.

Nhiều ngân hàng trên khắp thế giới bị dính vào khủng hoảng tài chính, việc tài trợ tín dụng xuất nhập khẩu sẽ bị tác động.

Giá cả hàng hoá đang sụt giảm nhanh chóng

Hàng chưa về đến cảng, người mua đã biết lỗ nặng, sẽ có một tỷ lệ không nhỏ xuôi tay đẩy khó khăn thanh toán cho ngân hàng của mình. Cả ba yếu tố này tác động lên nhau làm trầm trọng thêm theo kiểu ảnh hưởng dây chuyền.

1.1.5. Hậu quả của khủng hoảng tài chính và các giải pháp ngăn ngừa

1.1.5.1. Hậu quả của khủng hoảng tài chính

- Thâm hụt ngân sách nhà nước
- Chính sách thuế không hiệu quả
- Tỷ trọng kinh tế ngầm cao
- Khối lượng nợ trong và ngoài nước lớn
- Thâm hụt cán cân thanh toán quốc tế
- Cơ cấu ngân hàng không ổn định do các doanh nghiệp nợ quá lớn
- Cơ sở hạ tầng của thị trường chưa phát triển
- Nguy cơ mất giá nội tệ do chính sách tỷ giá hối đoái và nhà đầu tư nước ngoài dễ dàng chuyển vốn ra nước ngoài.

- Nguy cơ tiền tháo chạy: Do thiếu các biện pháp kiểm soát dòng vốn ngắn hạn.

- Nguy cơ vỡ nợ: Do sử dụng tiền vay ngắn hạn vào đầu tư dài hạn. Nguy cơ này nghiêm trọng khi xảy ra biến động tỷ giá hối đoái, giá bất động sản, đặc biệt là biến động giá trị của tài sản thế chấp vay ngân hàng và giá chứng khoán.

- Nguy cơ mất chủ quyền: Chính phủ có thể phải hy sinh một số mục tiêu chiến lược để đối phó với các nguy cơ tự do hóa tài chính. Đồng thời giảm khả năng độc lập trong hoạch định các chính sách kinh tế xã hội, nhất là khi xảy ra khủng hoảng tài chính và phải chấp nhận sự trợ giúp của nước ngoài.

1.1.5.2. Các giải pháp ngăn ngừa khủng hoảng tài chính

- Thực hiện tự do hóa tài chính theo lộ trình thận trọng và an toàn
- Tăng cường giám sát tài chính và công khai hóa tài chính
- Cơ sở của giám sát tài chính là đảm bảo an ninh tài chính (ổn định, an toàn, vững mạnh của hệ thống tài chính và toàn bộ nền tài chính quốc gia)
- Lành mạnh hóa nền tài chính quốc gia
- Tài chính nhà nước

- Vay nợ quốc gia
- Duy trì các cân đối lớn của nền kinh tế
- Tài chính của các tài chính trung gian và thị trường tài chính
- Tài chính doanh nghiệp
- Tài chính dân cư
- Đối tượng giám sát tài chính toàn diện:
 - + Giám sát tài chính tiền tệ vĩ mô, đảm bảo an toàn với các cân đối lớn
 - + Giám sát hoạt động của hệ thống các tổ chức tài chính trung gian;
 - + Giám sát tài chính doanh nghiệp.

Như vậy, chúng ta phải giải toả được những hoảng sợ về thanh khoản, về tính lỏng bằng 2 chiến lược là cung cấp thanh khoản cho thị trường và thuyết phục các thành viên thị trường rằng họ không cần phải ngay lập tức bán đi các tài sản của mình. Để thị trường yên tâm thì cần có một cơ chế bảo hiểm tiền gửi hoạt động tốt.

1.2. KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH MỸ

1.2.1. Tình hình nước Mỹ trước khủng hoảng chính

Những yếu kém của nền kinh tế Mỹ đã bộc lộ rõ từ trước năm 2000. Thiếu hụt cán cân thanh toán nước ngoài đã tới trên 400 tỷ từ 2000, trên 4% GDP và tiếp tục tăng mức thiếu hụt, đạt 811 tỷ năm 2006 bằng 6% GDP. Năm 2007, đồng đô la mất giá, có làm giảm mức thiếu hụt xuống 734 tỷ nhưng cũng ở mức rất cao⁴. Các nước khác nếu thiếu hụt ở mức 3% GDP thì đã phải lo lắng bằng mọi cách nhằm điều chỉnh để giảm mức thiếu hụt này.

Nền kinh tế Mỹ trong hơn 10 năm, có lợi thế là được sự tin tưởng của cả thế giới, nên tiền đổ vào để cho dân chúng đầu tư và tiêu sài. Để dành của dân chúng Mỹ vào năm 2006 chỉ có 34 tỷ, gần như 0% GDP, và tỷ lệ để dành thấp này chỉ khoảng 1-2% đã kéo dài từ cả chục năm nay. Đầu tư của Mỹ bằng 19% GDP, chủ yếu dựa vào lợi nhuận công ty, nhưng đến 30% số tiền đầu tư

⁴ <http://www.saiгонnews.vn/sncdetailnews.aspx?Item=40647&Kind=5>

là do vay mượn nước ngoài⁵. Tình hình tài chính của Mỹ chẳng khác gì một nước đang phát triển không kiểm soát nổi hầu bao mình.

Mỹ đang mất vốn vì giá xuống thì đầu tư của các nền kinh tế của những nước này cũng sẽ không thể không bị sụt vốn theo. Nói thế không có nghĩa là mọi người có tiền trên thế giới đầu tư vào Mỹ sẽ lo sợ, ồ ạt rút khỏi Mỹ vì thực sự họ cũng sẽ khó kiếm chỗ thay thế an toàn và tạo ra lợi nhuận, nhưng việc rút ra một phần cũng tạo ảnh hưởng không nhỏ.

Tiền đổ vào làm thị trường chứng khoán và tài sản lên giá quá mức giá trị của nó. Điều này thì ai cũng biết, nhưng rất nhiều người vẫn không tin là giá có thể xuống. Đặc biệt là các nhà kinh doanh tiền tệ, họ phải thổi phồng vì càng lên giá, càng say sưa với thị trường thì giao dịch càng tăng, vay mượn càng nhiều và phí dịch vụ càng lớn. Giá cổ phiếu Mỹ đã qua thời kỳ điều chỉnh, đặc biệt là giá các công ty công nghệ thông tin được thổi phồng, chỉ số Nasdaq lên trên 5000 năm 2000 và hiện nay chỉ còn trên 2000, bằng 1/2 trước đây. Chỉ số Dow Jones ít bị ảnh hưởng của việc thổi phồng, cũng giảm từ cao điểm gần 12000 năm 2000, xuống tới mức 7540 và sau đó phục hồi để sau 7 năm mới trở lại thời năm 2000⁶. Bong bóng thị trường chứng khoán đã tự nó giải quyết bằng cách xuống giá, và để nhằm giữ nền kinh tế khỏi tuột dốc, Cục dự trữ Liên bang (Fed) đã giữ lãi suất ở mức rất thấp và lại kéo dài thời gian quá lâu, đầu tư vào nhà cửa tiếp tục tăng, giá nhà cửa trở thành bong bóng. Trong 5 năm qua giá nhà khắp nơi tăng, thấp nhất ở các bang hẻo lánh nhiều đất cũng tăng ít nhất 17%, và ở nơi có nhiều đầu cơ tăng hơn gấp đôi. Nếu kể từ năm 1980, giá nhà ở những bang như New York, California, Massachussets tăng 5, 6 lần, trong khi lương danh nghĩa ở những vùng trên chỉ tăng gần 3 lần. Kể từ năm 1997 đến nay những nơi này tăng giá 3 lần⁷.
Nước Mỹ đang gặp phải 3 vấn đề lớn về tài chính.

⁵ <http://www.tienphong.vn/Tianyong/Index.aspx?ArticleID=109238&ChannelID=3>

⁶ <http://niemtin.free.fr/khunghoangktmy.htm>

⁷ <http://www.ipsard.gov.vn/news/newsdetail.asp?targetID=2859>

Sự phát triển không kiểm soát của thị trường cho vay địa ốc dưới chuẩn, có nghĩa là không cần đặt cọc, không cần đủ thu nhập để chi trả mà vẫn được vay.

Cho vay tiêu dùng qua thẻ tín dụng quá mức mà tuần qua City Group là nạn nhân đầu tiên về thẻ tín dụng, lỗ 18 tỷ, mà chỉ một phần nhỏ là nợ dưới chuẩn vì tháng 9 vừa qua họ chỉ có 2,7 tỷ nằm trong khoản dù hiện nay giá trị còn lại chỉ còn 5%⁸.

Khủng hoảng tín dụng đã lan rộng để cả khu vực đầu tư địa ốc văn phòng, chứ không chỉ tập trung vào khu nhà ở. Các công trình xây dựng có thể trở thành dở dang vì không kiếm được tiền cho xây dựng tiếp tục. Giá nhà nói chung trong thời gian vừa qua đã xuống 7%, nhưng nhiều nhà kinh tế cho rằng giá nhà sẽ tiếp tục xuống vào năm 2008 và có thể tiếp tục vào năm 2009, và có thể tới mức 30%⁹.

1.2.2. Diễn biến của khủng hoảng tài chính Mỹ

* Tháng 6/2007: Hai quỹ phòng hộ của Bear Stearns - ngân hàng đầu tư lớn thứ 5 của Mỹ - sụp đổ sau khi đánh cược vào các chứng khoán được đảm bảo bằng các khoản cho vay bất động sản dưới chuẩn ở Mỹ.

* Tháng 8 năm 2007, một số tổ chức tín dụng của Mỹ như New Century Financial Corporation phải làm thủ tục xin phá sản. Một số khác thì rơi vào tình trạng cổ phiếu của mình mất giá mạnh như Countrywide Financial Corporation. Nhiều người gửi tiền ở các tổ chức tín dụng này đã lo sợ và đến rút tiền, gây ra hiện tượng đột biến rút tiền gửi khiến cho các tổ chức đó càng thêm khó khăn. Nguy cơ khan hiếm tín dụng hình thành. Cuộc khủng hoảng tài chính thực thụ chính thức nổ ra. Từ Mỹ, rối loạn này lan sang các nước khác. Ở Anh quốc, ngân hàng Northern Rock bị chao đảo vì người gửi tiền xếp hàng đòi rút tiền gửi của mình ra. Ngày 14/9/2007: Lần đầu tiên trong

⁸ <http://vnecon.com/showthread.php?t=8069>

⁹ <http://www.saiгонnews.vn/sncdetailnews.aspx?Item=40647&Kind=5>

hơn 1 thế kỷ, khách hàng ùn ùn kéo đến bủa vây để đòi rút tiền ở một ngân hàng lớn tại Anh - Ngân hàng cho vay thế chấp Northern Rock - ngân hàng lớn thứ 5 tại Anh.

Trước tình hình đó, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ đã tiến hành các biện pháp nhằm tăng mức độ thanh khoản của thị trường tín dụng chẳng hạn như thực hiện nghiệp vụ thị trường mở mua vào các loại công trái Mỹ, trái phiếu cơ quan chính phủ Mỹ và trái phiếu cơ quan chính phủ Mỹ đảm bảo theo tín dụng nhà ở. Tháng Chín 2007, Cục Dự trữ Liên bang còn tiến hành giảm lãi suất cho vay qua đêm liên ngân hàng từ 5,25% xuống 4,75%. Trong khi đó, Ngân hàng Trung ương Châu Âu đã bơm 205 tỷ Dollar Mỹ vào thị trường tín dụng để nâng cao mức thanh khoản.

* Ngày 15/10/2007: Citigroup - Tập đoàn ngân hàng hàng đầu nước Mỹ - công bố lợi nhuận Quý 3 bất ngờ giảm 57% do các khoản thua lỗ và trích lập dự phòng lên tới 6,5 tỷ USD. Giám đốc điều hành Citigroup Charles Prince từ chức vào ngày 4/11.

Tháng 12 năm 2007, cuộc khủng hoảng tiến sang nấc trầm trọng hơn khi những báo cáo kinh tế cuối năm cho thấy sự điều chỉnh của thị trường bất động sản diễn ra lâu hơn dự tính và quy mô của khủng hoảng cũng rộng hơn dự tính. Tình trạng đối tín dụng trở nên rõ ràng. Hệ thống dự trữ liên bang cố gắng giảm mạnh lãi suất liên ngân hàng vào tháng 12/2007 và tháng 2 năm 2008 nhưng không có hiệu quả như mong đợi.

* Ngày 11/1/2008: Bank of America - ngân hàng lớn nhất nước Mỹ về tiền gửi và vốn hoá thị trường - đã bỏ ra 4 tỉ USD để mua lại Countrywide Financial sau khi ngân hàng cho vay thế chấp địa ốc này thông báo phá sản do các khoản cho vay khó đòi quá lớn.

* 16-17/3/2008: Bear Stearns được bán cho Ngân hàng Đầu tư Mỹ JP Morgan Chase với giá 2 đôla một cổ phiếu. Ngân hàng dự trữ liên bang New York cố cứu Bear Stearns, nhưng không nổi. Công ty này chấp nhận để JP

Morgan Chase mua lại với giá 10 dollar một cổ phiếu, nghĩa là thấp hơn rất nhiều với giá 130,2 dollar một cổ phiếu lúc đạt giá nhất trước khi khủng hoảng nổ ra. Việc Ngân hàng dự trữ liên bang New York cứu không nổi Bear Sterns và buộc lòng để công ty này bị bán đi với giá quá rẻ đã khiến cho sự lo ngại về năng lực can thiệp của chính phủ cứu viện các tổ chức tài chính gặp khó khăn. Sự sụp đổ của Bear Stern đã đẩy cuộc khủng hoảng lên nấc thang trầm trọng hơn.

* 29/4/2008: Deutsche Bank lần đầu tiên trong năm năm công bố một khoản thua lỗ trước thuế sau khi buộc phải trích lập dự phòng 4,2 tỷ USD cho các khoản nợ xấu và các chứng khoán được đảm bảo bởi các khoản thế chấp bất động sản.

* 11/7/2008: Chính quyền liên bang Mỹ đoạt quyền kiểm soát Ngân hàng IndyMac Bancorp. Đây là một trong những vụ đóng cửa ngân hàng lớn nhất từ trước tới nay sau khi những người gửi tiền đã rút ra hơn 1,3 tỷ USD trong vòng 11 ngày.

* 31/7/2008: Deutsche Bank công bố khoản trích lập dự phòng tiếp theo là 3,6 tỷ USD, nâng tổng số tiền ngân hàng này mất lên 11 tỷ USD. Deutsche Bank trở thành một trong 10 nạn nhân lớn nhất của cuộc khủng hoảng tín dụng toàn cầu.

Tháng 8 năm 2008, đến lượt Lehman Brothers, một tổ chức tài chính vào loại lớn nhất và lâu đời nhất của Mỹ, bị phá sản. Tiếp sau Lehman là một số công ty khác. Tháng 9 năm 2008, Thượng viện Mỹ thông qua Đạo luật Ổn định Kinh tế Khẩn cấp 2008 cho phép bộ trưởng Tài chính Mỹ chi tới 700 tỷ USD cứu nền tài chính của nước này bằng cách mua lại các khoản nợ xấu của ngân hàng, đặc biệt là các chứng khoán đảm bảo bằng bất động sản.

* 7/9/2008: Cục Dự trữ Liên bang và Bộ Tài chính Mỹ đoạt quyền kiểm soát hai tập đoàn chuyên cho vay thế chấp Fannie Mae và Freddie Mac nhằm hỗ trợ thị trường nhà đất Mỹ.

* 11/9/2008: Lehman Brothers tuyên bố đang nỗ lực tìm kiếm đối tác để bán lại chính mình. Cổ phiếu của ngân hàng đầu tư này tụt giảm 45%.

* 14/9/2008: Bank of America cho biết sẽ mua Merrill Lynch với giá 29 USD/cp sau khi từ chối đề nghị mua lại của Lehman Brothers.

* 15/9/2008: Đây là ngày tồi tệ nhất tại Phố Wall kể từ khi thị trường này mở cửa trở lại sau vụ khủng bố 2 toà tháp đôi tại Mỹ vào Tháng 9 năm 2001. Lehman Brothers sụp đổ đánh dấu vụ phá sản lớn nhất tại Mỹ; Merrill Lynch bị Bank of America Corp thôn tóm; American International Group - tập đoàn bảo hiểm lớn nhất thế giới mất khả năng thanh toán do những khoản thua lỗ liên quan tới nợ cầm cố.

* 16/9: Ngân hàng trung ương các nước trên thế giới đã đổ hàng tỉ USD vào các thị trường tiền tệ với nỗ lực hạ nhiệt tình trạng căng thẳng và ngăn chặn sự đóng băng của hệ thống tài chính toàn cầu. Cổ phiếu AIG giảm gần một nửa. Fed công bố kế hoạch bơm 85 tỷ USD vào AIG và nắm giữ 80% cổ phần.

* 19/9: Các thị trường chứng khoán thế giới tăng vọt sau khi Mỹ công bố kế hoạch mua lại tài sản của các tập đoàn tài chính đang gặp khó khăn, giúp làm thanh sạch hệ thống tài chính.

* 20-21/9: Công bố các chi tiết bản kế hoạch giải cứu 700 tỷ USD. Hai ngân hàng Goldman Sachs và Morgan Stanley được chuyển đổi thành tập đoàn ngân hàng đa năng, đánh dấu sự kết thúc mô hình ngân hàng đầu tư tại Phố Wall.

* 23/9: Warren Buffett trả 5 tỷ USD mua 9% cổ phần Goldman Sachs; Cục điều tra liên bang Mỹ (FBI) điều tra Fannie, Freddie, AIG và Lehman vì nghi ngờ có sự gian lận trong cuộc khủng hoảng tài chính tại Mỹ.

* 25/9: Washington Mutual Inc., một trong những ngân hàng lớn nhất Mỹ đã sụp đổ cũng do đã đánh cược rất lớn vào thị trường cho vay thế chấp. Cơ quan Bảo hiểm tiền gửi liên bang Mỹ (FDIC) đã đoạt quyền kiểm soát

WaMu và sau đó bán các tài sản của ngân hàng tiết kiệm lớn nhất Mỹ cho JPMorgan Chase & Co. với giá 1,9 tỷ USD. Với 307 tỷ USD tổng tài sản, WaMu đã trở thành ngân hàng bị phá sản lớn nhất trong lịch sử Mỹ.

* 29/9: Hạ viện bất ngờ không thông qua kế hoạch giải cứu thị trường tài chính Mỹ. Phản ứng ngay lập tức với quyết định trên, chỉ số công nghiệp Dow Jones tụt giảm gần 780 điểm - mức giảm trong một ngày mạnh nhất từ trước tới nay.

1.2.3. Nguyên nhân của khủng hoảng tài chính Mỹ

1.2.3.1. Chứng khoán hóa

Chứng khoán hóa được hiểu là việc tái cơ cấu một tập hợp những khoản phải thu và đưa chúng về dạng thức có thể chuyển nhượng được. Tiền từ người mua các chứng khoán này sẽ được chuyển đến các tổ chức tài chính cho vay thế chấp để các tổ chức này cho người đem thế chấp tài sản vay tiền. Chứng khoán hóa chính là quá trình đưa các tài sản thế chấp sang thị trường thứ cấp nơi mà chúng có thể trao đi đổi lại. Nó đã biến các tài sản kém thanh khoản thành những chứng khoán thanh khoản cao.

Mục tiêu của chứng khoán hóa chính là nhằm tách biệt rủi ro mất khả năng thanh toán của người chủ sở hữu tài sản/các khoản phải thu ban đầu và rủi ro của chính các tài sản hay các khoản phải thu đó. Trong quá trình chứng khoán hóa, rủi ro mất khả năng thanh toán không hề bị triệt tiêu mà nó chỉ đơn giản chuyển từ các ngân hàng sang cho nhà đầu tư. Để đổi lại, nhà đầu tư có quyền hưởng lợi đối với các luồng tiền phát sinh từ khoản vay và tài sản thế chấp. Rõ ràng là quy trình này có xu hướng khuyến khích các ngân hàng nói lỏng những quy định về cho vay của mình để có thể cho vay được nhiều hơn và sinh lời mà không phải chịu rủi ro.

Những chứng khoán phát hành trên cơ sở những tập hợp nợ có thế chấp đó được gọi là chứng khoán có thế chấp bảo đảm (MBS). Trong vài năm trở lại đây thị trường bất động sản Mỹ liên tiếp hạ nhiệt, người đi vay đã không

có khả năng trả được nợ lại cũng rất khó bán bất động sản để trả nợ, và kể cả bán được thì giá trị của bất động sản cũng đã giảm thấp tới mức không đủ để thanh toán các khoản còn vay nợ. Hậu quả là một số lớn hợp đồng cho vay bất động sản dùng để bảo đảm cho các trái phiếu MBS là nợ khó đòi, các trái phiếu MBS mất giá trên thị trường thứ cấp, thậm chí không còn mua bán được trên thị trường, khiến cho các ngân hàng, các nhà đầu tư nắm giữ những trái phiếu này không những bị lỗ nặng và mất cả khả năng thanh toán. Theo ước tính của nhiều chuyên gia trong 22.000 tỷ USD giá trị bất động sản tại Mỹ thì có tới hơn 12.000 tỷ USD là tiền đi vay, trong đó khoảng 4.000 tỷ USD là nợ xấu¹⁰.

Trầm trọng hơn nữa là những “hợp đồng bảo lãnh nợ khó đòi- CDS”. Các hợp đồng này do các tổ chức tài chính và các công ty bảo hiểm quốc tế bán ra, theo đó bên mua CDS được bên bán bảo đảm sẽ hoàn trả đầy đủ số nợ cho vay nếu bên vay không trả được nợ. Ở Mỹ tổng số CDS ước tính khoảng 35000 tỷ USD, và toàn thế giới khoảng 54600 tỷ USD¹¹. Tập đoàn tài chính và bảo hiểm hàng đầu thế giới AIG bị đổ vỡ, một phần là do đầu tư vào MBS và phần lớn là do các hợp đồng CDS này.

Chính quy trình chứng khoán hóa những khoản vay mua nhà có chất lượng tín dụng thấp - chứ không phải bản thân các khoản vay - đã gây ra cuộc khủng hoảng tín dụng toàn cầu. Trong cuộc khủng hoảng này, một vòng luẩn quẩn diễn ra giữa: mất khả năng thanh toán của người đi vay - rủi ro mất tiền của người đầu tư trái phiếu - sụt giảm giá tài sản thế chấp - sụt giá trái phiếu có thể chấp được phát hành thông qua thủ tục chứng khoán hóa - suy giảm khả năng thanh khoản của ngân hàng. Như vậy, về mặt bản chất, chứng khoán hóa là một kỹ thuật tài trợ hết sức hiệu quả đối với các ngân hàng nhưng lại khiến họ trở nên phụ thuộc hơn vào tính linh hoạt của thị trường vốn. Đồng

¹⁰ <http://forum.vihajico.com/archive/index.php/t-707.html>

¹¹ media.vdsc.com.vn/vdsc_docs/bantin2608.pdf

thời, việc bảo vệ nhà đầu tư chứng khoán trong quá trình này là một vấn đề cần được quan tâm hơn nữa.

1.2.3.2. Vay nhà đất

Có 3 yếu tố chính đã khởi tạo nên bong bóng trong thị trường bất động sản.

+) Bắt đầu từ năm 2001, Cục Dự trữ liên bang Mỹ đã liên tục hạ thấp lãi suất, dẫn đến việc các ngân hàng cũng hạ lãi suất cho vay tiền mua bất động sản (mặc dù những loại lãi suất cho vay tiền mua nhà do các ngân hàng thương mại ấn định bao giờ cũng cao hơn nhiều so với lãi suất cơ bản của Fed, nhưng mức độ cao hay thấp của chúng bao giờ cũng phụ thuộc vào lãi suất cơ bản). Vào giữa năm 2000 thì lãi suất cơ bản của Fed là trên 6% nhưng sau đó lãi suất này liên tục được cắt giảm, cho đến giữa năm 2003 thì chỉ còn 1%¹².

+) Chính sách chung của chính phủ lúc bấy giờ là khuyến khích và tạo điều kiện cho dân nghèo và các nhóm dân da màu được vay tiền dễ dàng hơn để mua nhà. Việc này phần lớn được thực hiện thông qua hai công ty được bảo trợ bởi chính phủ là Fannie Mae và Freddie Mac. Hai công ty này giúp đổ vốn vào thị trường bất động sản bằng cách mua lại các khoản cho vay của các ngân hàng thương mại, biến chúng thành các loại chứng từ được bảo đảm bằng các khoản vay thế chấp, rồi bán lại cho các nhà đầu tư ở Phố Wall, đặc biệt là các ngân hàng đầu tư khổng lồ như Bear Stearns và Merrill Lynch.

+) Có sự biến đổi các khoản cho vay thành các công cụ đầu tư cho nên thị trường tín dụng để phục vụ cho thị trường bất động sản ngoài sự tham gia của các ngân hàng thương mại hoặc các công ty chuyên cho vay thế chấp bất động sản nữa còn có sự tham gia của các nhà đầu tư, có khả năng huy động dòng vốn từ khắp nơi đổ vào, kể cả dòng vốn ngoại quốc.

¹²http://www.vinapass.com/board_view.do?bgrp=hotinfo&page=&searchType=&searchKeyword=&id=hotinfo&bid=3&class1=&orderBy=&order=

Với 3 lý do trên, thị trường bất động sản trở nên rất nhộn nhịp, có rất nhiều người thu nhập thấp hoặc không có tín dụng tốt nhưng vẫn đổ xô đi mua nhà. Để có thể được vay, nhóm người này thường phải trả lãi suất cao hơn và thường được cho mượn dưới hình thức lãi suất điều chỉnh theo thời gian. Tóm lại, nhóm người này thuộc vào thành phần được cho vay với loại lãi suất dưới chuẩn. Bất kể khả năng trả được nợ của nhóm vay dưới chuẩn, khoản tiền cho vay dành cho nhóm này đã tăng vùn vụt. Theo các ước tính thì nó tăng từ 160 tỉ USD ở năm 2001 lên 540 tỉ vào năm 2004 và trên 1.300 tỉ vào năm 2007¹³. Fannie Mae đã mạnh tay hơn trong việc mua lại các khoản cho vay đầy mạo hiểm do phải đối đầu với cạnh tranh nhiều hơn từ các công ty khác, chẳng hạn như Lehman Brothers.

Vì dễ vay cho nên nhu cầu mua nhà lên rất cao, kéo theo việc lên giá bất động sản liên tục. Giá nhà bình quân đã tăng đến 54% chỉ trong vòng bốn năm từ 2001 (năm bắt đầu cắt mạnh lãi suất) đến 2005¹⁴. Việc này cũng dẫn đến vấn đề đầu cơ và ý lại là giá nhà sẽ tiếp tục lên. Hệ quả là người ta sẵn sàng mua nhà với giá cao, bất kể giá trị thực và khả năng trả nợ sau này vì họ nghĩ nếu cần sẽ bán lại để trả nợ ngân hàng mà vẫn có lời. Do đó, một bong bóng đã thành hình trong thị trường bất động sản.

Khi lãi suất tăng, dù không nhiều, tiền mượn mua nhà mất khả năng chi trả. Các ngân hàng, công ty tài chính, không những ở Mỹ mà ở khắp thế giới đang mất vốn lớn và có thể đi đến phá sản. Tháng 10 và 11 năm 2008, tập đoàn City Group khai mất 8,4 tỷ USD vốn, công ty Morgan-Stanley mất 3,7 tỷ USD vốn¹⁵ và nhiều ngân hàng như Bank of America và nhiều quỹ tài chính khác mất vốn lên hàng tỷ. Nhiều tên tuổi khác sẽ tiếp tục khai mất vốn vì đây chỉ là khởi đầu của khủng hoảng.

¹³ <http://www.caohockinhhte.info/forum/showthread.php?t=6632>

¹⁴ http://www.vinapass.com/board_view.do?bgrp=hotinfo&page=&searchType=&searchKeyword=&id=hotinfo&bid=3&class1=&orderBy=&order=

¹⁵ <http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/xemtin.asp?idcha=4553&cap=4&id=4555>

Thị trường bất động sản xuống dốc làm ngành xây dựng đình đốn, thất nghiệp gia tăng. Chưa kể việc giá nhà giảm khiến giá trị tài sản của nhiều người dân Mỹ giảm xuống từng ngày, đẩy họ vào tình thế buộc phải “thắt lưng buộc bụng” và cắt giảm chi tiêu. Bên cạnh đó, cuộc khủng hoảng bất động sản chính là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc khủng hoảng ở thị trường cho vay dưới chuẩn, từ đây, tiếp tục ảnh hưởng đến thị trường tài chính, gây ra hiệu ứng domino làm nền kinh tế có nguy cơ đứng bên bờ vực suy thoái

1.2.3.3. Một số nguyên nhân khác

Tỷ lệ tiết kiệm cá nhân thấp. Thống kê năm 1998 cho thấy tỷ lệ tiết kiệm trên thu nhập gia đình tại một số nước phát triển như sau: Bỉ 15,6% - Pháp 13,6% - Nhật 13,6% - Tây Ban Nha 12,1% - Đức 11,8% - Ý 11,4% - Ireland 10% - Mỹ 4%¹⁶. Thậm chí tiết kiệm của dân Mỹ còn thường xuyên xuống mức âm. Điều này có thể giải thích rằng người Mỹ không chi tiêu hết số tiền họ kiếm được mà còn thâm hụt vào khoản tiết kiệm hoặc vay tín dụng ngân hàng để tiêu xài. Tiết kiệm thấp đẩy lãi suất lên cao. Điều này khiến cho chi phí đầu tư vào nhà xưởng, thiết bị và chi phí khác tăng cao. Hậu quả là không chỉ khu vực sản xuất kinh doanh mà toàn bộ hoạt động kinh tế trở nên kém cạnh tranh. Bên cạnh đó, khi lãi suất tăng đã hấp dẫn nguồn tiền (đô la Mỹ) từ nước ngoài đổ vào Mỹ. Nhưng số tiền này không được dẫn qua kênh sản xuất mà dẫn qua kênh tiêu dùng nên thâm hụt cán cân thanh toán nặng nề

Nợ nước ngoài khổng lồ: do tiết kiệm thấp, đồng đôla tăng giá 1 thời gian dài từ trước nên thâm hụt thương mại trầm trọng. Từ đó làm bất an các nhà đầu tư nước ngoài. Đặc biệt trong hoàn cảnh đồng đôla Mỹ đã và đang mất giá so với nhiều đồng tiền lớn khác như đồng euro, đồng yên nhật hay đồng nhân dân tệ, các nhà đầu tư rất có khả năng yêu cầu chính phủ Mỹ phải nâng cao lãi suất trái phiếu, hoặc thậm chí, rút vốn khỏi thị trường Mỹ và

¹⁶ http://tim.vietbao.vn/thu%E1%BA%BF_thu_nh%E1%BA%ADp/6/

chuyển hướng sang đầu tư hay dự trữ bằng các đồng tiền có giá khác. Bởi từ lâu đã quá phụ thuộc vào nguồn vốn tài trợ của nước ngoài, những nguy cơ trên đây đều có khả năng đẩy nước Mỹ vào một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, thậm chí vào một thời kì suy thoái.

1.2.4. Tác động của khủng hoảng tài chính Mỹ

1.2.4.1. Tác động của khủng hoảng tài chính Mỹ đối với Mỹ

- **Thị trường tài chính- chứng khoán**

Cuộc khủng hoảng đã gây ra những hậu quả tiêu cực to lớn và lâu dài tới nền kinh tế Mỹ: làm đóng băng nhiều khu vực của thị trường tài chính, gây ra suy giảm mạnh mẽ trên thị trường chứng khoán, trầm trọng hoá cuộc khủng hoảng bất động sản, và tạo ra làn sóng cắt giảm hàng nghìn việc làm.

Nhiều ngân hàng sụp đổ

3 trong số 5 tập đoàn đầu tư tài chính lớn nhất của Mỹ đổ vỡ. Con bão tài chính đã đổ bộ vào phố Wall làm sụp đổ các cây cổ thụ ngân hàng đầu tư, từng có thời là biểu tượng sức mạnh của nền kinh tế Mỹ. Đó là sự xóa sổ các đại gia ngân hàng như Bear Stearns, Lehman Brothers và Merrill Lynch, 3 trong 5 tập đoàn đầu tư tài chính hàng đầu của phố Wall – Trung tâm tài chính lớn nhất của Mỹ. Sau khi Bear Stearns bị JPMorgan Chase mua lại, Merrill Lynch bị Bank of America thôn tính, và Lehman Brothers tuyên bố phá sản, danh sách trên chỉ còn lại Goldman Sachs và Morgan Stanley.

Không chỉ những ngân hàng lớn, cả hệ thống ngân hàng Mỹ đều đang gặp khó với số lượng các ngân hàng đóng cửa ngày càng tăng. Năm 2007, chỉ có 3 ngân hàng Mỹ bị các nhà chức trách đóng cửa thì đến năm 2008, 25 ngân hàng Mỹ đổ vỡ. Và chỉ tính đến ngày 19/4/2009, nước Mỹ đã có thêm 25 ngân hàng nữa đóng cửa ¹⁷(bằng với số ngân hàng đóng cửa của cả năm 2008). Với tốc độ ngày càng gia tăng như hiện nay, có thể khẳng định gần như chắc chắn số ngân hàng đổ vỡ năm nay ở Mỹ sẽ vượt xa số ngân hàng “ra

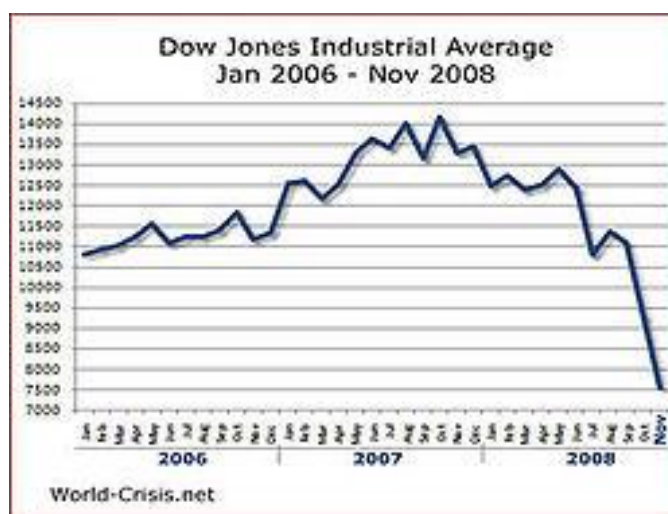
¹⁷ <http://vneconomy.vn/2009041806395664POC6/ba-thang-ruoi-25-ngan-hang-my-sup-do.htm>

đi” trong năm 2008. Ngày 26/2/2009, Tập đoàn Bảo hiểm tiền gửi Liên bang Mỹ (FDIC) công bố một báo cáo đáng ngại về thực trạng của ngành ngân hàng Mỹ. Theo đó, số ngân hàng Mỹ có nguy cơ “sập tiệm” của FDIC bao gồm 252 ngân hàng. Đây là con số ngân hàng Mỹ bên miệng vực đổ vỡ cao nhất kể từ năm 1995 trở lại đây, chiếm khoảng 3% trong tổng số khoảng 8.500 ngân hàng và tổ chức tiết kiệm mà FDIC đang đứng ra bảo hiểm¹⁸.

Các ngân hàng Mỹ chịu thua lỗ lớn. Theo báo cáo của FDIC, quý 4/2008 là quý thua lỗ đầu tiên của ngành ngân hàng Mỹ từ năm 1990 trở lại đây. Trong quý, các ngân hàng của nước này đã lỗ 26,2 tỷ USD¹⁹. Đây cũng là con số thua lỗ một quý lớn chưa từng có trong vòng 25 năm kể từ khi FDIC bắt đầu theo dõi kết quả kinh doanh hàng quý của các ngân hàng.

Thị trường chứng khoán chao đảo

Hình 1: Chỉ số bình quân công nghiệp Dow-Jones 2006-2008



(Nguồn: world-crisis.net)

Hậu quả trực tiếp của sự ra đi các tập đoàn đầu tư tài chính hàng đầu Mỹ đã khiến cho TTCK Mỹ chao đảo, nhiều cổ phiếu rớt giá thê thảm.

Trước khi phá sản cổ phiếu của ngân hàng Lehman giảm 95% xuống còn 20 xu. Cổ phiếu của Bank of America giảm 14%. Cổ phiếu của Exxon Mobil

¹⁸ <http://vneconomy.vn/20090227113756530P0C6/so-ngan-hang-my-co-nguy-co-do-vo-tang-vot.htm>

¹⁹ <http://www.sanotc.com.vn/Forum/ViewTopic.aspx?hl=vi&msg=268210>

Corp. và Valero Energy Corp. giảm 3,7% . Từ đầu năm tới nay cổ phiếu của AIG giảm tới 91%. Cổ phiếu của hai ngân hàng Fannie và Freddie cũng giảm mạnh vào đầu tháng 9 tới 90% buộc Chính phủ Mỹ phải nhảy vào cứu²⁰.

Chỉ tính riêng 9 tháng đầu năm các cổ phiếu tài chính đã rớt giá trên 70% và hàng triệu người Mỹ và Anh mất nhà cửa. Ngày 17/9 cổ phiếu ngân hàng đầu tư Morgan Standley đã có mức sụt giảm mạnh nhất trong lịch sử 24% và rớt xuống mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua là 21,75USD/cổ phiếu. Đây là ngân hàng thương mại lớn thứ tư ở Mỹ với tổng giá trị tài sản trên 24 tỷ USD²¹.

- **Thị trường lao động**

Hình 2: Tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ từ 2004 đến nay

Đơn vị: %



(Nguồn: <http://www.bullandbearwise.com/chartService.htm>)

Các ngân hàng sụp đổ, nhiều công ty phá sản khiến cho tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ tăng liên tục. Năm 2008, 2.6 triệu người đã mất việc, số thất nghiệp này là lớn nhất kể từ năm 1945. Bộ Lao động Mỹ công bố cho thấy trong tháng 1/2009, nước Mỹ mất thêm gần 600000 việc làm - nâng tỷ lệ thất nghiệp ở

²⁰ <http://www.toquoc.gov.vn/Print/Article/Khung-Hoang-Tc-My-Va-Nhung-He-Luy/pdf>

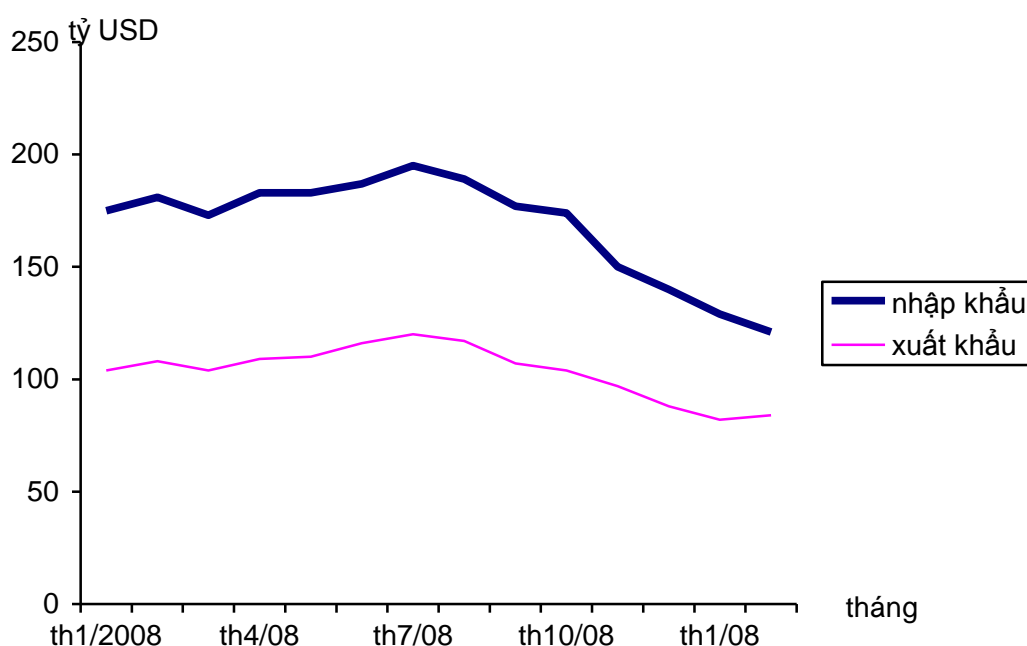
²¹ <http://caohockinhte.info/forum/archive/index.php/t-4076.html>

nước này lên mức 7,6%, cao nhất trong 16 năm qua. Nay số người thất nghiệp quá lớn và một viễn tượng kinh tế khá bi quan, các gia đình người dân nói chung đều có khuynh hướng dè sẻn, tiết kiệm, không tiêu xài như trước, thành ra ảnh hưởng dây chuyền đến cả nền kinh tế.

- **Hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu**

Hình 3: Kim ngạch xuất nhập khẩu của Mỹ năm 2008 và 2009

Đơn vị: tỷ USD



(Nguồn: <http://www.census.gov/foreign-trade>)

Hàng loạt tổ chức tài chính trong đó có những tổ chức tài chính khổng lồ và lâu đời bị phá sản đã đẩy kinh tế Mỹ vào tình trạng khan hiếm tín dụng. Đến lượt nó, tình trạng khan hiếm tín dụng lại ảnh hưởng đến khu vực sản xuất khiến doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, sa thải lao động, cắt giảm các hợp đồng nhập đầu vào. Thất nghiệp gia tăng ảnh hưởng tiêu cực đến thu nhập và qua đó tới tiêu dùng của các hộ gia đình lại làm cho các doanh nghiệp khó bán được hàng hóa. Nhiều doanh nghiệp bị phá sản hoặc có nguy cơ bị

phá sản, trong đó có cả 3 nhà sản xuất ô tô hàng đầu của Mỹ là General Motors, Ford Motor và Chrysler LLC.

Tiêu dùng giảm, hàng hóa ế thừa đã dẫn tới mức giá chung của nền kinh tế giảm liên tục, đẩy kinh tế Hoa Kỳ tới nguy cơ có thể bị giảm phát. Cuộc khủng hoảng còn làm cho dollar Mỹ lên giá. Do dollar Mỹ là phương tiện thanh toán phổ biến nhất thế giới hiện nay, nên các nhà đầu tư toàn cầu đã mua dollar để nâng cao khả năng thanh khoản của mình, đẩy dollar Mỹ lên giá. Điều này làm cho xuất khẩu của Mỹ bị thiệt hại. Tháng 12, xuất khẩu giảm 6% xuống 133,8 tỷ USD. Doanh số tại thị trường quốc tế của các mặt hàng ô tô, các phụ kiện và động cơ của Mỹ đã giảm xuống mức thấp nhất từ tháng 11/2004²².

Các gia đình Mỹ thu hẹp chi tiêu cũng làm giảm nhập khẩu của Mỹ. Tháng 12/2008, giá trị nhập khẩu giảm 5,5% từ 183,9 tỷ USD xuống 173,7 tỷ USD, thấp nhất từ tháng 9/2005, chủ yếu là do nhu cầu mua ô tô của người Mỹ sụt giảm và giá dầu xuống thấp. Nhập khẩu các mặt hàng quần áo, nội thất và đồ tiêu dùng cũng giảm²³.

- **Tăng trưởng kinh tế**

Khó khăn và bất ổn trên thị trường tài chính Mỹ đã làm chậm lại tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế khổng lồ này. Theo đánh giá của cựu Giám đốc FED Alan Greenspan thì nền kinh tế Mỹ đang lâm vào khủng hoảng “thê kỷ”. Ông cho rằng tình trạng này sẽ kéo dài chừng nào mà giá nhà ở Mỹ chưa đi vào ổn định. FED cũng cảnh báo rằng nền kinh tế Mỹ vẫn còn đối diện với “nguy cơ sụt giảm”, lạm phát và thất nghiệp gia tăng. Số liệu thống kê cho hay chỉ số tiêu dùng quý II/2008 chỉ tăng có 0,1%. Theo dự báo của IMF đưa

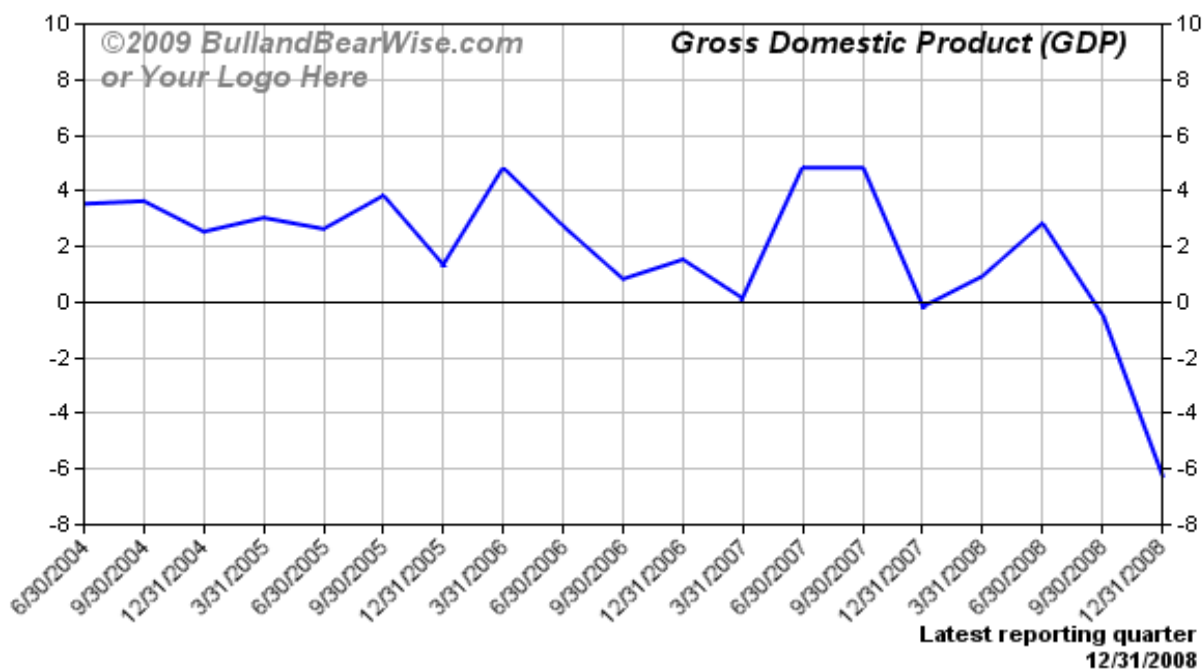
²² <http://cafef.vn/2009021208285725CA32/my-tham-hut-thuong-mai-xuat-nhap-khau-giam-manh.chn>

²³ <http://cafef.vn/2009021208285725CA32/my-tham-hut-thuong-mai-xuat-nhap-khau-giam-manh.chn>

ra đầu tháng thì kinh tế Mỹ năm nay chỉ tăng 0,5% và 0,6% trong 2009, thấp hơn nhiều so với dự báo của IMF cách đây 3 tháng²⁴.

Hình 4: Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Mỹ 2004-2008

Đơn vị: %



(Nguồn: <http://www.bullandbearwise.com/chartService.htm>)

1.2.4.2. Tác động của khủng hoảng tài chính Mỹ đối với kinh tế thế giới

- **Thị trường tài chính- chứng khoán**

Hệ thống tài chính bị đổ vỡ hàng loạt với số lượng các ngân hàng bị đổ vỡ, sáp nhập, giải thể hoặc quốc hữu hoá tăng nhanh chóng. Không chỉ hơn 50 ngân hàng của Anh mà các ngân hàng châu Âu cũng chịu ảnh hưởng nặng nề. Các Ngân hàng ở Anh đã chịu ảnh hưởng lớn nhất từ cuộc khủng hoảng tín dụng thứ cấp cho vay nhà ở tại Mỹ. Điển hình trong số đó là Ngân hàng Northern Rock Bank bị khoản nợ xấu lên tới 191,6 tỉ USD (hết tháng 7-

²⁴ http://www.tinkinhhte.com/nd5/viewssubject/tong-hop-thong-tin-du-bao-kinh-te-cac-nuoc-va-the-gioi-2009/imf-du-bao-kinh-te-my-hoi-phuc-vaio-cuoi-nam-2009/20905.s_34.5.html

2008)²⁵. Cuối tháng 9-2008 có thêm Fortis của Bỉ và Luc-xăm-bua, Dexia của Bỉ và Pháp; đầu tháng 10-2008 có thêm ngân hàng Hypo Real Estate của Đức cũng lâm vào khủng hoảng khiến chính phủ các nước đó phải cứu trợ bằng các biện pháp tài chính cần thiết. Từ ngày 15/9/2008 đến 6/1/2009, ở Mỹ đã có 14 ngân hàng, tính chung các nước như Mỹ, Châu Âu và Nhật là 23 ngân hàng²⁶.

Bảng 1: Diễn biến TTCK toàn cầu (từ ngày 12/9/08 đến 12/01/2009)

Quốc gia	Chỉ số	12/09/08	12/1/08	Mức tăng giảm so với 12/9	
				± điểm	± %
Việt Nam	VN-Index	476.00	312.18	(163.82)	-34.42%
	HASTC-Index	160.62	105.71	(54.91)	-34.19%
Mỹ	.DJI	11,421.99	8,473.97	(2,948.02)	-25.81%
	.NDX	1,767.13	1,201.13	(566.00)	-32.03%
	.GSPC	1,251.70	870.26	(381.44)	-30.47%
Pháp	.FCHI	4,332.66	3,246.19	(1,086.47)	-25.08%
Anh	.FTSES	5,416.73	4,426.19	(990.54)	-18.29%
Nga	.RTX	1,991.10	1,014.33	(976.77)	-49.06%
Thái Lan	.SETI	654.34	452.80	(201.54)	-30.80%
Úc	.AORD	4,957.10	3,624.00	(1,333.10)	-26.89%
Nhật Bản	.N225	12,214.76	8,413.90	(3,800.86)	-31.12%
Hàn Quốc	.KS11	1,477.92	1,156.75	(321.17)	-21.73%
Trung Quốc	.SSEC	2,079.67	1,900.35	(179.33)	-8.62%
Hồng Kông	.HSI	19,352.90	13,971.00	(5,381.90)	-27.81%

(Nguồn: <http://ngoaituong.vn>)

Nhiều thị trường chứng khoán trên thế giới gặp phải đợt mất giá chứng khoán nghiêm trọng. Chỉ tính riêng từ khi bắt đầu khủng hoảng các thị trường

²⁵ http://www.tapchiconsan.org.vn/print_preview.asp?Object=6&news_ID=251154098

²⁶ http://ngoaituong.vn/news/tinchuyende/1105_khung_hoang_tai_chinh_toan_cautac_dong_bien_phap_am_p_du_bao.html

chứng khoán toàn cầu suy giảm mạnh. Trong năm 2008, cũng do tác động cuộc khủng hoảng nên thị trường chứng khoán tài chính toàn cầu đã mất khoảng 17.000 tỷ USD. Thị trường chứng khoán các nước mới nổi giảm 54,72%, thị trường các nước phát triển giảm 42,72%. Mức sụt giảm cao nhất rơi vào các nước Brazil, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc khoảng hơn 70%²⁷. Đợt sụt giảm trên thị trường chứng khoán Nga diễn ra trong tháng 9-2008 đã làm "bốc hơi" tới 800 tỉ USD giá trị cổ phiếu trên thị trường.

Ngày 8-10-2008, theo sự giảm sút chung toàn cầu, thị trường chứng khoán châu Á trải qua một ngày "hết sức đen tối". Hàng loạt thị trường chứng khoán châu Á trong tình trạng bị "rơi tự do". Chỉ số Nikkei 225 của Nhật Bản giảm tới 9,4%, xuống còn 9.203,32 điểm. Đây là mức giảm lớn nhất trong một phiên trên thị trường này kể từ năm 1987. Chỉ số Hangseng của Hồng Kông giảm 5,2%. Chỉ số Sensex của Ấn Độ giảm 4,3%. Chỉ số Kосpi của Hàn Quốc giảm 5,8%. Chỉ số chính của thị trường chứng khoán Đài Loan giảm 5,8% và của Singapore giảm 5,5%. Thị trường chứng khoán In-đô-nê-xi-a phải tạm dừng giao dịch sau khi chỉ số chứng khoán nước này giảm hơn 10%²⁸. Chỉ số trên các thị trường chứng khoán Thượng Hải, Ma-lai-xi-a... cũng ở trong tình trạng sụt điểm mạnh. Theo Trung tâm tài chính quốc tế Hàn Quốc (KCIF), từ tháng 6 đến tháng 9-2008, các nhà đầu tư nước ngoài đã rút gần 15 tỉ USD khỏi thị trường chứng khoán Hàn Quốc, mức rút vốn lớn nhất trong các thị trường trọng yếu tại châu Á; rút 11,3 tỉ USD khỏi thị trường chứng khoán vùng lãnh thổ Đài Loan; 5,3 tỉ USD khỏi thị trường chứng khoán Ấn Độ. Riêng trong tháng 9-2008, các nhà đầu tư nước ngoài đã bán ra lượng cổ phiếu trị giá 8,2 tỉ USD. Tại các thị trường chứng khoán lớn trong khu vực, như: Hàn Quốc, Đài Loan, Phi-lip-pin, Thái Lan, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a,... các nhà đầu tư cũng suy giảm lòng tin.

²⁷ <http://www.vinasme.com.vn/nd5/detail/tin-kinh-te-tong-hop/tai-chinh-chung-khoan/chung-khoan-toan-cau-mat-17000-ty-usd-vi-khung-hoang/22925.003016.html>

²⁸ <http://www.tienphong.vn/Tianyon/PrintView.aspx?ArticleID=139630&ChannelID=5>

- **Thị trường lao động**

Cùng với kinh tế suy thoái, tình trạng thất nghiệp đang gia tăng mạnh và lan rộng ở nhiều nước, dẫn đến những bất ổn xã hội. Trong bản báo cáo về lao động trên thế giới năm 2009 vừa công bố, tổ chức lao động quốc tế (ILO) dự báo rằng, khủng hoảng kinh tế có thể làm tăng thêm 51 triệu người thất nghiệp và trong trường hợp tồi tệ nhất, trong năm 2009, toàn thế giới sẽ có tới 230 triệu người không có việc làm²⁹. Kinh tế đi xuống kéo theo các hoạt động kinh doanh của nhiều tập đoàn trì trệ. Nhiều công ty và hãng lớn trên thế giới đã phải công bố cắt giảm việc làm để tiết kiệm chi tiêu, khiến tỷ lệ thất nghiệp ở tất cả các nền kinh tế lớn đều tăng vọt.

Theo ước tính của ILO, Bắc Phi và Trung Đông có tỉ lệ thất nghiệp cao nhất vào cuối năm 2008 – 10,3% và 9,4%. Kế tiếp là vùng Trung Âu và Đông Nam Âu, cũng như các quốc gia thuộc Liên Xô trước đây, kết thúc năm 2008 với tỉ lệ thất nghiệp 8,8%. Ở Nam Á, tỉ lệ thất nghiệp trong năm 2008 là 5,4%, còn ở Đông Nam Á và Thái Bình Dương là 5,7%. Đồng thời, Đông Á là khu vực có tỉ lệ thất nghiệp thấp nhất thế giới, với 3,8%.

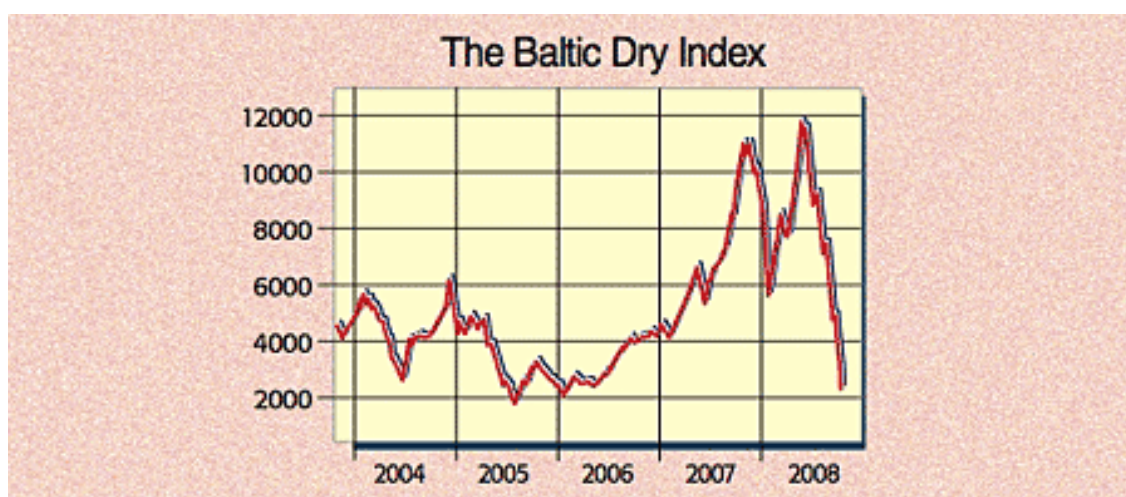
- **Ngoại thương toàn cầu**

Mỹ là thị trường nhập khẩu quan trọng của nhiều nước, do đó khi kinh tế suy thoái, xuất khẩu của nhiều nước bị thiệt hại, nhất là những nước theo hướng xuất khẩu ở Đông Á. Khi sản lượng hàng hóa và tiêu dùng ở Mỹ giảm sẽ dẫn đến sụt giảm nhập khẩu hàng tiêu dùng và các hàng hóa khác. Sự nhập khẩu của Mỹ chính là sự xuất khẩu của các nước khác. Kịch bản đó cho thấy tăng trưởng kinh tế của Mỹ giảm thì tăng trưởng kinh tế của nhiều nước khác cũng giảm. Các nền kinh tế quan trọng như Canada, Trung Quốc, Nhật Bản, Mexico, Hàn Quốc và nhiều nước Đông Nam Á phụ thuộc lớn vào xuất khẩu sang Mỹ.

²⁹ <http://vneconomy.vn/20090205104526P0C99/khung-hoang-viec-lam-dang-lan-rong-toan-cau.htm>

Bởi sự suy giảm của hai nền kinh tế Mỹ và Trung Quốc gây ra sự sụt giảm mạnh nhu cầu về các mặt hàng như dầu, năng lượng, thực phẩm và khoáng sản. Giá những mặt hàng này giảm sẽ làm tổn thương hoạt động xuất khẩu và tốc độ tăng trưởng của các nhà xuất khẩu hàng hóa ở Châu Á, Mỹ Latinh và Châu Phi. Ví dụ trường hợp Chile, nhà sản xuất đồng lớn nhất thế giới, vật liệu được sử dụng rộng rãi để sản xuất các con chip máy tính và dây điện. Khi nhu cầu của Mỹ và Trung Quốc giảm, xuất khẩu đồng của Chile sẽ giảm và giá đồng cũng sẽ giảm.

Hình 5: Chỉ số vận tải Baltic Dry 2004-2008



(Nguồn: <http://www.moneyweek.com>)

Hiện nay các ngân hàng khắp thế giới đang siết chặt tín dụng để tránh rủi ro, và điều họ nghĩ đến đầu tiên là tín dụng thương mại. Hiện nay tổng giá trị ngoại thương toàn cầu lên đến 14 ngàn tỉ USD, 90% số này được tài trợ bằng tín dụng³⁰. Tờ MoneyWeek trích lời Steve Rodley, giám đốc Global Maritime Investments, cho biết: “Toàn bộ thị trường vận tải hàng hải đã sụp đổ”. Nhiều chủ tàu cho biết không thể thuyết phục ngân hàng mở tín dụng thư như trước, đặc biệt cho loại hàng giá cả lên xuống thất thường vì họ không chịu nhận chúng làm vật thế chấp. Ai mở được tín dụng thư thì bán hàng lại chê, chỉ chấp nhận những ngân hàng tên tuổi vì sợ rủi ro ngân hàng sụp tiệm trước khi

³⁰ <http://my.opera.com/smalldreams/blog/show.dml/2696361>

được thanh toán. Ngân hàng lớn nhân cơ hội này mở tín dụng thư với phí cao hơn trước gấp ba lần³¹.

- **Tăng trưởng kinh tế**

Nền kinh tế Mỹ là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế toàn cầu – chiếm khoảng 25% GDP thế giới, đóng góp 60% vào tăng trưởng kinh tế thế giới và chiếm phần lớn hơn trong các giao dịch tài chính toàn cầu. Theo IMF kinh tế thế giới năm nay chỉ tăng trưởng 3,7%, thấp hơn 1,25% so với năm 2007³².

Châu Âu vốn có quan hệ kinh tế mật thiết với Mỹ chịu tác động nghiêm trọng cả về tài chính lẫn kinh tế. Nhiều tổ chức tài chính ở đây bị phá sản đến mức trở thành khủng hoảng tài chính ở một số nước như Iceland, Nga. Các nền kinh tế lớn nhất khu vực là Đức và Ý rơi vào suy thoái, và Anh, Pháp, Tây Ban Nha cùng đều giảm tăng trưởng. Khu vực đồng Euro chính thức rơi vào cuộc suy thoái kinh tế đầu tiên kể từ ngày thành lập. Kinh tế khu vực đồng euro sẽ tăng 1,4% trong 2008 và 1,2% trong 2009, trong đó kinh tế Anh tăng 1,6% trong 2008³³. Theo dự báo của ADB nền kinh tế Ấn Độ sẽ giảm xuống 7,4% trong 2008 so với dự báo 8% hồi tháng 4/2008, chấm dứt 5 năm tăng trưởng cao của nước này³⁴.

Các nền kinh tế Mỹ Latinh cũng có quan hệ mật thiết với kinh tế Hoa Kỳ, nên cũng bị ảnh hưởng tiêu cực khi các dòng vốn ngắn hạn rút khỏi khu vực và khi giá dầu giảm mạnh. Ecuador tiến đến bờ vực của một cuộc khủng hoảng nợ.

Kinh tế các khu vực trên thế giới tăng chậm lại khiến lượng cầu về dầu mỏ cho sản xuất và tiêu dùng giảm cũng như giá dầu mỏ giảm. Điều này lại làm cho các nước xuất khẩu dầu mỏ bị thiệt hại. Đồng thời, do lo ngại về bất

³¹ <http://www.moneyweek.com/news-and-charts/economics/is-international-trade-grinding-to-a-halt-13909.aspx>

³² <http://www.baomoi.com/Info/IMF-Kinh-te-the-gioi-se-tang-truong-37-nam-2008--1004/45/1530596.epi>

³³ http://www2.hcmiu.edu.vn/ba_forum/archive/index.php/t-170.html

³⁴ <http://www.toquoc.gov.vn/Print/Article/Khung-Hoang-Tc-My-Va-Nhung-He-Luy/pdf>

ổn định xảy ra đã làm cho nạn đầu cơ lương thực nổi ra, góp phần dẫn tới giá lương thực tăng cao trong thời gian cuối năm 2007 đầu năm 2008, tạo thành một cuộc khủng hoảng giá lương thực toàn cầu.

1.2.5. Phản ứng của chính phủ Mỹ trước khủng hoảng tài chính Mỹ

1.2.5.1. Giải pháp từ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED)

Ngay khi khủng hoảng tín dụng nhà ở thứ cấp nổi ra, Fed bắt đầu can thiệp bằng cách hạ lãi suất và tăng mua MBS. Đến khi tình hình phát triển thành khủng hoảng tài chính từ tháng 8 năm 2007, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã tiếp tục tiến hành các biện pháp nới lỏng tiền tệ để tăng thanh khoản cho các tổ chức tài chính. Cụ thể là lãi suất cho vay qua đêm liên ngân hàng đã được giảm từ 5,25% qua 6 đợt xuống còn 2% chỉ trong vòng chưa đầy 8 tháng (18/9/2007-30/4/2008). Lãi suất này sau đó còn tiếp tục giảm và đến ngày 16/12/2008 chỉ còn 0,25%, mức lãi suất gần 0 hiếm thấy.

Fed còn thực hiện nghiệp vụ thị trường mở (mua lại các trái phiếu chính phủ Hoa Kỳ mà các tổ chức tài chính nước này có) và hạ lãi suất tái chiết khấu. Giữa tháng 12 năm 2008, Fed tuyên bố có kế hoạch thực hiện chính sách nới lỏng tiền tệ mặt lượng.

Tháng 12 năm 2007, Chính phủ Hoa Kỳ đã lập ra và giao cho Fed chủ trì chương trình Term Auction Facility để cấp các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn từ 28 đến 84 ngày theo lãi suất cao nhất mà các tổ chức tài chính trả qua đấu giá. Tính đến tháng 11 năm 2008, đã có 300 tỷ dollar được FED đem cho vay theo chương trình này. FED còn tiến hành cho vay thế chấp đối với các tổ chức tài chính với số tiền tổng cộng tới 1,6 nghìn tỷ tính đến tháng 11 năm 2008.

FED vừa công bố hai chương trình cho vay mới trị giá 800 tỷ USD để mua lại các khoản nợ liên quan đến cho vay thế chấp và hỗ trợ vốn vay nhằm cứu vãn thị trường Mỹ. FED sẽ mua ngay 100 tỷ USD các khoản nợ trực tiếp từ hai công ty Fannie Mae và Freddie Mac và mua 500 tỷ USD những hợp đồng bảo hiểm của các khoản vay cho địa ốc và bán ra cho các nhà đầu tư.

1.2.5.2. Giải pháp từ chính phủ

Ngày 13/2/2008, Tổng thống George W. Bush đã ký “*Economic Stimulus Act of 2008*” theo đó chính phủ sẽ áp dụng một chương trình kích cầu tổng hợp trị giá 168 tỷ dollar chủ yếu dưới hình thức hoàn thuế thu nhập cá nhân. Trước tình hình khủng hoảng tài chính nghiêm trọng, chính quyền Bush đã trình quốc hội thông qua gói tài chính 700 tỷ dollar. Ban đầu Hạ viện Hoa Kỳ do Đảng Dân chủ Hoa Kỳ chiếm đa số bác bỏ vì cho rằng không thể phí tiền để cứu không được quá nhiều tổ chức tài chính gặp khó khăn. Song sau khi kế hoạch sử dụng 700 tỷ dollar được điều chỉnh sang hướng chi cho cả các chương trình phục vụ đông đảo người dân nhằm kích thích tiêu dùng (như trợ giúp cho người thất nghiệp, hỗ trợ dinh dưỡng cho người nghèo và người thu nhập thấp, phát triển cơ sở hạ tầng), qua đó vực dậy nền kinh tế, nó đã được Thượng viện thông qua.

Ngày 3 tháng 10 năm 2008, Tổng thống Bush đã ký “*Emergency Economic Stabilization Act of 2008*” cho phép thực hiện gói kích thích 700 tỷ dollar này. Mục đích của gói kích thích này là: gia hạn đạo luật cắt giảm thuế thu nhập cho doanh nghiệp và cá nhân (tính sẽ làm ngân sách thất thu 149 tỷ USD); tăng hạn mức bảo hiểm tiền gửi tại Cơ quan Bảo hiểm tiền gửi Liên bang từ 100.000 USD lên 250.000 USD... TT Bush đề nghị Dự luật cứu nguy tài chính trị giá 700 tỷ USD chia ra nhiều đợt, để mua tài sản của những ngân hàng và những công ty đầu tư đang gặp khó khăn. Tài sản ở đây là những món nợ xấu, tiền cho vay mua nhà (mortgage related) nhằm tạo điều kiện cho ngân hàng có tiền cho vay để kích thích nền kinh tế có cơ hội đầu tư và phát triển... với điều kiện ngân hàng phải đưa lại cổ phiếu cho bộ Tài chính quản lý, chính phủ phải kiểm soát tiền lương và tiền thưởng của các Giám đốc ngân hàng không thể thả nổi như các trường hợp trước ...

Barack Obama, tổng thống thứ 44 của Mỹ, sau khi trúng cử đã nêu ra một chương trình kích thích kinh tế trong đó Mỹ sẽ tiến hành kích cầu bằng:

- *Những dự án phát triển cơ sở hạ tầng chưa từng có kể từ 1950*

Nâng cấp hệ thống sử dụng năng lượng của các văn phòng cơ quan chính phủ Hoa Kỳ theo hướng tiết kiệm năng lượng; Đầu tư lớn cho phát triển công nghệ nhất là thông tin y tế điện tử, hệ thống máy tính cho các trường phổ thông và phát triển mạng Internet băng thông rộng.

- *Cấp thêm ngân sách cho Chương trình bảo hiểm y tế*

Cấp thêm 50 tỷ dollar ngoài khoản 20 tỷ dollar đã được đồng ý cho ngành công nghiệp ô tô với điều kiện là ngành này phải cải tổ đáng kể.

Trợ giúp trực tiếp và khẩn cấp cho người sở hữu nhà, thay vì cứu trợ các tổ chức tài chính cho vay nhà ở thế chấp vô trách nhiệm

Phản ứng nhanh, mạnh với khủng hoảng tài chính bằng tất cả các công cụ mà nước Mỹ có.

Ngày 17/2/2009, Barack Obama đã ký “*American Recovery and Reinvestment Act*”. Đạo luật này cho phép Chính phủ thực hiện gói kích thích thứ hai kể từ khi khủng hoảng nổ ra. Gói kích thích này trị giá 787 tỷ dollar. Nội dung của kế hoạch này bao gồm có hai mảng chính là tăng chi tiêu của Chính phủ và cắt giảm thuế cho người dân và doanh nghiệp. Kế hoạch tại Thượng viện giảm 40 tỷ USD hỗ trợ cho các tiểu bang so với kế hoạch tại Hạ viện, đồng thời giảm mức cắt giảm thuế cho tầng lớp có thu nhập trung bình so với mức ông Obama đề xuất. Thượng viện còn đưa ra các ưu đãi thuế mới để khuyến khích người dân mua nhà và xe hơi trong vòng 1 năm tới.

Mục đích của gói kích cầu này là

Gói kích cầu dành 36% để cắt giảm thuế, và 64% cho các chương trình xã hội.

Từ tháng 4 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập sẽ giảm và đây là chương trình giảm thuế có hiệu lực nhanh nhất tại Mỹ, 2 tháng sau khi được ký phê duyệt. Theo đó, mỗi gia đình Mỹ tiết kiệm được khoảng 65 USD mỗi tháng và 95% hộ gia đình sẽ nằm trong diện này. Trong lúc đó, Chính phủ Mỹ dự

kiến nâng thuế suất đối với người có thu nhập cao từ 35% hiện nay lên 39,5%, áp dụng với những người có thu nhập 250.000 USD mỗi năm trở lên.

Khi nhậm chức Tổng thống vào tháng 1 vừa qua, ông Obama thừa kế từ chính phủ của cựu tổng thống Bush một nền kinh tế đang khủng hoảng sâu sắc, ngân sách thâm hụt hơn 1000 tỷ USD và dự kiến mức thâm hụt còn tăng tiếp khi gói 787 tỷ USD được giải ngân. Để đối phó, ngoài việc nâng thuế suất đối với người có thu nhập cao, ông Obama dự kiến giảm một nửa chi phí cho chiến tranh Iraq. Chính quyền của Tổng thống Obama kỳ vọng có thể giảm một nửa lượng thâm hụt ngân sách khổng lồ 1.300 tỷ USD vào cuối nhiệm kỳ của ông vào năm 2012.

1.2.6. Bài học từ những cuộc khủng hoảng tài chính đối với hoạt động ngoại thương

1.2.6.1. Đại suy thoái năm 1930

Cuộc đại suy thoái 1930 ghi dấu ấn là giai đoạn suy sụp kinh tế tồi tệ nhất trong lịch sử hiện đại. Bắt đầu vào năm 1929 và kết thúc vào thời điểm chuyển giao giữa hai thập niên 30 và 40, cuộc suy thoái có sức ảnh hưởng hủy diệt với kinh tế toàn cầu. Mọi khía cạnh của nền kinh tế từ sản xuất, tiêu dùng, thương mại, thu nhập cá nhân, hoạt động tiêu dùng, thị trường lao động, lạm phát đều chịu ảnh hưởng xấu. Các nước phụ thuộc nhiều vào công nghiệp chịu tác động sâu sắc nhất. Ngoài ra khu vực nông nghiệp cũng điêu đứng khi giá ngô, một trong những nông sản chính tại phương tây, giảm tới 60%.

17/6/1930, chính phủ Mỹ ban hành đạo luật thuế Smoot-Hawley, đánh thuế tới đa 53% với 900 sản phẩm và 70 nông sản. Hàng rào thuế quan này đã được dựng lên để bảo vệ nền công nghiệp của Mỹ khỏi bị nhấn chìm bởi hàng hóa nhập khẩu và hành động này đã làm cho các nước khác thêm giận và quyết định trừng phạt trả đũa của các nước khác đối với xuất khẩu của Mỹ. Chỉ trong vòng 2 năm, 25 quốc gia phản ứng lại bằng cách tăng thuế quan làm xuất khẩu Mỹ từ 5.29 tỷ USD năm 1929 xuống 1.6 tỷ USD năm 1932, thương

mại toàn cầu giảm 66%³⁵. Và bài học rút ra là không nên dựng hàng rào thuế quan trong thời kỳ suy thoái.

1.2.6.2. Khủng hoảng tài chính Đông Á

Khủng hoảng tài chính Đông Á là cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu từ tháng 7 năm 1997 ở Thái Lan rồi ảnh hưởng đến các thị trường chứng khoán, trung tâm tiền tệ lớn, và giá cả của những tài sản khác ở vài nước châu Á. Khủng hoảng đã gây ra những ảnh hưởng vĩ mô nghiêm trọng, bao gồm mất giá tiền tệ, sụp đổ thị trường chứng khoán, giảm giá tài sản ở một số nước châu Á. Nhiều doanh nghiệp bị phá sản, dẫn đến hàng triệu người bị đẩy xuống dưới ngưỡng nghèo trong các năm 1997-1998. Những nước bị ảnh hưởng nặng nề nhất là Indonesia, Hàn Quốc và Thái Lan.

Khủng hoảng tài chính Đông Á làm người ta nhận thức rõ hơn sự cần thiết phải có một hệ thống tài chính - ngân hàng vững mạnh, minh bạch. Các quy định an toàn và sự giám sát thận trọng cần liên tục hoàn thiện phù hợp với sự thay đổi của môi trường; hệ thống cảnh báo sớm và những hành động sửa sai nhanh chóng có ý nghĩa rất quan trọng; quản trị công ty và các quy tắc của thị trường cũng như cơ sở hạ tầng pháp lý và tài chính cần được tạo lập để thuận lợi cho việc giải quyết sớm khủng hoảng. Để ngăn chặn tình trạng suy thoái trầm trọng hơn, cần kịp thời nới lỏng chính sách thắt lưng buộc bụng.

1.2.6.3. Khủng hoảng tài chính Mỹ

Bài học lớn nhất rút ra từ cuộc khủng hoảng này là: không nên tiến hành mua lại công việc kinh doanh khi không hiểu kỹ về nó. AIG bắt đầu cung cấp dịch vụ bảo hiểm khả năng vỡ nợ tín dụng cho các chứng khoán đảm bảo bằng tài sản thế chấp, trong khi họ gần như không hiểu biết gì về nó. Merrill Lynch lặp lại sai lầm tương tự khi quyết định rót vốn vào các khoản đầu tư

³⁵<http://www.nationalistvietnameseforum.com/Nationalist%20Vietnamese%20Forum/Pages/Article%20178.htm>

mà bản thân chúng đều là các khoản nợ khó đòi. Và Ngân hàng Mỹ có thể cũng không tránh khỏi sai lầm này khi đồng ý mua lại Merrill Lynch, mà toàn bộ hoạt động môi giới chứng khoán, ngân hàng đầu tư và danh mục đầu tư của Merrill Lynch đều vượt quá chuyên môn của Ngân hàng Mỹ.

Khi xảy ra khủng hoảng, tính thanh khoản có thể biến mất ngay trong chốc lát. Quỹ phòng chống rủi ro từng cho rằng, khi các vấn đề nảy sinh, họ hoàn toàn có thể tháo gỡ từng vấn đề một cách ổn thỏa. Nhưng trên thực tế lúc đó đã không còn sự hiện diện của bất kỳ một khách hàng nào nữa - mọi người mua đều đã ra đi. Điều tương tự cũng xảy ra với Merrill Lynch, WaMu và một số tập đoàn khác. Tâm lý hoang mang, sợ hãi lan nhanh trong thị trường tới nỗi không một ai muốn bỏ tiền ra mua lại các khoản nợ của họ - dù ở bất kỳ mức giá nào. Trong khi đó, lúc Ngân hàng Mỹ (Bank of America) quyết định thực hiện thương vụ mua lại Merrill Lynch với mức giá hời – 50 tỷ USD, cũng chính là lúc họ thu về được một khoản nợ xấu lên tới 64 tỷ USD, mà theo tính toán thì cuối cùng nó sẽ vượt quá cả chi phí thực của vụ mua bán.

Những nước nhỏ không thể chỉ trông chờ vào xuất khẩu và coi đây là một yếu tố tăng trưởng lâu dài, mà phải dần dần chuyển đổi để đẩy mạnh tiêu thụ nội địa, chuyển đổi từ sản xuất để xuất khẩu qua các dịch vụ. Việt Nam cũng cần rút ra các bài học từ cuộc khủng hoảng tài chính ở Mỹ. Nếu để hệ thống tiền tệ phát triển tự phát với sự xuất hiện các công cụ tài chính càng tinh vi, phức tạp thì càng khó quản lý. Thị trường chứng khoán phải được phát triển từng bước và phải có đủ cơ chế công khai thông tin và việc thực thi các luật lệ phải có tính minh bạch. Phát triển thị trường tài chính một cách vội vàng sẽ dễ phát sinh khủng hoảng. Đối với Việt Nam hiện nay, mục tiêu tối thượng của hệ thống tiền tệ là phải làm sao góp phần tăng sản xuất, chuyển dịch cơ cấu sản xuất và xuất khẩu, huy động vốn trong dân và giúp những doanh nghiệp tiếp cận với vốn. Thêm vào đó, hệ thống tiền tệ phải hoàn toàn nằm trong khả năng quản lý, giám sát của Nhà nước.

CHƯƠNG II: TÁC ĐỘNG KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH MỸ ĐẾN XUẤT NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM

2.1. TÁC ĐỘNG KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH MỸ ĐẾN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

Cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ lan rộng toàn cầu và hậu quả nặng nề của nó ngày càng lộ rõ. Việt Nam tuy không chịu ảnh hưởng trực tiếp nhưng với một nền kinh tế đã hội nhập thì những tác động gián tiếp là không thể tránh khỏi.

2.1.1. Thương mại

Kinh tế Mỹ là nền kinh tế lớn, chiếm 30% tổng sản lượng, chu chuyển vốn thị trường thế giới³⁶. Trong điều kiện hiện nay, tất cả các quốc gia đều đã hội nhập nên “nhất cử, nhất động” của một nền kinh tế nào đó cũng có ảnh hưởng nhất định đối với thế giới, chưa nói tới một nền kinh tế lớn như Mỹ. Tốc độ xuất, nhập khẩu của Việt Nam với thị trường Mỹ phát triển tương đối nhanh và Mỹ là thị trường nhập khẩu quan trọng các mặt hàng dệt may, da giày, thủy sản của Việt Nam. Mỹ chỉ đứng thứ 6 trong số các nước đầu tư vào Việt Nam, các dự án phần lớn còn ở giai đoạn đầu và phần nhiều đầu tư vào hạ tầng dài hạn. Một khi mà người tiêu dùng Mỹ thắt chặt hầu bao, không còn vung vít chi tiêu mua sắm ô tô, tivi, tủ lạnh, thực phẩm chỉ mua đủ dùng... thì nền kinh tế dựa chủ yếu vào nguồn lợi từ xuất khẩu chắc chắn sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Ngay từ những tháng đầu năm 2008, đã xuất hiện xu hướng giảm tốc độ xuất khẩu sang Mỹ, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Do cầu tiêu dùng tại Mỹ đang trên đà suy giảm mạnh bởi tác động của khủng hoảng tài chính, trong 9 tháng đầu năm, tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ chỉ

³⁶ <http://www.vcci.com.vn/kinh-te/kinh-te-viet-nam-co-vuot-qua-con-bao-tai-chinh-my>

đạt 16,7%, thấp hơn khá nhiều so với mức 26,7% của năm 2007. Tỷ trọng của thị trường Mỹ trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đã giảm, từ 20,7% của năm 2007 xuống còn 17,7% trong 9 tháng đầu năm nay³⁷. Các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng nhất là may mặc, giày da, gạo, cá basa, cà phê...

Cuộc khủng hoảng cũng tác động đến tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam sang EU và Nhật Bản - hai thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam. Phân tích của các chuyên gia kinh tế cho thấy, do bị tác động mạnh từ cuộc khủng hoảng, người tiêu dùng của các thị trường này cũng phải cắt giảm chi tiêu, nên nhu cầu nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cũng sẽ có xu hướng giảm. Tỷ trọng của thị trường EU trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam cũng đã giảm, chỉ còn 16,5%, trong khi năm 2007 là 18%³⁸. Xuất khẩu sẽ gặp khó khăn lớn và giảm cả số lượng và giá cả... do tổng cầu thế giới giảm và cạnh tranh trên các thị trường sẽ khó khăn, giảm thu ngoại tệ cho quốc gia, giảm sản xuất trong nước, giảm GDP, thất nghiệp tăng,...

2.1.2. Thị trường tài chính

- **Hoạt động ngân hàng**

Tuy cuộc khủng hoảng chưa có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ thống ngân hàng, nhưng một số tác động gián tiếp là đáng kể. Trước hết, đó là diễn biến của tỷ giá và lãi suất USD. Tỷ giá USD với đồng Việt Nam trên thị trường có nhiều biến động do tâm lý của người dân.

Ngoài ra, do cuộc khủng hoảng tài chính, các ngân hàng Việt Nam sẽ tiếp cận với các nguồn vốn nước ngoài khó khăn hơn, các hạn mức tín dụng mà các tổ chức tài chính nước ngoài dành cho các ngân hàng Việt Nam cũng dặt dỏ hơn. Bên cạnh đó, việc tìm đối tác chiến lược nước ngoài của các ngân

³⁷ www.doi-thoi.com/baimoi1208_318.html

³⁸ http://www.economics.vnu.edu.vn/111iem-tin-kinh-te-trong-nuoc-va-quoc-te/tin-kinh-te-trong-nuoc/phong-ngua-tac-111ong-cua-khung-hoang-tai-chinh-my/print_preview

hàng Việt Nam (cả cổ phần lẫn quốc doanh) cũng sẽ khó khăn hơn trước nhiều. Ngoài ra, các hoạt động hợp tác đầu tư tài chính của các tổ chức nước ngoài với các ngân hàng Việt Nam cũng sẽ giảm so với trước.

Trước tình hình đó, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có các biện pháp, chính sách để điều hành, ổn định tỷ giá, hạ lãi suất cơ bản, giúp doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn để sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất - nhập khẩu, rà soát và kiểm soát nợ xấu của các ngân hàng thương mại.

- **Thị trường chứng khoán**

Hiện nay, trong thời kỳ khủng hoảng, lợi nhuận của đa số các công ty suy giảm mạnh, tình trạng các doanh nghiệp thua lỗ, phá sản diễn ra phổ biến. Khủng hoảng tài chính đã ảnh hưởng đáng kể đến kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết, làm giá cổ phiếu của các doanh nghiệp này vốn đang sụt giảm lại khó có khả năng phục hồi.

Luồng tiền đầu tư gián tiếp vào Việt Nam suy giảm và đã có hiện tượng các nhà đầu tư nước ngoài rút vốn khỏi thị trường. Việc nhà đầu tư nước ngoài có biểu hiện rút khỏi thị trường chứng khoán Việt Nam đã gây tâm lý hoang mang cho các nhà đầu tư trong nước.

Với những nhà đầu tư riêng lẻ như các ngân hàng, tổ chức tài chính thời gian tới cũng sẽ phải tính lại và có thể bán ra để cơ cấu lại danh mục cũng như sắp xếp lại nguồn lực đầu tư. Việc các tổ chức này bán ra mạnh liên tục trong vài ngày có thể tạo ra tâm lý “bầy đàn” kéo theo sự tháo chạy trên thị trường.

Huy động vốn gián tiếp vào thị trường cổ phiếu Việt Nam trong thời gian tới sẽ rất khó khăn do các nhà đầu tư sẽ hướng tới các kênh đầu tư an toàn. Việc bán tháo chứng khoán khỏi thị trường Việt Nam là có thể, mặc dù xác suất không cao, do tính thanh khoản và quy mô của thị trường. Điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường chứng khoán và quá trình cổ phần hóa các

doanh nghiệp nhà nước lớn trong các năm tới. Việc huy động vốn thông qua thị trường vốn khó khăn trong khi thị trường tín dụng thắt chặt sẽ chặn dòng vốn và đẩy chi phí tài chính của các doanh nghiệp lên cao.

2.1.3. Đầu tư nước ngoài

Trong những năm tới, khủng hoảng tài chính thế giới có thể khiến dòng đầu tư nước ngoài cả trực tiếp và gián tiếp vào Việt Nam suy giảm vì những lo ngại về bất ổn kinh tế và sự suy thoái kinh tế toàn cầu.

Về ngắn hạn, khủng hoảng ở Mỹ chưa có tác động lớn đến Việt Nam do dòng vốn đầu tư vào Việt Nam hầu hết bắt nguồn từ các nước và vùng lãnh thổ trong khu vực như Xin-ga-po, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan,...

Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng tài chính đã không chỉ dừng lại ở Mỹ mà đã lan sang các nước phát triển khác, trong đó có Nhật Bản, Hàn Quốc và các quốc gia có đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. Các nước châu Á, nơi chiếm tới 80% dòng vốn đầu tư vào Việt Nam³⁹, cũng đang chịu tác động lớn của cuộc khủng hoảng. Việc huy động vốn trên thế giới sẽ gặp nhiều khó khăn do chi phí vốn trở nên đắt đỏ hơn. Hậu quả là các nhà đầu tư sẽ hạn chế tăng thêm đầu tư mới và thực hiện các dự án đã cam kết. Đã có xu hướng một số công ty mẹ ở chính quốc yêu cầu các chi nhánh tại Việt Nam phải giảm đầu tư để rút vốn về để tháo gỡ khó khăn cho các công ty mẹ. Do vậy, trong dài hạn, nếu khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới không bị chặn lại thì chắc chắn nó sẽ tác động tới đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

Cuộc khủng hoảng đã bước đầu có ảnh hưởng đến đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và viện trợ phát triển chính thức (ODA). Số dự án FDI đăng ký mới có xu hướng chững lại. 9 tháng đầu năm 2008 có 885 dự án đăng ký với tổng số vốn đăng ký là 56,27 tỉ USD⁴⁰. Đến tháng 10-2008, tổng số dự án đăng ký mới là 68 dự án với tổng vốn đăng ký là 2,02 tỉ USD, tháng 11/2008

³⁹ http://www.vnfa.com/aneews09/0901_105.html

⁴⁰ <http://www.ktdt.com.vn/print.asp?newsid=107258>

cả nước có 106 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký 726 triệu USD và tháng 12/2008, cả nước có 112 dự án đầu tư nước ngoài được cấp phép mới với tổng số vốn đăng ký 1254 triệu USD.

Thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm 2009 đến 20/3/2009 đạt 6 tỷ USD, giảm 40,1% so với cùng kỳ năm 2008, gồm có: Vốn đăng ký mới 2,2 tỷ USD của 93 dự án được cấp phép (giảm 72,2% về dự án và giảm 69,7% về vốn so với cùng kỳ năm trước)

Giải ngân vốn FDI cũng có thể sẽ giảm, khi mà trong tình hình khó khăn hiện nay, các công ty đầu tư vào Việt Nam sẽ thận trọng hơn trong kế hoạch tài chính và đầu tư. Thêm vào đó, hầu hết các dự án đầu tư nói chung, dự án FDI nói riêng, phần nợ vay thường chiếm một tỷ phần rất lớn trong tổng vốn đầu tư, nên khi các tổ chức tài chính đang gặp khó khăn sẽ làm cho nhiều hợp đồng vay vốn sẽ không được ký kết hoặc không thể giải ngân. Ngay cả các dự án FDI đang triển khai cũng có thể bị chững lại, vì rất có thể, các công ty sẽ phải cân đối lại nguồn vốn, bảo đảm tài chính an toàn trong khủng hoảng. Riêng các dự án mới cấp phép, nếu chủ đầu tư bị tổn thương lớn từ cuộc khủng hoảng này, thì có thể bị tạm dừng triển khai, thậm chí rút bỏ. Do vậy, năm 2009 - 2010, tốc độ giải ngân vốn FDI được dự báo là sẽ theo xu hướng chậm lại.

Những dự báo ban đầu cho thấy, số vốn ODA cam kết và giải ngân tại Việt Nam trong những năm tới sẽ có xu hướng giảm do nguồn vốn đầu tư của các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế và dự trữ cho vay của các nước phát triển được cân đối lại để bình ổn thị trường tài chính.

Một khía cạnh khác của đầu tư gián tiếp là các giao dịch chênh lệch lãi suất nhằm hưởng chênh lệch lãi suất giữa 2 đồng tiền trong khi tỷ giá ổn định. Các giao dịch này thường mang tính đầu cơ ngắn hạn cao. Với lãi suất toàn cầu sụt giảm và chính sách tỷ giá neo VND vào USD của Việt Nam trong khi lãi suất VND vẫn ở mức cao, có thể dòng vốn này sẽ chảy vào trong một số

giai đoạn nhất định nhằm khai thác cơ hội chênh lệch. Trong những trường hợp thoái vốn, dòng vốn này có thể tạo áp lực tỷ giá cho VND.

Dòng kiều hối từ trước đến nay vẫn là một dòng ngoại tệ tương đối ổn định, ngay cả trong thời kỳ kinh tế toàn cầu có khó khăn. Trong một vài năm trở lại đây, dòng kiều hối về Việt Nam tăng mạnh, với mức doanh số 8 tỉ - 10 tỉ USD/năm. Ngoài mục đích hỗ trợ thân nhân và đầu tư vào kinh doanh, một phần không nhỏ của dòng kiều hối này được đầu tư vào chứng khoán và bất động sản - những lĩnh vực hiện nay không còn "nóng" như trước. Hơn nữa, một phần lớn nguồn kiều hối về Việt Nam lại từ nước Mỹ, nơi tăng trưởng kinh tế đang sa sút và tình trạng thất nghiệp gia tăng. Điều này khiến cho dòng kiều hối trong các năm tới có thể cũng sẽ suy giảm.

Hiện tại, hầu hết các nhà đầu tư vẫn cam kết nhiều vì họ tin tưởng vào tương lai và triển vọng đi lên của nền kinh tế nước ta. Nhiều nhà đầu tư cho rằng, tác động của cuộc khủng hoảng tới nền kinh tế Việt Nam chỉ ở mức độ nhất định và sẽ được khắc phục trong thời gian tới. Một điểm thuận lợi nữa của Việt Nam là các nhà đầu tư lớn như Nhật Bản, EU đã hướng vào khu vực Đông - Nam Á và có chiến lược đầu tư dài hạn trong 10 năm tới.

2.1.4. Tăng trưởng kinh tế

Những tác động trực tiếp và gián tiếp của khủng hoảng tài chính thế giới đang và sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng GDP trong năm 2008 chỉ đạt khoảng 6.237%, thấp hơn chỉ tiêu đã được Quốc hội thông qua là 7%.

Tháng 4/2009, các chuyên gia IMF đã hạ mức dự báo tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2009 từ 4,8% xuống còn 3,3%. Với những tác động ban đầu của khủng hoảng tài chính thế giới đến đầu tư nước ngoài, thương mại, tài chính tiền tệ,... trong thời gian vừa qua, cũng như phạm vi ảnh hưởng của khủng hoảng đến kinh tế thế giới như đã phân tích ở trên, nền kinh tế nước ta cũng sẽ còn gặp khó khăn trong năm 2009 và các năm tiếp theo.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, biến động của kinh tế toàn cầu sẽ ảnh hưởng đến tốc độ tăng GDP của Việt Nam. Khi kinh tế toàn cầu suy giảm trong năm 2009, những thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam như Mỹ, Nhật Bản, EU và một số khu vực có nguy cơ bị thu hẹp, đồng thời thu hút đầu tư, cả gián tiếp và trực tiếp của chúng ta cũng sẽ bị giảm sút. Kim ngạch xuất khẩu năm 2009 dự báo sẽ tăng 13%, mức tăng thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây. Tổng mức đầu tư toàn xã hội năm 2009 dự báo bằng 39,5% GDP, thấp hơn so với dự báo trước đây là 40% GDP⁴¹. Nhiều doanh nghiệp trong nước, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ gặp khó khăn do tiêu thụ hàng hóa giảm và thiếu vốn đầu tư.

Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, kinh tế của Việt Nam năm 2009, theo dự báo, sẽ đạt mức tăng trưởng thấp hơn so với năm 2008, với tốc độ tăng trưởng khoảng 5,5%. Giá trị gia tăng ngành công nghiệp và xây dựng dự kiến sẽ tăng trưởng khoảng 7,4%, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản dự kiến sẽ tăng khoảng 2,8%, thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng trong năm 2008⁴². Ngành dịch vụ sẽ đạt mức tăng trưởng xấp xỉ năm 2008. Năm 2010 và các năm tiếp theo, kinh tế thế giới và khu vực châu Á được dự báo khả quan hơn. Điều này sẽ tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Dự báo tăng trưởng kinh tế của nước ta sẽ phục hồi sau năm 2009, với tốc độ tăng trưởng xấp xỉ và cao hơn năm 2008.

⁴¹ <http://thvm.vn/News/Thoi-su/Kinh-te/Xuat-khau-nam-2008-va-du-bao-2009-/Show-5230/>

⁴² http://www.tinkinhte.com/nd5/viewssubject/tong-hop-thong-tin-du-bao-kinh-te-2009/toc-do-tang-truong-gdp-du-kien-se-dat-vao-nam-2020/25904.s_33.2.html

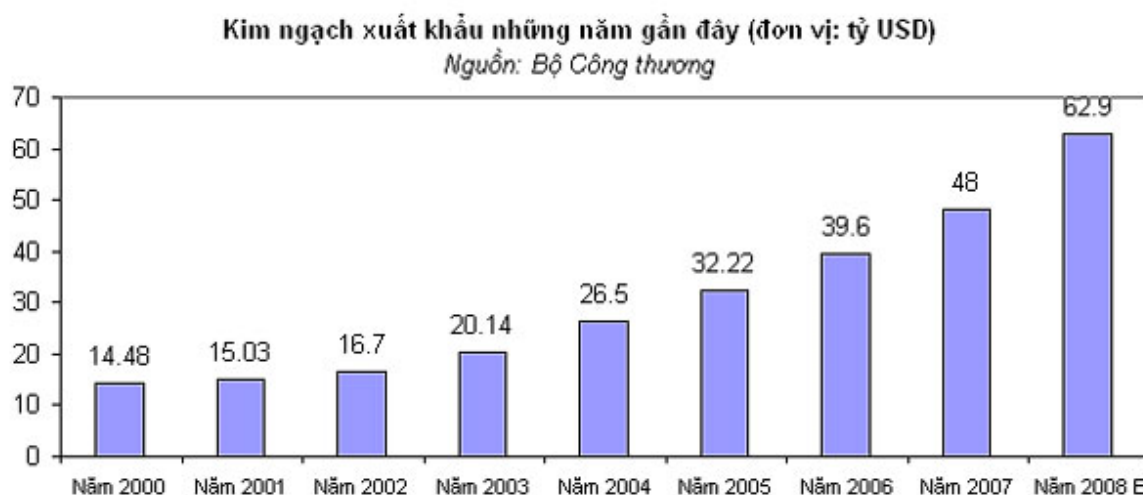
2.2. TÁC ĐỘNG KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH MỸ ĐẾN XUẤT NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM

2.2.1. Thực trạng xuất nhập khẩu của Việt Nam những năm gần đây

2.2.1.1 Xuất khẩu

Năm 2001, tăng trưởng xuất khẩu chỉ đạt 3.7% . Chỉ số này được cải thiện vào năm 2002, và bứt phá trong giai đoạn 2004-2008. Tốc độ tăng trưởng trung bình hằng năm đạt 20.5% (xem hình dưới)

Hình 6: Kim ngạch xuất khẩu 2000-2008



(Nguồn: <http://vneconomy.vn>)

Các thị trường xuất khẩu

Các thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam theo thứ tự là: Mỹ, EU, ASEAN, Nhật Bản, Trung Quốc, Australia. Trong giai đoạn 2000-2008, kim ngạch xuất khẩu vào tất cả các thị trường trọng điểm đều tăng ấn tượng: xuất khẩu vào ASEAN tăng 3.67 lần, vào EU tăng 3.38 lần và vào Nhật tăng hơn 3 lần. Đáng chú ý nhất là việc gia tăng xuất khẩu vào Mỹ. Nếu năm 2001, giá trị xuất khẩu sang thị trường lớn nhất thế giới này chỉ là 1,06 tỷ USD, thì đến năm 2008, kim ngạch xuất khẩu đạt 11.6 tỷ USD, xấp xỉ 11 lần. Kết quả này có được là nhờ Hiệp định thương mại Việt Mỹ ký năm 2000, có hiệu lực năm 2001.

Định hướng xuất khẩu của Việt Nam là đa dạng hóa thị trường, gia tăng xuất khẩu sang các nước châu Âu, châu Mỹ và giảm xuất khẩu sang các nước châu Á

Các nhóm hàng xuất khẩu chủ yếu

Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân giai đoạn 2001-2006 của nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản, công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp, hàng nông lâm thủy sản lần lượt là 18,4%, 22,2% và 15,2%. Như vậy, nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp gia tăng nhanh về giá trị và chiếm vai trò ngày càng quan trọng trong cơ cấu xuất khẩu quốc gia. Vai trò nông lâm thủy sản giảm đáng kể.

Đặc biệt, tình hình xuất khẩu của dệt may, da giày của Việt Nam 7 năm qua luôn ổn định. Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành dệt may là 23%, da giày là 15,3%. Hai ngành này có chung đặc điểm là sử dụng nhiều lao động, phù hợp với lợi thế lao động giá rẻ ở Việt Nam. Năm 2008 có 8 nhóm hàng/mặt hàng xuất khẩu đạt kim ngạch trên 2 tỷ USD là: Dầu thô 10,5 tỷ USD; hàng dệt may 9,1 tỷ USD; giày, dép 4,7 tỷ USD; thủy sản 4,6 tỷ USD; gạo 2,9 tỷ USD; sản phẩm gỗ 2,8 tỷ USD; điện tử, máy tính 2,7 tỷ USD; cà phê 2 tỷ USD, tăng 2 mặt hàng so với năm 2007 là gạo và cà phê⁴³.

Những thành tựu của xuất khẩu

Quy mô và tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu tiếp tục được duy trì ở mức cao.

Các mặt hàng xuất khẩu truyền thống vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng cao, nhất là các mặt hàng gạo, rau quả, hạt điều, than đá, hàng điện tử và linh kiện máy tính, sản phẩm nhựa, túi xách và li và ô dù... Xuất khẩu hàng hoá tăng còn có sự đóng góp của nhiều mặt hàng mới ví dụ như sản phẩm từ cao su, sản phẩm chế tạo từ gang, thép, máy biến thế, động cơ điện, tàu thuyền các loại...

⁴³ <http://ngoaituong.vn/news/tinmoi/tinxuatnhapkhau/848/1/print.html>

Cơ cấu hàng hoá xuất khẩu vẫn tiếp tục chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng nhóm hàng chế biến, chế tạo, giảm tỷ trọng xuất khẩu thô. Những hàng hoá có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao và giá trị xuất khẩu lớn là nhóm hàng công nghiệp và chế biến như: thủy sản, hàng điện tử và linh kiện điện tử, sản phẩm nhựa, túi xách va li, mũ và ô dù...

Bên cạnh việc tập trung khai thác tối đa các thị trường trọng điểm, năm qua chúng ta tiếp tục giữ vững thị trường truyền thống, đẩy mạnh việc đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, nhiều chủng loại hàng hoá xuất khẩu đã vào được các thị trường mới, điển hình là các thị trường tại khu vực Châu Phi-Tây Nam Á, Châu Á, và Châu Đại Dương .

Những hạn chế của xuất khẩu

Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực gặp khó khăn do phải đối mặt với những rào cản thương mại mới ngày càng nhiều với các hành vi bảo hộ thương mại tinh vi tại các thị trường lớn. Việc tăng giá trị xuất khẩu phụ thuộc nhiều vào giá thế giới và những thị trường xuất khẩu lớn, khi những thị trường này có biến động thì KNXXK bị ảnh hưởng.

Nhu cầu của thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, các đơn hàng xuất khẩu dật may, đồ gỗ, một số nông sản vào Mỹ và EU đều giảm do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu; Trong khi thị trường xuất khẩu gặp khó khăn thì các chi phí đầu vào không giảm, thậm chí còn tăng cao như lương công nhân, lãi suất ngân hàng, khiến nhiều doanh nghiệp dật may phải chuyển từ sản xuất mua nguyên liệu bán thành phẩm sang gia công để bảo toàn vốn, vì vậy giá trị gia tăng trên sản phẩm dật may ngày càng thấp là lợi nhuận giảm.

Xuất khẩu vẫn phụ thuộc nhiều vào các mặt hàng khoáng sản, nông, lâm, thủy, hải sản; các mặt hàng công nghiệp chế biến chủ yếu vẫn mang tính chất gia công; Các mặt hàng xuất khẩu chưa đa dạng, phong phú, số lượng các mặt hàng xuất khẩu mới có kim ngạch lớn, tốc độ tăng trưởng nhanh chưa nhiều. Xuất khẩu chủ yếu dựa vào khai thác lợi thế so sánh sẵn có mà chưa khai thác được

lợi thế cạnh tranh thông qua việc xây dựng các ngành công nghiệp có mối liên kết chặt chẽ với nhau để hình thành chuỗi giá trị gia tăng xuất khẩu lớn.

Vẫn chưa tận dụng triệt để lợi ích từ việc gia nhập WTO, các hiệp định thương mại song phương và khu vực đã ký kết giữa Việt Nam và các đối tác để khai thác hết tiềm năng của các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc.

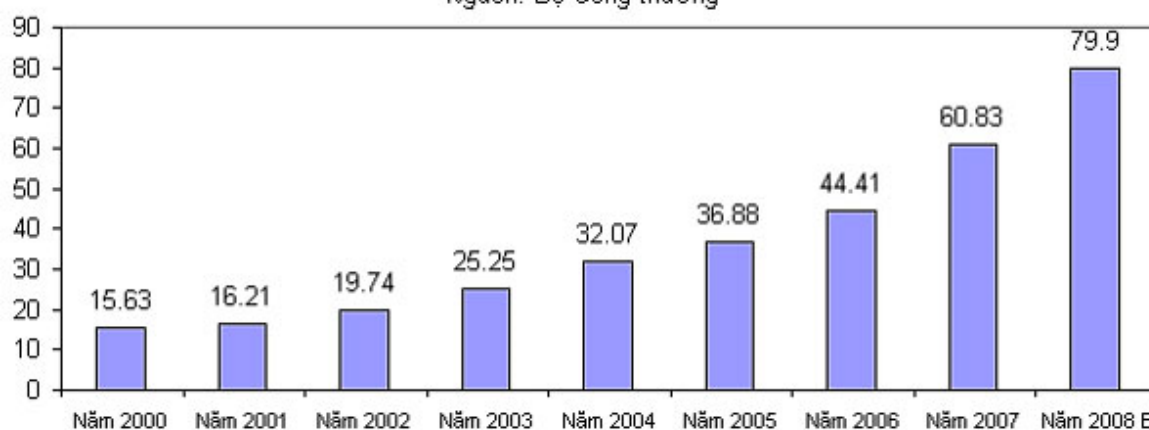
Việc tiếp cận nguồn vốn vay bằng VNĐ cho sản xuất kinh doanh vẫn còn bất cập, nhất là đối với các mặt hàng nông sản, thủy sản, trong khi đó lãi suất cho vay mặc dù đã giảm nhưng vẫn ở mức cao, điều này đã làm chi phí tăng cao ảnh hưởng tới khả năng cạnh tranh của hàng hoá xuất khẩu.

2.2.1.2 Nhập khẩu

Hình 7: Kim ngạch nhập khẩu 2000-2008

Kim ngạch nhập khẩu những năm gần đây (đơn vị: tỷ USD)

Nguồn: Bộ Công thương



(Nguồn: <http://vneconomy.vn>)

Các thị trường nhập khẩu

Các đối tác Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất đều thuộc khu vực Đông Á: Trung Quốc, Singapore, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia, Hồng Kông. Năm 2001, Việt Nam nhập khẩu đến 73,7% hàng hóa từ các nước trên; đến năm 2008, con số này là 76,3%. Trong chính sách về cơ cấu thị trường nhập khẩu, định hướng đưa ra là giảm tỷ trọng nhập khẩu từ các nước châu Á xuống còn 55% vào năm 2010. Chiến lược phát triển nhập khẩu thời

kì 2001-2010 còn đề cập tới việc gia tăng nhập khẩu từ các thị trường công nghệ nguồn như Mỹ, EU, Nhật Bản lên 40% vào năm 2010. Tuy nhiên, đến thời điểm này có thể thấy mục tiêu này hoàn toàn không khả thi.

Các nhóm hàng nhập khẩu chính

Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu bình quân của ba nhóm hàng: máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; nguyên, nhiên vật liệu; hàng tiêu dùng trong giai đoạn 2001-2008 lần lượt là 17,4%; 25,9% và 19,3%. Sau 5 năm 2001-2006, cơ cấu nhập khẩu đã có thay đổi theo hướng tăng dần tỉ trọng nhóm hàng nguyên, nhiên vật liệu, giảm tỉ trọng hai nhóm hàng máy móc, thiết bị và hàng tiêu dùng.

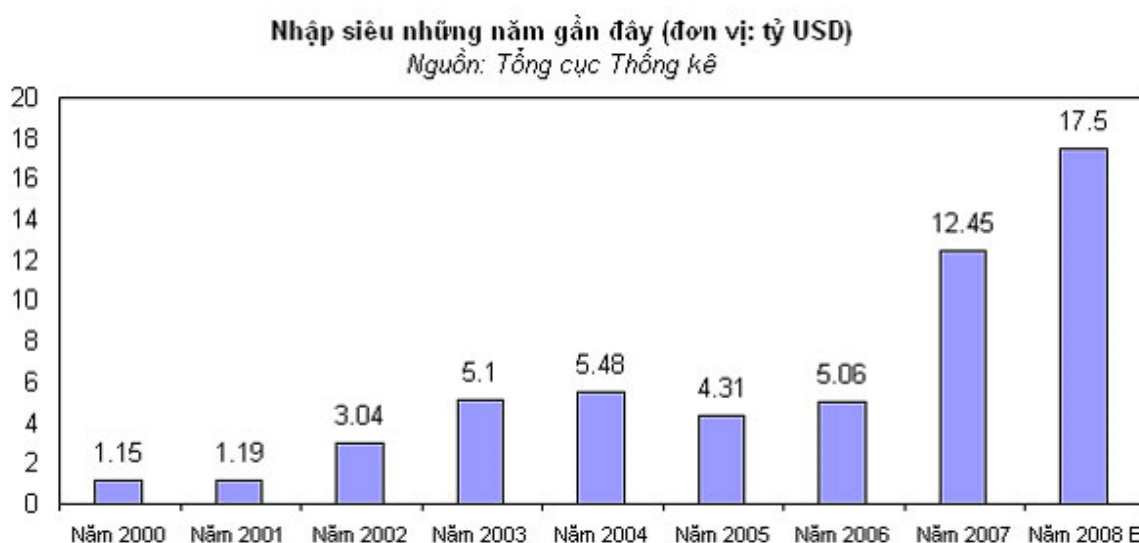
2.2.1.3. Tình trạng nhập siêu

Bên cạnh kết quả xuất khẩu khả quan, thì nhập siêu tăng mạnh là vấn đề làm đau đầu các nhà quản lý. Nhập siêu xảy ra liên tục trong cả giai đoạn 2001-2008. Ngoại trừ năm 2005 có giá trị nhập siêu giảm nhẹ, các năm còn lại giá trị nhập siêu tăng liên tục, đặc biệt năm 2007 tăng gần 2,5 lần. Đây là mức tăng kỉ lục trong thời gian qua. Tỉ lệ nhập siêu trên tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2007 cũng cao kỉ lục: 25,82% . Tốc độ nhập siêu năm 2008 tuy có giảm nhưng nếu tính tỷ lệ nhập siêu trên tổng kim ngạch xuất khẩu thì lại chiếm 27.8%, cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây.

Nhập siêu cả năm 2007 đã lên đến 10 tỷ USD, tăng trên 70% so với cùng kỳ năm 2006. Bộ Công thương cho biết, đây là mức nhập siêu cao nhất so với nhiều năm gần đây. Các mặt hàng nhập khẩu lớn, có mức tăng mạnh bao gồm: ô tô nguyên chiếc tăng 132%, linh kiện ô tô tăng 64%, thép tăng 56,4%, phôi thép tăng 37%, máy móc và thiết bị phụ tùng tăng 54%. Theo Bộ Công thương, nhập siêu tăng mạnh trước hết là do nhu cầu nhập khẩu để phục vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển kinh tế tăng mạnh. Với một nền kinh tế tăng trưởng cao đến 8,6%, thu hút đầu tư nước ngoài tăng mạnh thì việc nhập khẩu máy móc thiết bị là rất lớn. Bên cạnh đó là nhu cầu nhập khẩu phục vụ

xây dựng các kế hoạch và công trình trọng điểm như mua máy bay, nhập khẩu để phục vụ xây dựng các công trình dầu khí, nhà máy điện, đóng tàu... Ngoài ra, giá các mặt hàng nguyên liệu nhập khẩu tăng cao cũng khiến cho kim ngạch nhập khẩu tăng lên đáng kể. Cụ thể, trong năm 2007, giá thép đã tăng thêm bình quân 93 USD/tấn, chất dẻo tăng 144 USD/tấn, sợi các loại tăng 151 USD/tấn...

Hình 8: Tình trạng nhập siêu 2000-2008



(Nguồn: <http://vneconomy.vn>)

Sở dĩ nhập khẩu tăng, nhập siêu lớn có nguyên nhân sâu xa từ cơ cấu kinh tế và mô hình tăng trưởng. Sản phẩm thay thế nhập khẩu có sức cạnh tranh kém (điển hình nhất là sắt thép và ô tô) công nghiệp phụ trợ không được đầu tư phát triển, nhiều mặt hàng là vật tư nguyên liệu cho sản xuất phải nhập khẩu với khối lượng lớn, trong khi giá các mặt hàng này tăng cao.

Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của việc cắt giảm thuế, nhu cầu tiêu dùng và sức mua trong nước tăng cao. Điều này có thể nhìn thấy rõ ở tốc độ gia tăng nhập khẩu các mặt hàng như nguyên liệu dệt may, giày dép, ô tô, điện tử... đã góp phần khiến nhập siêu tăng mạnh hơn.

Về sâu xa, nhập siêu tăng cao có nguyên nhân là tốc độ tăng trưởng xuất khẩu thấp hơn tốc độ nhập khẩu. Trong khi nhu cầu nhập khẩu phục vụ nhu cầu sản

xuất và đầu tư phát triển tăng cao thì khối lượng và giá trị xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực nhất là hàng hóa thuộc nhóm nguyên nhiên liệu lại có xu hướng giảm, các nhóm hàng công nghiệp chế tạo được kỳ vọng lại chưa có sự tăng trưởng bứt phá. Điều này cũng thể hiện một thực tế là năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp.

2.2.2. Nguyên nhân khủng hoảng tài chính tác động đến xuất nhập khẩu

Cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ lan ra toàn cầu, gây tác động tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế thế giới. Chính vì vậy, xuất nhập khẩu Việt Nam cũng chịu những tác động tiêu cực

Trước hết, cuộc khủng hoảng tài chính làm giảm kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam do các nguyên nhân chính:

Thứ nhất, thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam, chiếm hơn 50% kim ngạch xuất khẩu : Mỹ, EU, Nhật Bản đều phải gánh chịu những hậu quả hết sức nặng nề. Xét riêng về lĩnh vực sản xuất, hàng loạt xí nghiệp của Mỹ, EU, Nhật Bản, ASEAN... phải đóng cửa, tạm ngừng sản xuất, giảm tiến độ kinh doanh, giảm nhân công... Nhu cầu hàng tư liệu sản xuất, nguyên nhiên vật liệu nhập khẩu sẽ giảm trong khi đó hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam lại là hàng sơ chế, nguyên nhiên vật liệu...(chiếm 60-70% tổng kim ngạch xuất khẩu). Như vậy, xuất khẩu của Việt Nam phục vụ cho sản xuất khu vực sẽ giảm mạnh.

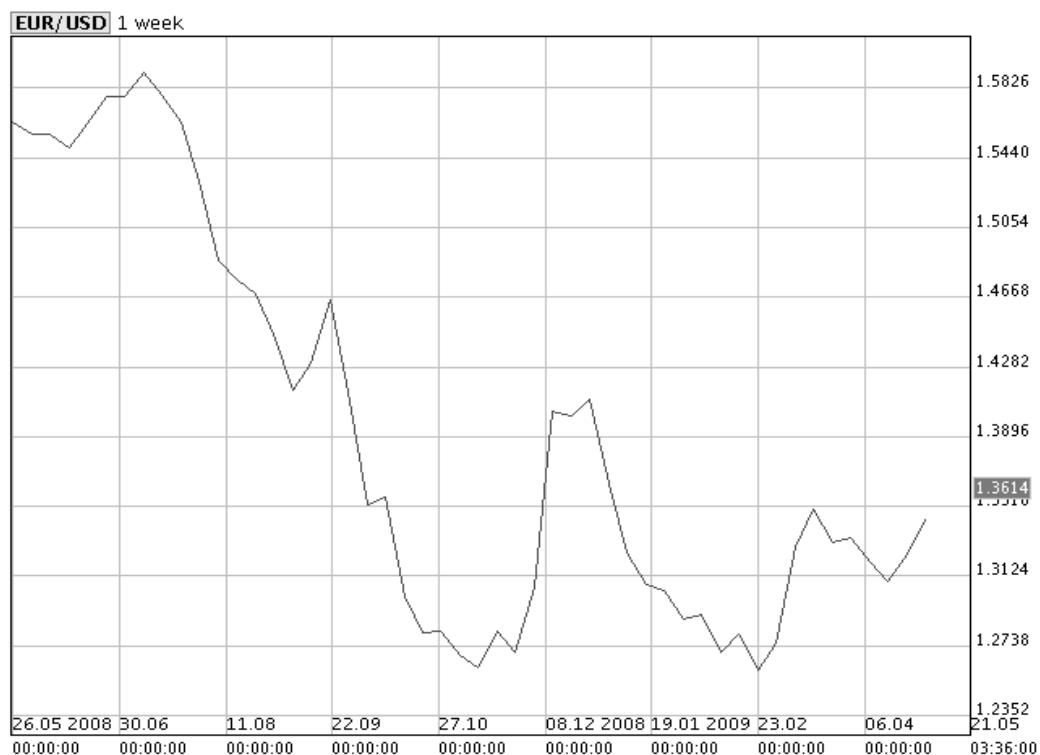
Thứ hai, theo dự báo của ILO, năm 2009 toàn thế giới sẽ có 230 triệu người thất nghiệp. Mất việc đồng nghĩa không có thu nhập để chi trả dịch vụ. Bên cạnh đó, những lo ngại về sự xấu đi của nền kinh tế và khả năng mất việc làm trong tương lai gần đã buộc người dân phải cắt giảm mạnh mẽ chi tiêu mà trước hết là mặt hàng cao cấp. Đây là nguyên nhân khiến thị trường bán lẻ ảm đạm và các hệ thống bán lẻ bị đóng cửa hàng loạt. Hậu quả của nó là xuất khẩu hàng tiêu dùng của Việt Nam sang khu vực sẽ giảm.

Thứ ba, do tác động của khủng hoảng tới thương mại và cán cân thương mại khu vực, các quốc gia bị khủng hoảng đều tích cực dựa vào xuất khẩu để tăng thu ngoại tệ, hạn chế nhập khẩu để tiết kiệm nguồn ngoại tệ vốn rất khan hiếm của họ để đảm bảo an toàn cho nền kinh tế. Khi các chính sách này được thực hiện trên thực tế sẽ gây ra một rào cản trực tiếp đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam vào các quốc gia, khu vực.

Thứ tư, tỷ giá EURO/USD biến động giảm (xem hình 9) sẽ là bất lợi cho xuất khẩu Việt Nam. Các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam phần lớn là gia công. Nếu xuất khẩu sang EU, các doanh nghiệp thường nhập khẩu bằng USD, trả các chi phí khác bằng VND và bán vào thị trường sử dụng EURO. Hiện đồng USD đang tăng giá so với EURO, sức ép giảm giá EURO càng lớn. Như vậy, chi phí sản xuất của doanh nghiệp sẽ tăng trong khi doanh thu thì khó tăng. Hơn nữa, tỷ giá USD/VND đã tăng khoảng 9%⁴⁴, vượt xa mức thay đổi quanh 1% những năm gần đây, trong khi đồng USD vẫn chiếm tỷ trọng chi phối trong thanh toán quốc tế (khoảng 70%).

⁴⁴ <http://www.tpb.com.vn/vn/tin-thi-truong/2009/02/06/148/>

Hình 9: Biểu đồ giá EURO/USD từ 26/05/08 đến 12/05/09



(Nguồn: http://giavang.com.vn/market/bieu-do-gia-vang/#postTabs_ul_46)

Hình 10: Biểu đồ giá USD/VND từ 26/05/08 đến 12/05/09



(Nguồn: <http://giavang.com.vn/market/bieu-do-ngoai-te/>)

Mức tăng vượt trội này đẩy chi phí nhập khẩu, chi phí sản xuất kinh doanh của những ngành hàng có đầu vào lớn từ nguyên liệu nhập khẩu, chi phí vay nợ ngoại tệ tăng cao. Đây cũng là năm nổi bật khi trong báo cáo tài chính của nhiều doanh nghiệp chi phí của tỷ giá tăng đột biến.

Về nhập khẩu, các mặt hàng nhập khẩu có kim ngạch lớn thuộc nhóm thiết bị máy móc, nguyên nhiên, vật liệu, phụ liệu (không kể xăng dầu), chủ yếu phục vụ sản xuất, gia công. Do tác động của khủng hoảng tài chính, sản xuất giảm sút là nguyên nhân chính khiến nhập khẩu của Việt Nam sụt giảm. Nhập khẩu 3 tháng đầu năm 2009 bị sụt giảm quá mạnh. Tháng 1 giảm 55,2%, tháng 2 giảm 31,7%, tháng 3 ước giảm 49%, tính chung 3 tháng ước giảm 45% so với cùng kỳ.⁴⁵

2.2.3 Tác động khủng hoảng tài chính đến hoạt động tài trợ thương mại của các ngân hàng thương mại

Năm 2008, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu không chỉ chịu ảnh hưởng khá lớn do thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, đồng USD tăng giá mạnh, mà còn do hoạt động tín dụng bị thắt chặt, doanh nghiệp khó tiếp cận vốn ngân hàng... Hoạt động thương mại của các doanh nghiệp Việt Nam tiềm ẩn nhiều rủi ro về thị trường xuất nhập khẩu, về thanh toán, ngoại hối, ...

Khủng hoảng tài chính Mỹ làm các nguồn huy động vốn của ngân hàng thương mại đều trở nên khan hiếm hơn do hoạt động sản xuất kinh doanh, mà kéo theo đó là thu nhập của các cá nhân và các bộ phận của nền kinh tế bị sụt giảm. Chính vì vậy, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu càng khó tiếp cận nguồn vốn vay từ các ngân hàng thương mại. Việc vay vốn hỗ trợ lãi suất từ các ngân hàng thương mại luôn gặp nhiều khó khăn vì hết tài sản để thế chấp và không được phép vay đảo nợ.

⁴⁵ <http://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=217>

Không chỉ khó vay vốn, lãi suất ngân hàng cuối năm 2008 quá cao khiến nhiều doanh nghiệp xuất khẩu vừa và nhỏ đang đứng trước nguy cơ phá sản. Theo ông Nguyễn Hùng Dũng (Phó Chủ tịch Hiệp hội Thủy sản), không một doanh nghiệp thủy sản nào lại có mức lãi tới 20% đủ để trả ngân hàng. Đối với ngành dệt may, có tới 70% các dự án đầu tư của Vinatex, trong đó có nhiều dự án sản xuất nguyên phụ liệu không thể triển khai được do thiếu vốn. Đơn cử như dự án sản xuất xơ polyeste lớn nhất hiện nay cũng gặp khó khăn do ngân hàng không cho vay và lãi suất quá cao khiến việc đầu tư không hiệu quả. Hiện nay, Vinatex đang phải tìm vay vốn tín dụng của Pháp để thay thế nguồn vốn trong nước.

Ngày 23/1/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 131/QĐ-NHNN về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng (khách hàng vay) để sản xuất - kinh doanh. Nếu trừ mức lãi suất hỗ trợ 4%/năm, thì khách hàng vay chỉ đóng lãi suất 6,5%/năm. Theo Thông tư hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước thì thời hạn vay chỉ áp dụng đối với các khoản vay theo hợp đồng tín dụng được ký kết và giải ngân từ ngày 1-2 đến 31-12-2009. Các khoản vay có thời hạn vượt quá năm 2009, thì chỉ được hỗ trợ lãi suất đối với khoản thời gian vay của năm 2009. Các khoản vay quá hạn trả nợ được gia hạn nợ vay, thì không được tính hỗ trợ lãi suất đối với khoản thời gian quá hạn trả nợ và gia hạn nợ vay. Đối với hợp đồng tín dụng được ký kết trước ngày 1-2-2009, trong đó có thỏa thuận việc giải ngân nhiều lần thông qua các kế ước, giấy nhận nợ từng lần, thì các khoản cho vay được giải ngân theo kế ước, giấy nhận nợ phát sinh trong khoảng thời gian từ ngày 1-2 đến 31-12-2009 sẽ được hỗ trợ lãi suất. Như vậy, nhiều doanh nghiệp vay cách nay một tháng, tuy có phương án kinh doanh của năm 2009, có đủ điều kiện về ngành, nghề nhưng vẫn không được hỗ trợ lãi suất. Phía ngân hàng lại cho rằng, muốn được hỗ trợ lãi suất vay, thì doanh nghiệp phải trả nợ cũ rồi

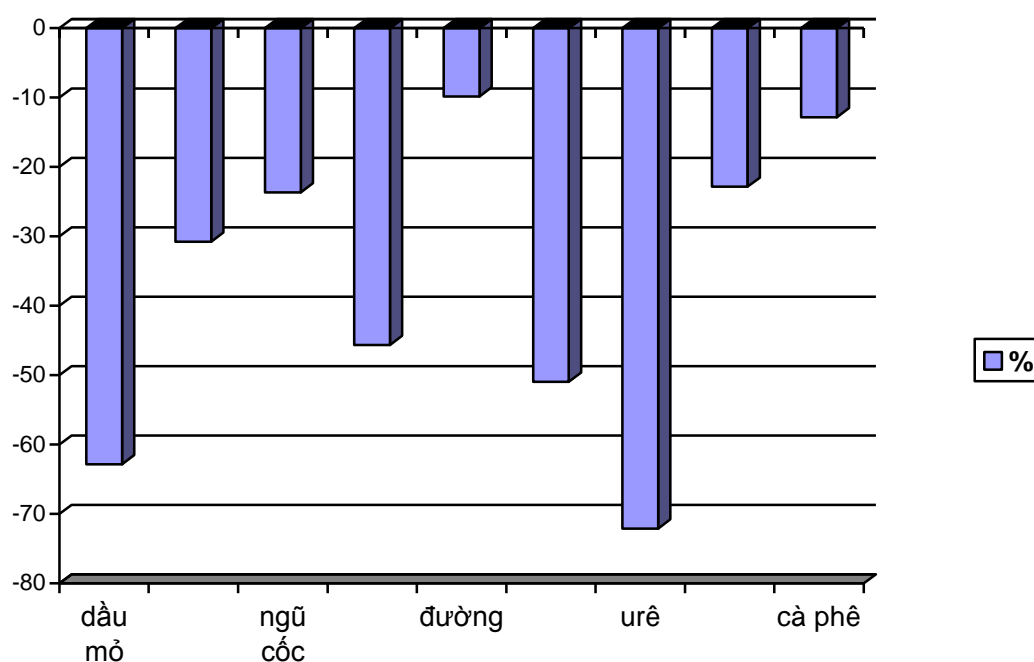
làm thủ tục vay mới. Năm 2008 doanh nghiệp rất mệt mỏi với áp lực lãi suất và nếu phải thu hồi vốn để trả nợ cũ để vay mới thì rất khó. Được giảm và hỗ trợ lãi suất thì doanh nghiệp rất mừng, tuy nhiên, những ràng buộc của ngân hàng hiện nay sẽ có nhiều doanh nghiệp khó tiếp cận được vốn.

2.2.4 Tác động khủng hoảng tài chính đến giá hàng xuất nhập khẩu

Trong nửa đầu năm, giá hàng hóa trên thị trường thế giới leo thang, gây áp lực tăng chi phí nhập khẩu và đẩy nhập siêu lên cao; lạm phát trong nước cũng có một phần nguyên nhân từ diễn biến này.

Hình 11: Thay đổi giá một số mặt hàng của ngày 12/01/09 so với ngày 12/09/08

Đơn vị: %



(Nguồn: <http://ngoaituong.vn>)

Giá dầu giảm mạnh do nhu cầu suy yếu trước bối cảnh kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái, đồng USD hồi phục so với các đồng tiền chủ chốt khác, hoạt động đầu cơ cũng phần nào giảm trước bối cảnh không sáng sủa của kinh

tế thế giới. Mức thấp nhất của giá dầu trong thời gian qua là 30,28USD/thùng vào ngày 23/12/2008, tình hình suy giảm nghiêm trọng kéo theo đó là hàng loạt các mặt hàng khác cũng sụt giảm theo. Chỉ riêng giá vàng có diễn biến tăng trong thời kỳ trên là do tâm lý của nhà đầu tư lựa chọn chuyển đổi sang kênh đầu tư an toàn hơn.

Xuất khẩu giảm một mặt do quan hệ cung- cầu về hàng hóa trên thị trường thế giới không còn mất cân đối lớn như vừa qua, trong đó Việt Nam có ba nhóm mặt hàng bị tác động lớn là năng lượng (gồm dầu thô, than), lương thực, thực phẩm (gồm thủy sản, chè, cà phê,...). Cụ thể, như cà phê từ đầu năm khi chưa xảy ra cuộc khủng hoảng, giá lên trên 2.500 USD/tấn, thì nay chỉ còn 1.600 USD/tấn; hoặc gạo xuất khẩu có khi lên trên 1.000 USD/tấn thì nay cũng chỉ còn 390-400USD/tấn...Đầu năm 2009, giá xuất khẩu dầu thô của nước ta hiện đã giảm xuống còn 340 USD/thùng, chỉ bằng 40% so với giá xuất khẩu trung bình trong năm 2008; giá xuất khẩu cà phê là 1.680 USD/tấn, bằng 84%; cao su là 1.500 USD/tấn, bằng 65%; gạo là 420 USD/tấn, bằng 70%; nhân điều là 4000 USD/tấn, bằng 76%; hạt tiêu là 2.250 USD/tấn, bằng 67%...

Giá xăng dầu, lương thực và nhiều loại nông sản giảm và do khủng hoảng tài chính diễn ra trên phạm vi toàn cầu, nhất là các thị trường nhập khẩu chính của nước ta, nhu cầu nhập khẩu giảm nên xuất khẩu tăng chậm lại, trong 4 tháng cuối năm 2008 kim ngạch xuất khẩu giảm bình quân 400 triệu USD/tháng so với mức bình quân 8 tháng trước đó. Tình hình này còn kéo dài sang năm 2009, với mức độ có khả năng còn nghiêm trọng hơn. Giá hàng trên thị trường thế giới bắt đầu bước vào một đợt thoái trào mạnh, khiến xuất khẩu chịu ảnh hưởng nặng. Hầu hết các mặt hàng xuất khẩu đồng loạt giảm giá mạnh, đặc biệt ở mặt hàng dầu thô, nông sản, thủy sản...

2.2.5. Tác động khủng hoảng tài chính đến thị trường xuất nhập khẩu

Xuất khẩu của nước ta xấp xỉ bằng 80% GDP, điều này chứng tỏ xuất khẩu có vị trí quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế. Song những nền kinh lớn nhất là Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản là những thị trường chiếm trên 50% kim ngạch xuất khẩu của nước ta lại đang lâm vào suy thoái, trên 40% là châu Á và châu Đại Dương, cũng là những khu vực chịu tác động mạnh của khủng hoảng, số còn lại là khu vực châu Phi và Trung Đông, khu vực chịu tác động ít hơn nhưng kim ngạch xuất khẩu của ta vào khu vực thị trường này còn nhỏ.

Trước khó khăn của những thị trường truyền thống như Mỹ, EU, Nhật Bản..., hoạt động xuất khẩu của nhiều doanh nghiệp đã chủ động đẩy mạnh sang khai thác và mở rộng những thị trường mới, hoặc đã thâm nhập trước đó.

Bảng 2: Thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam

Đơn vị: nghìn USD

Khu vực	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008
Châu Á	8.59	8.64	9.71	12.56	16.11	19.29	21.71	28
Đông Nam Á	2.56	2.44	2.96	3.87	5.81	6.53	7.81	10.22
Châu Âu	3.55	3.68	4.38	5.49	6.38	7.21	9.73	11.51
EU	3.15	3.31	3.99	4.97	5.86	6.69	9.03	10.65
Châu Mỹ	1.35	2.79	4.33	5.66	6.69	8.51	10.64	12.98
Mỹ	1.06	2.09	3.97	5.01	6.08	8.07	10.09	11.6
Châu Đại Dương	1.06	1.35	1.45	1.85	1.64	3.08	3.15	4.25
Châu Phi	0.18	0.13	0.21	0.41	0.71	1.01	0.62	1.21

(Nguồn: tổng hợp từ tổng cục thống kê)

Cơ cấu thị trường hàng hoá cũng có sự chuyển dịch, tăng dần ở châu Á, châu Đại dương và châu Phi. So với tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước, thị trường châu Á chiếm 44,5% (năm 2007 là 41,9%), châu Âu chiếm 18,3%

(năm 2007 là 18,7%), châu Mỹ 20,6% (năm 2007 là 21,9%), châu Đại dương 6,7% (năm 2007 là 6,4%), châu Phi 1,9% (năm 2007 là 1,27%). Theo báo cáo của Bộ Công thương, mức tăng trưởng của các khu vực thị trường có sự thay đổi, xuất khẩu sang thị trường châu Phi đã tăng tới 95,7%, châu Á tăng 37,8%; châu Đại dương tăng 34,9%, nhưng tăng chậm lại đối với châu Mỹ (21,9%), châu Âu (26,3%).

Các thị trường chịu tác động nhiều nhất từ khủng hoảng tài chính Mỹ

Thị trường Mỹ

Do cầu tiêu dùng tại Mỹ đang trên đà suy giảm mạnh bởi tác động của khủng hoảng tài chính, trong 9 tháng đầu năm 2008, tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ chỉ đạt 16,7%, thấp hơn khá nhiều so với mức 26,7% của năm 2007. Tỷ trọng của thị trường Mỹ trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đã giảm, từ 20,7% của năm 2007 xuống còn 17,7% trong 9 tháng đầu năm nay. Các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng nhất là may mặc, giày da, gạo, cá basa, cà phê...

Thị trường EU

Phân tích của các chuyên gia kinh tế cho thấy, do bị tác động mạnh từ cuộc khủng hoảng, người tiêu dùng của các thị trường này cũng phải cắt giảm chi tiêu, nên nhu cầu nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cũng sẽ có xu hướng giảm. Tỷ trọng của thị trường EU trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam cũng đã giảm, năm 2008 chỉ còn 16,5%, trong khi năm 2007 là 18%. Xuất khẩu sẽ gặp khó khăn lớn và giảm cả số lượng và giá cả... do tổng cầu thế giới giảm và cạnh tranh trên các thị trường sẽ khó khăn, giảm thu ngoại tệ cho quốc gia, giảm sản xuất trong nước, giảm GDP, thất nghiệp tăng,...

Về thị trường nhập khẩu, kim ngạch nhập khẩu từ Châu Á vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất 75,6% và ngày càng tăng (năm 2007 chiếm 72,2%) trong đó chủ

yếu là nhập khẩu từ Trung Quốc và ASEAN, trong khi đó nhập khẩu từ thị trường Châu Âu vẫn ở mức khiêm tốn chiếm 10,3%

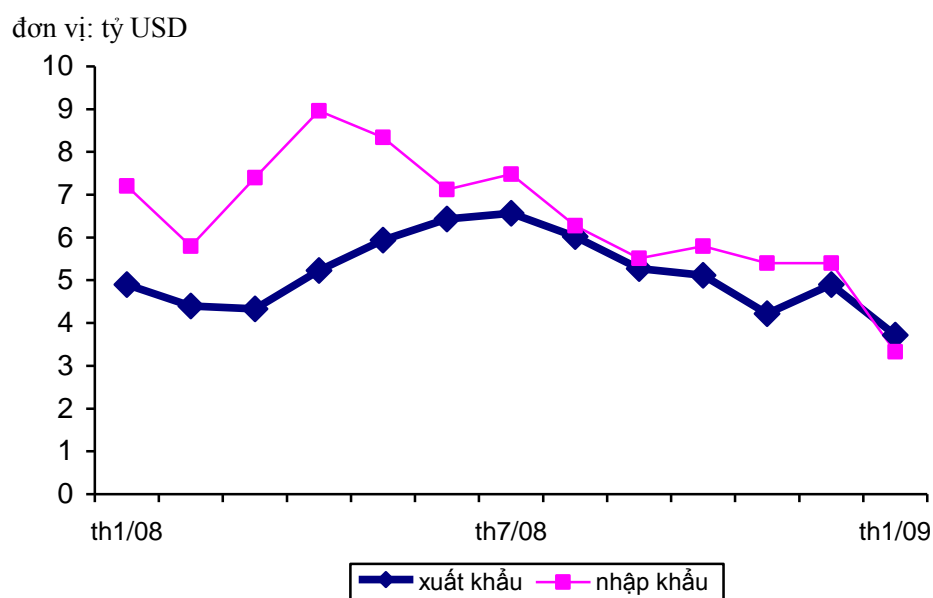
2.2.6 Tác động khủng hoảng tài chính đến kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam

2.2.6.1. Xuất khẩu

Một khi mà người tiêu dùng Mỹ thắt chặt hầu bao, không còn vung tiền chi tiêu mua sắm ô tô, tivi, tủ lạnh, thực phẩm... thì các nền kinh tế dựa chủ yếu vào nguồn lợi từ xuất khẩu chắc chắn sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Với Việt Nam cũng vậy, hiện nay 60% GDP của chúng ta là để phục vụ cho xuất khẩu, mà Mỹ là thị trường nhập khẩu quan trọng các mặt hàng dệt may, da giày, thủy sản của Việt Nam. Ngoài ra, khủng hoảng tài chính Mỹ cũng lan rộng, thành khủng hoảng kinh tế thế giới nên xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường tiềm năng như EU, Nhật, Đông Nam Á... đều bị ảnh hưởng nặng nề. Tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu không chỉ thể hiện ở sự sụt giảm kim ngạch xuất khẩu mà còn ảnh hưởng đến giá hàng xuất khẩu, thị trường xuất khẩu...

Hình 12: Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam từ 1/2008 đến 2/2009

Đơn vị: tỷ USD



(Nguồn: tổng hợp từ <http://www.gso.gov.vn>)

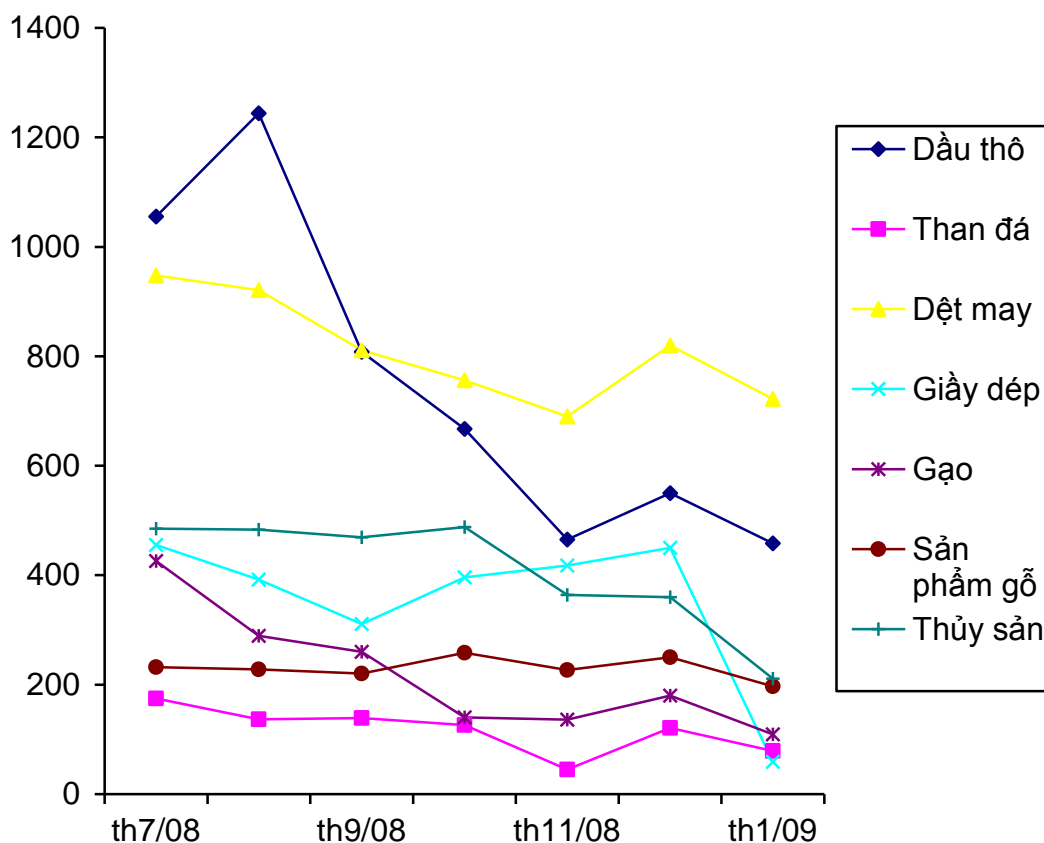
Khủng hoảng tài chính toàn cầu làm cho xuất khẩu của Việt Nam giảm mạnh vì hai lý do hàng xuất khẩu của Việt Nam một phần lớn vẫn là các loại hàng thô, trong khi giá các nguyên liệu thô trên thị trường thế giới đang giảm, kể cả khi không có khủng hoảng ở Mỹ sự eo hẹp của thị trường tài chính dẫn đến eo hẹp thị trường nhập khẩu hàng hóa, nhu cầu về hàng xuất khẩu của Việt Nam giảm đi.

Xuất khẩu của Việt Nam đã bắt đầu gánh chịu những khó khăn từ tháng 8 năm 2008. Trị giá xuất khẩu hàng hóa giảm 4 tháng liên tiếp, mặc dù có tăng nhẹ trong tháng 12 nhưng tiếp tục giảm mạnh trong tháng 1 năm 2009. Kim ngạch xuất khẩu tháng 1 năm 2009 đạt 3,7 tỷ USD, giảm 19% so với tháng 12 năm 2008 và giảm 24,2% so với cùng kỳ 2008.

Hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như dệt may, dầu thô, điều, hải sản, cà phê, cơ khí, điện tử... đều có mức tăng trưởng rất thấp và đang đi xuống. Theo Bộ Công Thương, ước tính quý 1/2009, Việt Nam đã xuất siêu tới 1,647 tỷ USD. Tuy nhiên, trong 35 nhóm hàng hoá được thống kê, chỉ có 9 nhóm hàng hoá xuất khẩu tăng. Sở dĩ kim ngạch xuất khẩu 3 tháng tăng nhẹ là do có sự đóng góp tăng kỷ lục của nhóm đá quý và kim loại quý. Kim ngạch tháng 3/2009 của loại hàng hóa này đạt 850 triệu USD, tăng tới 49 lần so với cùng kỳ năm 2008 và chiếm 18% kim ngạch xuất khẩu cả nước. Nguyên nhân của sự tăng đột biến này là do việc tái xuất vàng. Như vậy, nếu bóc tách kim ngạch xuất khẩu vàng thì Việt Nam vẫn trong tình trạng nhập siêu. Còn lại, xuất khẩu của đa số nhóm hàng hoá đều chững hoặc giảm.

Hình 13: Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chính của Việt Nam từ tháng 7/2008 đến tháng 1/2009

Đơn vị: nghìn USD



(Nguồn: tổng hợp từ tổng cục thống kê)

Đáng lo ngại nhất là trong 13 mặt hàng chủ lực thì kim ngạch xuất khẩu của 12 mặt hàng đều giảm mạnh từ 10 đến 20%, như điện tử và linh kiện máy tính, giày dép, than đá, thủy sản, cà phê, nhân điều, sản phẩm chất dẻo... Trong đó, so với cùng kỳ năm 2008, dầu thô giảm mạnh nhất với mức giảm 48,6%, kể đến là dây điện và cáp điện giảm 47,3%, cao su giảm 43,9%. Nhóm hàng dệt may vốn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong kim ngạch xuất khẩu cả nước thì trong tháng 3, kim ngạch đã giảm 4,2%.

Tác động của khủng hoảng tài chính Mỹ đến một số nhóm hàng chính:

Nhóm hàng nông sản

Có lẽ đây là nhóm hàng ít chịu tác động của khủng hoảng nhất. Gần đây, giá một số loại nông sản xuất khẩu xuống thấp khi gặp khủng hoảng tài chính. Nhiều chuyên gia nhận định, giá nông sản giảm là bất ngờ nhưng chỉ vào thời điểm này, không đến mức quá nghiêm trọng. Rất nhiều mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam chịu tác động từ hiệu ứng domino của cơn khủng hoảng tài chính thế giới như cao su, cà phê, điều, hạt tiêu, gạo. Song, sự giảm giá này còn là do nhiều yếu tố khác, như một số sản phẩm chuẩn bị bước vào thời kỳ thu hoạch (cà phê), hoặc hết hàng do đã cuối vụ (hạt tiêu) hay mức giá giảm đã kéo dài từ trước đó (gạo). Mặt hàng chịu tác động đầu tiên, nặng nề nhất chính là cao su - khi giá liên tục giảm theo chiều thẳng đứng. 60% sản lượng cao su Việt Nam hiện xuất sang Trung Quốc, hơn 15% đi Nhật Bản... Các nước này lại nhập cao su chủ yếu để sản xuất lốp xe bán cho Mỹ, châu Âu nên nhiều chuyên gia lo ngại giá cao su còn xuống nữa.

Tuy nhiên, mặt hàng gạo trong nhóm hàng chủ lực này có kim ngạch xuất khẩu tăng. Tháng 3, gạo tăng 23,5% và tính chung 3 tháng, gạo tăng 76,4% so với cùng kỳ 2008. Đối với hạt điều, tuy giá nhân điều gần đây giảm từ 6.500 xuống 5.400 USD/tấn so với hồi đầu tháng 8/2008 và đây không phải là lương thực chủ lực, song người tiêu dùng (nhất là ở Mỹ), ăn quen từ lâu nên chỉ một thời gian nữa giá sẽ bình ổn trở lại.

Tóm lại, các mặt hàng nông sản tiêu dùng vẫn có cơ hội vì không nhắm tới khách hàng quá giàu và vẫn có những nước sản xuất không đủ, phải nhập để đáp ứng nhu cầu thiết yếu như thủy sản, rau quả, gạo... Về cơ bản, giá các mặt hàng nông sản thiết yếu sẽ theo cân đối cung cầu, vượt qua tâm lý nhất thời, và tiếp tục có cơ hội thương mại.

Nhóm hàng thủy sản

Hai thị trường xuất khẩu chính của thủy sản Việt Nam là Mỹ và châu Âu. Kinh tế Mỹ đang khó khăn, kéo theo thị trường châu Âu khó theo càng làm bất lợi cho DN xuất khẩu Việt Nam. Các nhà đầu tư Mỹ rút vốn đầu tư ở châu Âu, khiến đồng Euro, đồng bảng Anh có khả năng mất giá, nhà nhập khẩu châu Âu bị lỗ. Vì vậy việc xuất khẩu của Việt Nam vào châu Âu dần thêm khó. Tính đến tháng 1 năm 2009, thủy sản 250 triệu USD, giảm 18,6% so với cùng kỳ. Bản thân các doanh nghiệp thủy sản cũng đã va vấp nhiều, như các vụ kiện chống bán phá giá, quy định ngặt nghèo về chất lượng... nên không quá khó để vượt qua giai đoạn này.

Nhóm hàng công nghiệp chế biến

Đây là nhóm quan trọng nhất, chiếm tỷ trọng trên 70% tổng kim ngạch xuất khẩu. Và đây cũng là một trong những nhóm hàng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ khủng hoảng tài chính Mỹ. Nhìn vào bảng số liệu trên có thể thấy mặt hàng giảm kim ngạch nhiều nhất là dệt may, giày dép và thủy sản. Tính đến tháng 1 năm 2009, dệt may 722 triệu USD, giảm 33,2% so cùng kỳ; da giày 350 triệu USD, giảm 26%; sản phẩm gỗ 197 triệu USD, giảm 31,8%. Ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, đơn hàng xuất khẩu dệt may từ các thị trường truyền thống như Nhật, Mỹ, châu Âu giảm sút. Đơn hàng toàn ngành đã giảm 20%, thị trường Mỹ giảm 30% - 50% đơn hàng. Theo thống kê của Bộ Công Thương, một số doanh nghiệp (DN) dệt may nước ngoài ở Đồng Nai, Bình Dương, Vũng Tàu... đã đóng cửa, sa thải hàng loạt công nhân. Ước tính lượng lao động ngành dệt may mất việc làm có thể lên đến hơn chục ngàn người.

Như vậy, cuộc khủng hoảng tài chính nặng nề tại các thị trường chủ chốt như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản... chính là nguyên nhân khiến sức cầu sụt giảm mạnh. Rắc rối của hệ thống ngân hàng tại những thị trường lớn làm

hạn chế khả năng thanh khoản của các doanh nghiệp (DN) nhập khẩu hàng từ Việt Nam.

2.2.6.2. Nhập khẩu

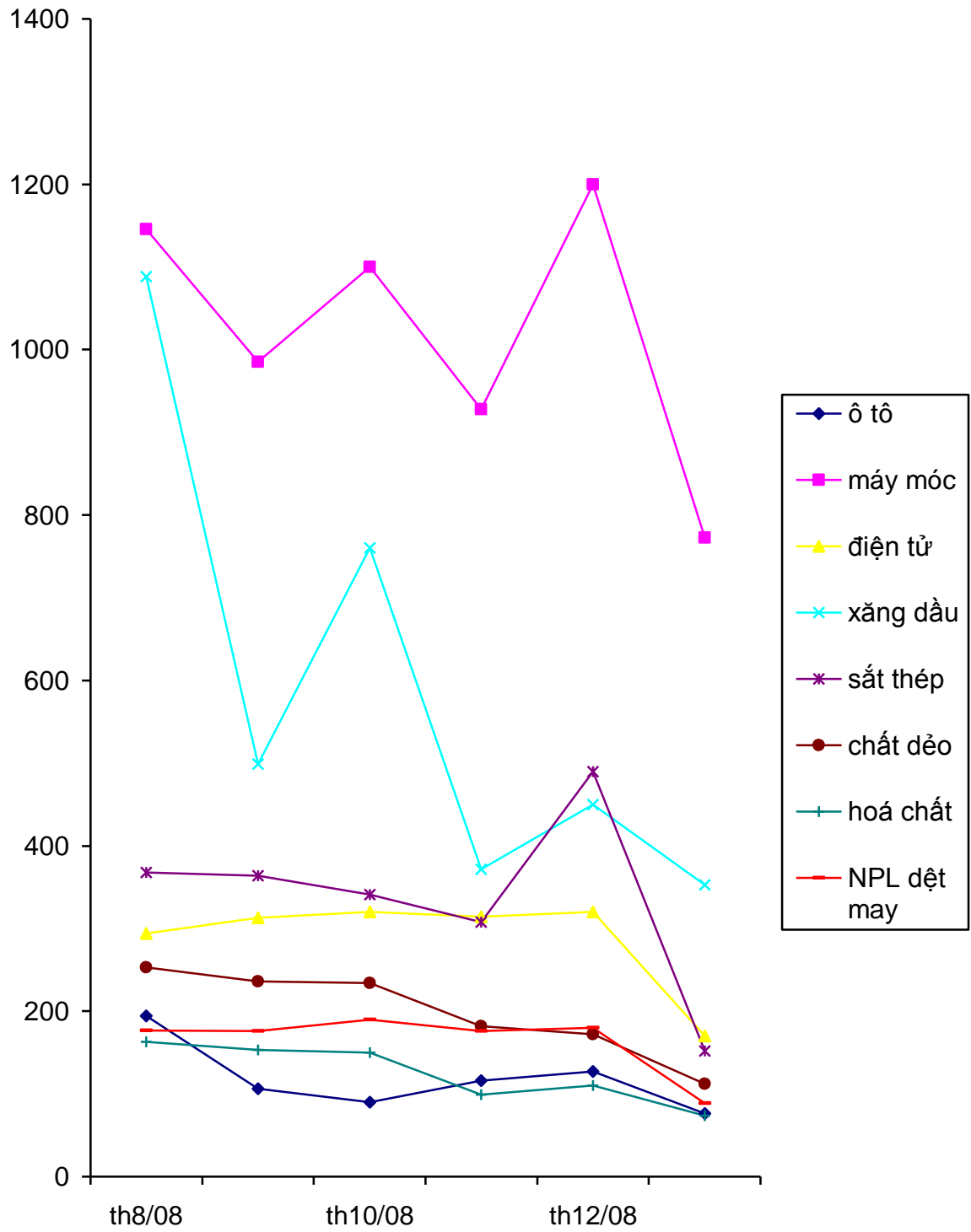
Hàng xuất khẩu chủ yếu là gia công, hàm lượng nhập khẩu trong kim ngạch xuất khẩu chiếm đến 70-80%, giá trị gia tăng rất thấp. Cũng từ tháng 8, do giá nhiều mặt hàng nhập khẩu giảm mạnh (xăng dầu, sắt thép, phân bón, các loại hoá chất...) cùng với nhu cầu tiêu thụ bị thu hẹp, sản xuất và đầu tư trong nước bị cắt giảm do lãi suất cao, khả năng tiếp cận vốn bị hạn chế làm nhu cầu nhập khẩu giảm, tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu có thấp hơn so với 7 tháng đầu năm

Năm 2008, kim ngạch nhập khẩu cũng giảm mạnh với mức 4,1 tỷ USD, giảm tới 45% so với cùng kỳ năm ngoái. Một số mặt hàng nhập khẩu giảm đáng kể như ô tô giảm tới hơn 70%; phôi thép giảm hơn 80%; chất dẻo và hóa chất giảm hơn 50%, xăng dầu gần 75% so với cùng kỳ... Nhập khẩu giảm ngoài yếu tố giá cũng cho thấy nhu cầu trong nước, nhất là nhu cầu cho sản xuất đang giảm mạnh. cụ thể hơn, nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu giảm do khó khăn về thị trường, vốn, lãi suất... doanh nghiệp và người dân cũng sẽ tiết kiệm hơn trong sản xuất, tiêu dùng.

Trong tháng 1/2009, lượng nhập khẩu tất cả các mặt hàng chủ yếu đều giảm lượng so với cùng kỳ năm 2008 như: xăng dầu giảm 43,4%, ô tô giảm 79,4%, thép các loại bằng 19,6%, phân bón bằng 34,8%, máy móc thiết bị giảm 17%, máy tính và linh kiện giảm 45%, giấy các loại giảm 43,7%, chất dẻo nguyên liệu giảm 29,2%.

**Hình 14: Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng chính
từ tháng 8/2008 đến tháng 1/2009**

Đơn vị: nghìn USD



(Nguồn: tổng hợp từ tổng cục thống kê)

Trong số 23 mặt hàng nhập khẩu chủ yếu (chiếm 75%), kim ngạch nhập khẩu tháng 1 năm 2009 giảm so với tháng 1 năm 2008 là gần 2,8 tỷ USD, trong đó giảm do giá là 300 triệu USD, giảm do lượng là gần 2,5 tỷ USD. Các mặt hàng giảm lớn về lượng: xăng dầu giảm 426 triệu USD, hóa chất 98 triệu USD, sản phẩm hóa chất 54 triệu USD, phân bón các loại 80 triệu USD, chất dẻo nguyên liệu 80 triệu USD, thép các loại 700 triệu USD, máy tính linh kiện 164 triệu USD, máy móc thiết bị 242 triệu USD, ô tô 92 triệu, linh kiện phụ tùng ô tô 117 triệu USD,...

Trong khi kim ngạch xuất khẩu tăng thì kim ngạch nhập khẩu giảm mạnh, trong đó tháng 1 giảm 55,2%, tháng 2 giảm 31,7%, tháng 3 giảm 47%, tổng 3 tháng giảm 45% so với cùng kỳ. Kim ngạch nhiều mặt hàng giảm do giá giảm như dầu thô, chất dẻo, sắt thép và phôi thép, sợi dệt, phân bón, bông...Nhập khẩu bị sụt giảm quá mạnh. Tháng 1/2009 giảm 55,2%, tháng 2 giảm 31,7%, tháng 3 ước giảm 49%, tính chung 3 tháng ước giảm 45% so với cùng kỳ. Nhập khẩu giảm do cả yếu tố giá, do cả yếu tố lượng, nên kim ngạch giảm mạnh. Giảm mạnh gồm có xăng dầu, hoá chất, máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng, phân bón, thuốc trừ sâu, chất dẻo, bông, sợi, nguyên phụ liệu dệt may giày dép, sắt thép, điện tử máy tính... Sự sụt giảm nhập khẩu cho thấy tình hình sản xuất hàng tiêu thụ trong nước và hàng xuất khẩu vẫn đang đứng trước những khó khăn.

2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nền kinh tế Mỹ rơi vào tình trạng đình trệ, tiêu thụ của Mỹ giảm thì các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam sẽ bị tác động trực tiếp. Hiện nay, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu đang theo dõi sát sao tình hình và tìm kế hoạch đối phó. Ngay lập tức, các doanh nghiệp xuất khẩu thuỷ hải sản đã chuẩn bị nhóm họp để tìm giải pháp. Các thị trường bị tác động mạnh của khủng hoảng tài chính như Mỹ, châu Âu, Nhật đều là những thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam.

Nhu cầu trên toàn thế giới suy giảm là nguyên nhân chính của việc giảm giá hàng loạt mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam, ví dụ điển hình là dầu thô. Không chỉ giảm giá, lượng hàng hóa xuất khẩu cũng suy giảm nghiêm trọng. Chính vì vậy, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam giảm đáng kể, điển hình là các mặt hàng công nghiệp chế biến như dệt may, da giày... Đồng thời đây cũng là những mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu nước ta.

Về thị trường, 3 thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Mỹ, EU, Nhật, chiếm hơn 50% tổng kim ngạch xuất khẩu đều đang gặp khó, suy giảm liên tiếp là nguyên nhân chính của suy giảm xuất khẩu

Xuất khẩu sẽ chịu tác động kép trên cả ba phương diện: đơn đặt hàng sẽ ít đi do bán hàng giảm nhập khẩu vì những khó khăn về tài chính - kinh tế ở nước họ, nhu cầu của người tiêu dùng giảm; giá cả nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực của ta như dầu thô, lúa gạo, cao-su, cà-phê, thủy sản... đều giảm. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, sẽ co lại do gặp khó khăn về vốn và đầu ra.

Về nhập khẩu, một mặt có khả năng giảm bớt nhập siêu do giá cả nhiều mặt hàng nhập khẩu giảm, nhu cầu trong nước cũng ít đi, từ đó lạm phát sẽ dịu bớt. Nhưng mặt khác, lại nảy sinh khả năng nhập khẩu sẽ gia tăng do giá cả trên thị trường thế giới thuyên giảm, thuế suất hạ thấp theo các cam kết quốc tế và điều này sẽ gây sức ép mạnh lên sản xuất trong nước.

Nhập khẩu của Việt Nam phần lớn là nhập khẩu nguyên liệu thô phục vụ sản xuất. Khi thị trường bị thu hẹp, đơn đặt hàng sụt giảm khiến sản xuất đình đốn thì nhập khẩu bị suy giảm nghiêm trọng.

CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC TÁC ĐỘNG KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH ĐẾN XUẤT NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM

3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN XUẤT NHẬP KHẨU CỦA CHÍNH PHỦ TRONG THỜI GIAN TỚI

Theo chỉ tiêu Quốc hội đề ra thì tốc độ tăng trưởng xuất khẩu năm 2009 là 13% đòi hỏi sự nỗ lực rất cao của toàn ngành và cũng rất nhiều khó khăn để có thể đạt được vì:

- Do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính mà tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ suy giảm

- Hàng hoá Việt Nam phải cạnh tranh khốc liệt hơn với hàng hoá cùng chủng loại của các nước châu Á như nông sản, thủy sản, dệt may, giày dép, điện tử trong khi nhu cầu nhập khẩu của các thị trường chủ lực (Hoa Kỳ, EU) có xu hướng giảm. Các nhà nhập khẩu gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay để nhập khẩu hàng hoá.

- Thuận lợi về giá như năm 2008 nhìn chung sẽ không còn, trong khi khả năng tiêu thụ tại các thị trường giảm.

- Sản lượng một số mặt hàng nông sản, khoáng sản đã đến ngưỡng, khó có khả năng tăng trưởng cao, đặc biệt lượng dầu thô xuất khẩu sẽ giảm khoảng 3,3-4 triệu tấn do làm nguyên liệu cho nhà máy lọc dầu Dung Quất.

- Nhiều hàng rào phi thuế và các biện pháp bảo hộ tinh vi được các nước dựng lên có ảnh hưởng đến các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam

Các biện pháp cần làm

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ 8 giải pháp như đã ban hành. Tuy nhiên cần ưu tiên cho việc kiểm soát chặt chẽ đầu tư công và tiết kiệm chi ngân sách, thắt lưng buộc bụng, từ đó có thể giảm bớt sự thất chặt chính sách tiền tệ.

- Duy trì lãi suất hợp lý, không quá cao để ổn định kinh tế. Không nên quá tập trung tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn, tăng trưởng bền vững, đi đôi với ổn định môi trường, giải quyết an sinh xã hội, phát triển giáo dục, sức khỏe, hạn chế tiêu cực xã hội,..là ưu tiên hàng đầu. duy trì tăng trưởng GDP năm 2009 ở mức 6% là chấp nhận được trong tình hình thế giới hiện nay.

- Giá lương thực, nông sản, dầu thô thế giới giảm mạnh sẽ góp phần giảm mạnh lạm phát ở nước ta (lạm phát của năm 2009 sẽ ở mức dưới 12%). Vì vậy NHTW cần nhanh chóng giảm lãi suất cơ bản điều hành chính sách tiền tệ theo lạm phát cơ bản (core inflation), có thể giảm nhanh DTBB..từ đó giúp NHTM có điều kiện giảm nhanh lãi suất cho vay để hỗ trợ doanh nghiệp duy trì và mở rộng lại sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu khi cơ hội tốt. Quan trọng là giảm thất nghiệp đảm bảo an sinh xã hội, phục hồi tăng trưởng kinh tế..

-Khi có dấu hiệu lạm phát giảm mạnh, thì cần cải tổ chính sách tiền lương CBCC nhà nước, hành chính sự nghiệp...

- Cần có một gói giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu: thuế, vốn, lãi suất, tỷ giá, xúc tiến thương mại...

- Có một gói giải pháp để ổn định thị trường bất động sản, tạo tính thanh khoản cho thị trường BĐS...Hình thành một quỹ đặc biệt để có thể mua lại những BĐS tiềm năng (cả BĐS của các NHTM giải chấp) và khi tình hình ổn định bán lại cho nhà đầu tư nước ngoài và trong nước, giải quyết được nợ quá hạn cho NHTM... chuẩn bị những kịch bản cho một vài NHTM yếu kém.

- Kiểm tra giám sát “sức khỏe” các NHTM một cách thường xuyên thông qua báo cáo tuần.

- Kiểm tra giám sát “sức khỏe” các đại gia bất động sản.

- Kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu, không để nhập siêu quá lớn, tăng thuế các mặt hàng xa xỉ..

3.2. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH ĐẾN XUẤT NHẬP KHẨU

3.2.1. Xuất khẩu hàng hóa

3.2.1.1. Thị trường xuất khẩu

Bảng 6: Cơ cấu thị trường xuất khẩu 2009 (Bộ Công Thương dự kiến)

(Đơn vị tính triệu USD)

Khu vực thị trường	Năm 2008			Năm 2009		
	Kim ngạch	% so với 2007	Tỷ trọng (%)	Kim ngạch	% so với 2008	Tỷ trọng (%)
Tổng KN	62.906	129,5	100	71.084	113,0	100
- Châu Á:	28.000	137,8	44,5	31.640	113,0	45,5
Nhật bản	8.000	132,0		9.200	115,0	12,9
Trung Quốc	4.500	134,0		5.300	118,0	7,4
ASEAN	10.220	131,0		11.200	110,0	15,7
Hàn Quốc	1.980	158,0		2.300	121,0	3,2
Đài Loan	1.230	108,0		1.470	120,0	2,0
- Châu Âu :	11.511	118,3	18,3	13.300	115,0	18,7
EU	10.649	118,0		12.200	115,0	17,1
- Châu Mỹ	12.983	121,9	20,6	14.670	113,0	20,6
Hoa kỳ	11.600	115,0		12.760	110,0	17,9
- Châu Đại Dương	4.248	134,9	6,7	3.900	91,8	5,4
- Châu Phi	1.213	195,7	1,9	2.300	189,0	3,2

(Nguồn: <http://ngoaituong.vn>)

Tiếp tục quán triệt phương châm đa phương hóa và đa dạng hóa thị trường. Các thị trường chủ lực của ta trong năm 2009 vẫn là thị trường châu

Á (Nhật Bản, ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông), châu Âu (chủ yếu là EU), Bắc Mỹ (Hoa Kỳ, Canada) và châu Đại dương (Australia). Tiếp tục khai thác và thâm nhập một số thị trường truyền thống như Nga, Đông Âu hoặc thị trường mới như Trung Đông, Mỹ La tinh, châu Phi. Các thị trường lớn như châu Á, châu Âu, châu Mỹ cần phấn đấu tăng trưởng cao hơn mức tăng bình quân chung là 13%.

Khu vực thị trường Châu Á và Châu Đại Dương

Dự báo xuất khẩu vào các thị trường chính như Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan sẽ giảm so với năm 2008, đặc biệt là thị trường ASEAN do xuất khẩu xăng dầu sang thị trường này giảm. Kế hoạch năm 2009 xuất khẩu hàng hóa vào thị trường Châu Á đạt 31,6 tỷ USD, tăng 13 % so với năm 2008; Khu vực thị trường Châu Đại Dương dự kiến giảm còn bằng 91,8% so với năm 2008 đạt 3,9 tỷ USD cũng bởi nguyên nhân trên.

Việc thực hiện đầy đủ các cam kết theo CEPT/AFTA đã và đang tạo điều kiện cho hàng hoá Việt Nam thâm nhập vào thị trường các nước này, song do kim ngạch xuất khẩu vào ASEAN tăng chậm so với tốc độ tăng trưởng bình quân, trong khi kim ngạch nhập khẩu từ ASEAN tăng tương đối nhanh nên nhập siêu từ khu vực này tiếp tục tăng

Khu vực thị trường Châu Âu

Năm 2009, xuất khẩu những hàng hóa chủ yếu vào thị trường EU dự báo sẽ giảm như dệt may, giày dép vì nhu cầu tiêu dùng giảm do khủng hoảng kinh tế các mặt hàng có khả năng tăng là sản phẩm nhựa, hàng điện tử, hàng thủy sản. Tổng kim ngạch xuất khẩu dự kiến đạt 13,3 tỷ USD, tăng 15%.

Khu vực thị trường Châu Mỹ

Do cuộc khủng hoảng tài chính ở Mỹ nên tăng trưởng nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2009 dự báo sẽ giảm (trừ những nhóm hàng nhiên liệu và một số nông sản có thể vẫn tăng do vẫn có nhu cầu tiêu dùng và tăng giá) nhất là đối với các nhóm hàng xuất khẩu chính của Việt Nam như may mặc, giày dép,

vali, túi xách, đồ gỗ, đồ điện tử, cáp điện, sản phẩm nhựa, hạt điều, cà phê. Dự kiến kim ngạch xuất khẩu năm 2009 đạt 14,6 tỷ USD, tăng 13% so với năm 2008, trong đó Hoa Kỳ đạt 12,7 tỷ USD, tăng 10%. Các mặt hàng như sản phẩm gỗ, dệt may, giày dép, cà phê, thủy sản vẫn là những mặt hàng đóng góp lớn vào tăng trưởng.

Khu vực thị trường Châu Phi

Dự báo tình hình phát triển kinh tế tại khu vực này có thuận lợi ở một số thị trường và không có đột biến trong chính sách thương mại, đòi hỏi ở thị trường này không quá khắt khe, vì vậy đây là thị trường rất tiềm năng cho Việt Nam, năm 2009 phấn đấu xuất khẩu đạt 2,3 tỷ USD, tăng 89% so với năm 2008.

3.2.1.2. Nhóm hàng xuất khẩu

Bảng 7: Dự báo xuất khẩu một số mặt hàng chủ yếu năm 2009

Dvt: kim ngạch: triệu USD; tăng %.

Tên hàng	Dự báo năm 2009		So năm 2008	
	lượng	Trị giá (ngàn USD)	% lượng	% trị giá
Tổng		64.386.000		2,68
Hải sản		5.045.000		11,15
Sữa và SP sữa		65.000		-13,52
Hàng rau quả		420.000		7,24
Hạt điều	175.000	875.000	6,55	-3,25
Cà phê	980.000	1.764.000	-8,62	-17,40
Chè	110.000	135.000	5,58	-8,07
Hạt tiêu	92.000	260.000	1,18	-17,06
Quế		14.000	-100,00	-15,41
Gạo	4.500.000	2.000.000	-4,46	-30,62
Lạc nhân		11.000	-100,00	-19,03
Dầu mỡ động, thực vật		81.000		-18,25

Tên hàng	Dự báo năm 2009		So với năm 2008	
	lượng	Trị giá (ngàn USD)	%lượng	%trị giá
Đường		2.000	-100,00	-60,10
Mỹ ăn liền		105.000		-3,93
Than đá	20.000.000	1.400.000	-4,76	-6,67
Dầu thô	10.500.000	5.250.000	-16,70	-49,49
SP nhựa		1.200.000		29,58
Cao su	700.000	1.350.000	9,22	-13,93
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù		982.000		18,03
Sản phẩm mây tre, cói, thảm		240.000		6,35
Gỗ và SP gỗ		3.050.000		8,76
Sản phẩm gốm sứ		390.000		13,66
Đá quý và kim loại quý		598.000		-22,64
Hàng dệt may		10.200.000		11,90
Giày dép		5.250.000		10,15
Linh kiện điện tử và vi tính		3.850.000		43,99
Dây điện và dây cáp điện		1.180.000		18,09
Xe đạp và phụ tùng		102.000		9,05
Đồ chơi trẻ em		132.000		24,80
Hàng hóa khác		15.600.000		32,32
Các sản phẩm cơ khí		2.800.000		32,08

(Nguồn: <http://www.tinhuongmai.vn>)

Nhóm hàng khoáng sản

Nhóm này khó có khả năng tăng trưởng trong năm 2009 do sản lượng dầu thô và than đá xuất khẩu giảm mạnh phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu thụ trong nước, giá xuất khẩu sẽ không ở mức cao như năm 2008. Dự báo, kim ngạch nhóm này đạt khoảng 5,92 tỷ USD, giảm 5,97 tỷ USD tương đương với

giảm 50,2% so với năm 2008 và chỉ chiếm tỷ trọng 8,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu..

Giá xuất khẩu dầu thô theo kế hoạch dự báo khoảng 50 USD/thùng, lượng xuất khẩu khoảng 12 triệu tấn (khoảng 4,61 tỷ USD), như vậy xuất khẩu dầu thô năm 2009 sẽ giảm 55,9% về trị giá và 13,7% về lượng

Mặt hàng than đá do chủ trương kiểm soát xuất khẩu tài nguyên nên lượng xuất khẩu dự kiến là 20 triệu tấn, thêm nữa giá xuất khẩu dự kiến sẽ không ở mức cao như năm 2008 vì vậy KNXXK cũng sẽ giảm sút.

Nhóm hàng nông, lâm, thủy sản

Nhóm này khó có khả năng tăng trưởng trong năm 2009 do hạn chế về cơ cấu sản lượng và đặc biệt giá nhiều mặt hàng chủ lực sẽ ở mức thấp so với năm 2008. Dự báo, kim ngạch nhóm này đạt khoảng 12,23 tỷ USD, giảm 628 triệu USD, tương đương 4,8% so với năm 2008.

- Mặt hàng gạo sẽ không gặp khó khăn về thị trường do diện tích canh tác trên toàn thế giới có xu hướng ngày càng bị thu hẹp. Dự kiến, năm 2009 xuất khẩu 4,8 triệu tấn, tương đương trên 1,95 tỷ USD, tăng 1,7% so với năm 2008. Tuy nhiên giá xuất khẩu sẽ tiếp tục xu hướng giảm, vì thế trị giá sẽ giảm khoảng 32,8% so với năm 2008, tương đương 952 triệu USD.

- Xuất khẩu cà phê cũng không gặp khó khăn về thị trường, nhưng cần quan tâm đến nâng cao giá trị tăng thêm trên một đơn vị sản phẩm xuất khẩu để nâng cao kim ngạch. Dự kiến, năm 2009 xuất khẩu đạt 2,1 tỷ USD với khối lượng xuất khẩu 1,1 triệu tấn, tăng 9,6% về lượng, nhưng giảm 4,5% về trị giá.

- Đối với các mặt hàng cao su, hạt tiêu, nhân điều, chè, dự kiến số lượng xuất khẩu sẽ có mức tăng nhẹ về lượng. Nhưng do hạn chế về năng lực sản xuất, chế biến và giá xuất khẩu cũng sẽ không ở mức cao như năm 2008 nên không có tăng đột biến về kim ngạch xuất khẩu (ước tăng khoảng 10-15%).

- Mặt hàng thuỷ sản vẫn gặp khó khăn do các nước đang đặt ra hàng rào kỹ thuật mới, kiểm dịch chặt chẽ và thường xuyên ban hành các tiêu chuẩn mới. Tuy nhiên, những thị trường truyền thống của Việt Nam vẫn được duy trì và năng lực sản xuất được cải thiện nên dự kiến kim ngạch ước tăng 11,8 % so năm 2008, chiếm tỷ trọng cao nhất trong nhóm hàng nông lâm, thuỷ sản.

Nhóm hàng công nghiệp chế biến

Đây là nhóm quan trọng nhất, chiếm tỷ trọng trên 70% tổng kim ngạch xuất khẩu. Do kim ngạch xuất khẩu 2 nhóm hàng khoáng sản và nông lâm, thuỷ sản sẽ giảm trong năm 2009 (giảm khoảng 6,6 tỷ USD). Vì vậy, tăng trưởng xuất khẩu năm 2009 sẽ đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng thuộc nhóm này. Dự kiến kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến cũng chỉ đạt khoảng 52,9 tỷ USD, tăng 38,7% so với năm 2008, tương đương 14,7 tỷ USD. Cần đặc biệt quan tâm chỉ đạo 2 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn là mặt hàng dệt may (11,5 tỷ USD), da giày (5,1 tỷ USD), hàng điện tử và linh kiện máy tính (4,1 tỷ USD), sản phẩm gỗ (3,0 tỷ USD).

- Năm 2009, Mỹ sẽ bỏ hoàn toàn hạn ngạch hàng dệt may đối với Trung Quốc tạo nên sức ép cạnh tranh lớn đối với hàng Việt Nam, nhưng hàng Việt Nam cũng sẽ được quan tâm hơn do thâm hụt thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc quá lớn. Phấn đấu năm 2009 kim ngạch hàng dệt may tăng khoảng 25%.

- Đối với hàng giày dép, EU vẫn là thị trường trọng điểm, nhưng năm 2009, giày của Việt Nam không được hưởng ưu đãi thuế quan của EU, nhưng mặt hàng giày dép vẫn có nhiều khả năng để gia tăng kim ngạch xuất khẩu thông qua việc mở rộng sản xuất, đa dạng hoá thị trường xuất khẩu và tăng cường hàm lượng giá trị gia tăng của sản phẩm xuất khẩu bằng cách tập trung vào khâu thiết kế kiểu dáng, tạo mẫu sản phẩm...

- Sản phẩm gỗ là mặt hàng đã khẳng định được vị trí vững chắc trong cơ cấu xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam, ngoài các thị trường tiềm năng như

Nhật Bản, EU, đồ gỗ Việt Nam có khả năng thâm nhập thị trường Mỹ do thuế suất nhập khẩu vào Mỹ thấp. Tuy nhiên năm 2009 cũng sẽ gặp khó khăn do Đạo luật Lacey được ban hành bắt đầu có hiệu lực vào cuối năm nay trong đó sẽ thắt chặt hơn việc kiểm soát nguồn gốc sản phẩm gỗ;. Vì vậy, dự kiến kim ngạch tăng khoảng 8% so với năm 2008.

- Sản phẩm nhựa là mặt hàng được đánh giá có khả năng cạnh tranh cao do tiếp cận được với công nghệ hiện đại, có thị trường rộng lớn và không quá khó để thâm nhập, đồng thời xuất khẩu mặt hàng này được hưởng mức thuế thấp hoặc được đối xử ngang bằng như các nước xuất khẩu khác ở hầu hết các thị trường. Vì vậy dự kiến kim ngạch sẽ vượt ngưỡng trên 1 tỷ USD tăng 39,8% so với năm 2008.

- Dây điện và cáp điện là mặt hàng có khả năng gia tăng kim ngạch xuất khẩu lớn do xu hướng đầu tư của các doanh nghiệp trong nước và FDI khá mạnh mẽ. Dự kiến kim ngạch đạt 1,4 tỷ USD, tăng 34% so năm 2008.

Ngoài những mặt hàng trên còn một số mặt hàng như túi xách, va li, ô dù, sản phẩm từ cao su, sản phẩm từ gang thép hay tàu thuyền các loại đều là những mặt hàng dự kiến tăng khá trong năm 2009, ở mức trên 30%, riêng mặt hàng tàu thuyền là nhân tố mới nổi được đánh giá là mặt hàng có tốc độ tăng nhanh trong thời gian tới.

3.2.2. Nhập khẩu

Dự kiến nhập khẩu năm 2009 sẽ không tăng đột biến như 6 tháng đầu năm 2008 vì:

-Tiếp tục thực hiện các biện pháp của Chính phủ đã ban hành nhằm kiềm chế lạm phát, thực hiện tiết kiệm trong chi phí công, cắt giảm đầu tư các công trình không hiệu quả hoặc chưa cần thiết, xử lý linh hoạt việc tăng thuế nhập khẩu, nộp thuế trước khi thông quan, quản lý nhập khẩu bằng giấy phép tự động...

- Giá nhiều loại nguyên nhiên vật liệu đầu vào giảm mạnh 30-50% so với năm 2008 như sắt thép, phôi thép, phân bón, xăng dầu làm cho trị giá nhập khẩu giảm nhiều mặc dù lượng có thể tăng nhẹ so với năm 2008 (chỉ tính riêng 4 mặt hàng này ước giảm do giá khoảng 6 tỷ USD).

- Lượng xăng dầu nhập khẩu giảm do nhà máy lọc dầu Dung Quất đi vào hoạt động. Lượng nhập khẩu năm 2009 ước khoảng 11 triệu tấn với kim ngạch khoảng 6 tỷ USD (giá bình quân 545 USD/tấn), giảm trên 5 tỷ USD so với năm 2008.

- Nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu giảm do khó khăn về thị trường, vốn, lãi suất... Doanh nghiệp và người dân cũng sẽ tiết kiệm hơn trong sản xuất, tiêu dùng.

- Việc nhập khẩu với số lượng lớn để đầu cơ giá lên như trong năm 2008 đối với mặt hàng sắt thép, phôi thép nhiều khả năng không còn. Ngoài ra, việc nhập khẩu vàng tiếp tục được kiểm soát và hạn chế.

Với những biện pháp và tình hình như đã phân tích ở trên, dự kiến kim ngạch nhập khẩu năm 2009 sẽ tăng nhẹ, ở mức 76 tỷ USD, giảm khoảng 5% so với năm 2008. Như vậy, nhập siêu sẽ ở mức 11 tỷ USD bằng khoảng 17% xuất khẩu.

Nhóm I - nhóm mặt hàng cần thiết nhập khẩu

Dự kiến, kim ngạch nhập khẩu năm 2009 của nhóm này đạt 62 tỷ USD. Tăng 0,1% so với năm 2007, chiếm tỷ trọng 74% tổng kim ngạch nhập khẩu. Đến năm 2010 tốc độ tăng trưởng nhóm này đạt 9,3%, đạt kim ngạch 68 tỷ USD. Đây là nhóm hàng thiết yếu, là đầu vào cho sản xuất và xuất khẩu, do đó phải đảm bảo và tạo thuận lợi cho nhập khẩu để ổn định sản xuất không áp dụng các biện pháp hành chính và kinh tế để quản lý. Tuy nhiên vẫn phải tính đến khả năng giảm hợp lý nhập khẩu ở nhóm này thì mới có khả năng nhập siêu vì tỷ trọng khối này chiếm tới gần 4/5 tổng giá trị nhập khẩu.

Nhóm II – nhóm mặt hàng nhập khẩu cần kiểm soát nhập khẩu

Nhóm mặt hàng nhập khẩu tuy cần thiết nhưng vẫn cần phải kiểm soát. Nhóm này gồm các mặt hàng: sản phẩm chế tạo từ gang thép, sản phẩm dầu gốc, gas, đá quý, kim loại quý..., chiếm tỷ trọng 16% trên tổng kim ngạch nhập khẩu. Năm 2008, kim ngạch nhập khẩu nhóm này đạt khoảng 13,4 tỷ USD, tăng 38% so với năm 2007. Trong nhóm hàng hoá này thì mặt hàng vàng cần phải được kiểm soát chặt và không cấp thêm hạn ngạch xuất khẩu.

Với việc triển khai các biện pháp kiểm soát và hạn chế nhập khẩu, dự kiến tốc độ nhập khẩu nhóm này sẽ giảm xuống còn 8,5% vào năm 2010 với kim ngạch nhập khẩu khoảng 16,5 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng bình quân 20%/năm.

Nhóm III – nhóm mặt hàng hạn chế nhập khẩu

Nhóm mặt hàng hạn chế nhập khẩu gồm: nguyên phụ liệu thuốc lá, hàng tiêu dùng, ô tô nguyên chiếc dưới 12 chỗ, linh kiện ô tô dưới 12 chỗ, linh kiện và phụ tùng xe gắn máy. Tỷ trọng nhóm này ở mức thấp nhất so với 2 nhóm trên, chiếm 7,8% trên tổng kim ngạch nhập khẩu.

Qua triển khai một số như tăng thuế nhập khẩu, hạn chế tiếp cận ngoại tệ... kim ngạch nhóm này đã giảm mạnh từ giữa năm 2008. Kim ngạch năm 2008 đạt 6,4 tỷ USD, tăng 64% so với 2007. Hai mặt hàng có tốc độ giảm nhiều nhất là ô tô nguyên chiếc và linh kiện dưới 12 chỗ ngồi, phụ tùng ô tô. Dự kiến, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này năm 2009 đạt 6,6 tỷ USD và 7,1 tỷ USD năm 2010, với tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2008 - 2010 là 25%/năm.

3.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HẠN CHẾ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH ĐẾN XUẤT NHẬP KHẨU

3.3.1. Giải pháp của chính phủ và các bộ ngành liên quan trong tình hình khủng hoảng đối với hoạt động xuất nhập khẩu

3.3.1.1 Giải pháp của chính phủ

Thứ nhất, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và xuất khẩu.

Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh là giải pháp cơ bản nhất bởi vì muốn tăng trưởng kinh tế thì phải đẩy mạnh sản xuất, phát triển dịch vụ. Tập trung hỗ trợ sản xuất cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa – nơi tạo ra nhiều việc làm và cũng là khu vực gặp nhiều khó khăn nhất. Ngoài việc hỗ trợ lãi suất ngân hàng, thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thì vấn đề quan trọng là phải bảo lãnh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư xuất khẩu. Hỗ trợ về vốn cho các doanh nghiệp xuất khẩu, các doanh nghiệp thu mua hàng nông, lâm sản phục vụ xuất khẩu trong bối cảnh giá thế giới giảm mạnh do nhu cầu tạm thời xuống thấp. Thực hiện chính sách điều hành tỉ giá linh hoạt theo hướng có lợi cho xuất khẩu.

- Xuất khẩu chiếm khoảng 70% GDP của Việt Nam và tạo ra hàng chục triệu việc làm mỗi năm. Xuất khẩu suy giảm đã tác động lớn đến tăng trưởng, đến đời sống và việc làm của người lao động. Vì vậy, cần đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch lớn, có khả năng tăng trưởng cao, có cơ hội phát triển thị trường đồng thời rà soát các mặt hàng có khả năng sản xuất nhưng chưa bị hạn chế về thị trường để tranh thủ xuất khẩu.

- Đa dạng hóa mặt hàng để tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động. Đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu, giảm sự phụ thuộc vào thị trường truyền thống để tránh bớt tác động của việc sụt giảm nhập khẩu từ Mỹ và một số nước chịu nhiều tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, và tăng cường các thị trường mới. Cụ thể tăng xuất khẩu vào các thị trường thuộc khu vực mậu dịch tự do ASEAN, ASEAN – Trung Quốc, ASEAN – Hàn Quốc...

và các thị trường ít bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu như Trung Quốc, Ấn Độ... Ngoài ra, châu Phi và Trung Đông nổi lên là những thị trường xuất khẩu đầy triển vọng trong tương lai. Áp dụng các chính sách để khuyến khích phát triển hàng xuất khẩu, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu và giảm bớt nhập siêu.

- Tăng cường phát triển thị trường nội địa, thay thế hàng nhập khẩu. Sản xuất kinh doanh cần phải tập trung vào thị trường nội địa, bởi vì *Thứ nhất*, tốc độ tăng trưởng về qui mô của thị trường nội địa cao hơn nhiều so với thị trường xuất khẩu. Năm 2008, nguồn thu từ xuất khẩu đạt 62 tỉ USD, trong khi nguồn thu từ tiêu dùng nội địa cũng đạt hơn 980.000 tỷ đồng (xấp xỉ 60 tỉ USD)⁴⁶. Với sức mua của hơn 87 triệu dân nên thị trường tiêu dùng nội địa khá mạnh, vì vậy cần phải kích thích và tăng sức mua của thị trường trong nước, giảm sự phụ thuộc vào các thị trường bên ngoài. *Thứ hai*, mức tăng trưởng của thị trường nội địa cao và khá ổn định, trong khi xuất khẩu có thể gặp nhiều rủi ro, bất ổn. Vì vậy, bên cạnh việc đẩy mạnh xuất khẩu thì cần phải tập trung vào thị trường nội địa.

Thứ hai, thực hiện chính sách tài chính – tiền tệ tích cực và hiệu quả.

Chính sách tài chính tiền tệ chủ yếu tập trung vào những mục tiêu sau:

- Ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu;

- Tạo điều kiện tiếp cận nguồn vốn tín dụng cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu, doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm, thực hiện cơ cấu lại thời hạn vay nợ, giãn nợ vay vốn ngân hàng đối với nông dân bị thiệt hại do thiên tai và các doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm. Điều chỉnh linh hoạt tỉ giá ngoại tệ theo hướng khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, bảo đảm cán cân thanh toán quốc tế không bị thâm hụt.

⁴⁶ media.vdsc.com.vn/vdsc_docs/bantin310309.pdf

- Thực hiện chế độ tỷ giá linh hoạt hỗ trợ xuất khẩu và tăng mức tín dụng ưu đãi cho sản xuất hàng XK.

Đổi mới, sắp xếp lại các doanh nghiệp, duy trì và củng cố lại các doanh nghiệp nhà nước. Sau khi đã tạo ra được mặt bằng lãi suất hợp lý thì chính sách tiền tệ cần tập trung vào giữ ổn định kinh tế vĩ mô, thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt nhưng linh hoạt trong điều hành. Chính sách tài chính (thuế, thu chi ngân sách...) phải nhằm khuyến khích phát triển sản xuất, tăng đầu tư cho những dự án có hiệu quả để duy trì tăng trưởng, loại bỏ những dự án chưa thực sự cần thiết, kém hiệu quả. Tiếp tục hỗ trợ vốn, công nghệ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp làm ăn hiệu quả vì các doanh nghiệp vừa và nhỏ mới là động lực chính của phát triển nền kinh tế.

Thứ ba, khuyến khích hoạt động tiêu dùng.

Trong điều kiện xuất khẩu bị sụt giảm, thì tiêu dùng trong nước càng trở thành “cứu cánh”. Khuyến khích hoạt động tiêu dùng có ý nghĩa lớn nhằm tạo động lực tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội.

Để kích cầu tiêu dùng cần giảm giá hàng tiêu dùng, giảm lãi suất, điều chỉnh tăng lương, giảm thuế thu nhập cá nhân và doanh nghiệp, tăng cho vay tiêu dùng, đồng thời giãn, khoan nợ và tăng hỗ trợ an sinh xã hội. Hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, người có thu nhập thấp, đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng núi khó khăn, thiên tai, bệnh dịch... Đơn giản hóa các thủ tục trợ cấp cho người nghèo.

Giảm thuế, giảm lãi suất, doanh nghiệp sẽ có lợi nhuận nhiều hơn, tiền chi trả cho người lao động sẽ cao hơn. Khi có thu nhập người lao động sẽ chi tiêu. Mục tiêu kích cầu tiêu dùng sẽ đạt được. Mỹ cũng là một trong những quốc gia đang áp dụng giải pháp kích cầu tiêu dùng. Ngân hàng nhà nước Việt Nam gián tiếp cho vay tiêu dùng bằng việc không áp dụng lãi suất trần cho vay tiêu dùng.

3.3.1.2 Giải pháp từ các bộ, ngành

- **Ngân hàng nhà nước (NHNN)**

- NHNN tạo điều kiện tăng cường khả năng tiếp cận vốn tín dụng cho các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu và doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm, như tiếp tục xem xét giảm dự trữ bắt buộc, điều chỉnh giảm lãi suất cơ bản phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh.

- Thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Quyết định số 783/2005/QĐ-Ngân hàng Nhà nước ngày 31/5/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đối với các khoản vay không trả nợ đúng hạn của hộ nông dân bị thiệt hại do thiên tai, các doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và đối với các khoản vay không trả nợ đúng hạn do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới làm cho sản xuất, kinh doanh gặp khó khăn, chậm tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm; tiếp tục xem xét cho vay mới đối với các nhu cầu vốn vay có hiệu quả và đảm bảo khả năng trả nợ; phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thực hiện việc nhận bảo lãnh, cho vay vốn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Miễn, giảm lãi vốn vay theo quy định tại quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Hướng dẫn các tổ chức tín dụng thực hiện cho vay theo lãi suất thỏa thuận quy định tại Nghị quyết số 23/2008/QH12 của Quốc hội.

Điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, hiệu quả, điều chỉnh linh hoạt tỷ giá ngoại tệ theo tín hiệu thị trường, khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu điều hành cán cân thanh toán quốc tế theo hướng không để thâm hụt.

- NHNN chỉ đạo các ngân hàng thương mại (NHTM) xem xét điều chỉnh áp dụng lãi suất cho vay của các hợp đồng tín dụng xuống phù hợp theo mức lãi suất hiện hành, không phạt do quá hạn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khó

khẩn. Chính phủ giao Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm hỗ trợ tốt hơn cho các doanh nghiệp này tiếp cận nguồn vốn vay để phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo thêm việc làm. Các NHTM thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn nợ và áp dụng các giải pháp xử lý nợ vay vốn ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật đối với các hộ nông dân bị thiệt hại do thiên tai và các doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm

- **Cơ quan quản lý thuế**

- Bộ Tài chính có hướng dẫn việc thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ. Theo đó, doanh nghiệp xuất khẩu có thể được tạm hoàn tới 90% số thuế giá trị gia tăng (GTGT) kể cả khi chưa có chứng từ thanh toán. Số thuế GTGT được tạm hoàn đối với hàng hoá thực xuất khẩu, chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng bằng 90% số thuế GTGT đầu vào được hoàn theo hồ sơ đề nghị hoàn thuế của doanh nghiệp. Bộ Tài chính cũng quy định, thời gian giải quyết tạm hoàn thuế tối đa không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị hoàn thuế của doanh nghiệp; đối với số thuế GTGT hoàn tiếp 10% thì thời hạn giải quyết hoàn thuế tối đa không quá 4 ngày làm việc.

- Điều chỉnh thuế xuất khẩu đối với một số loại tài nguyên, khoáng sản và sửa đổi thuế suất thuế tài nguyên theo hướng hạn chế xuất khẩu, bảo đảm nguồn nguyên liệu cho sản xuất trong nước. Dự thảo Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung biểu khung thuế suất thuế tài nguyên đề nghị điều chỉnh mức trần thuế suất với khoáng sản kim loại tăng gấp 6 lần, than tăng gấp 7 lần, khí đốt tăng 2,5 lần (so với mức trần hiện nay).

- Giảm thuế suất thuế nhập khẩu đối với một số nhóm hàng là nguyên liệu đầu vào của sản xuất, trong nước chưa sản xuất được hoặc có sản xuất

nhưng không đáp ứng đủ nhu cầu để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp giảm chi phí.

- Cải cách thủ tục xuất nhập khẩu, rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa, đơn giản thủ tục hoàn thuế, quyết toán thuế đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu.

- Điều chỉnh giảm thuế nhập khẩu đối với một số nhóm hàng là nguyên liệu đầu vào của sản xuất, trong nước chưa sản xuất được hoặc có sản xuất nhưng không được đáp ứng đủ nhu cầu để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh. Điều chỉnh tăng thuế trong khuôn khổ cam kết WTO, tạo điều kiện cho phát triển sản xuất trong nước, kiểm chế nhập siêu.

- Giãn thời gian ân hạn nộp thuế đối với một số ngành hàng phù hợp với chu kỳ sản xuất và tiêu thụ (đóng tàu, sản xuất cơ khí...) Thực hiện tốt chính sách về ân hạn thời hạn nộp thuế nhập khẩu (275 ngày) đối với vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.

- Quy định rõ và phù hợp tỷ lệ phế liệu, phế phẩm thu được trong quá trình nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu không phải chịu thuế nhập khẩu.

- Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý IV/2008 và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009 đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Giãn thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 9 tháng đối với số thuế phải nộp năm 2009 của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (70% số thuế còn lại sau khi giảm) và của các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, gia công, chế biến nông, lâm thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử.

- **Bộ Công Thương**

Hỗ trợ doanh nghiệp xuất nhập khẩu theo phương thức giao hàng tại kho ngoại quan, hỗ trợ đầu tư công nghệ sau thu hoạch đối với các sản phẩm

nông, lâm, thủy, hải sản...để giảm thất thoát, tiêu thụ hiệu quả nông sản hàng hoá.

Đồng thời, vừa tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu sang các khu vực ít bị tác động của khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế, vừa tận dụng lợi thế từ các hiệp định khu vực mậu dịch tự do (FTA) để đẩy mạnh xuất khẩu .

Thúc đẩy sớm việc ký kết hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản, các hiệp định khu vực mậu dịch tự do (FTA) với Úc, New Zealand, Ấn Độ. Đồng thời, xúc tiến chuẩn bị đàm phán FTA với một số đối tác kinh tế quan trọng khác.

Về các giải pháp trung và dài hạn, cần xây dựng các trung tâm cung ứng nguyên - phụ liệu; thực hiện chương trình hiện đại hoá và cải cách thủ tục hải quan; hoàn thiện hệ thống chính sách tài chính, tín dụng phục vụ xuất khẩu; nâng cao hiệu quả và tăng cường công tác xúc tiến thương mại; hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho một số ngành sản xuất xuất khẩu; và nâng cao vai trò của các hiệp hội ngành hàng...

3.3.2. Giải pháp của doanh nghiệp xuất nhập khẩu

3.3.2.1. Đối với xuất khẩu

Các giải pháp trước mắt

- Theo dõi sát, có biện pháp tích cực để đẩy mạnh xuất khẩu trước các diễn biến của thị trường. Nâng cao hiệu quả công tác thông tin dự báo phục vụ cho hoạt động điều hành và hoạt động kinh doanh.

- Phối hợp với các Bộ, ngành, Hiệp hội triển khai thực hiện Đề án phát triển xuất khẩu, hạn chế nhập siêu giai đoạn 2009-2010 sau khi được Chính phủ phê duyệt. Đồng thời trình Chính phủ phê duyệt Đề án tổ chức và triển khai hình thức Bảo hiểm xuất khẩu tại Việt Nam.

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu sang các khu vực ít bị tác động của khủng hoảng tài chính, suy thoái

kinh tế theo từng ngành hàng, từng hợp đồng XK lớn. Tăng cường tiếp xúc cấp cao để mở rộng thị trường, quan hệ buôn bán; chủ động ứng phó với chính sách bảo hộ mậu dịch; vận động dỡ bỏ các rào cản thuế và phi thuế để tăng xuất khẩu. Tập trung chương trình kêu gọi các tập đoàn lớn nước ngoài đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu tại Việt Nam.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đa dạng hóa dòng tiền thanh toán, bảo hiểm tỷ giá và phòng ngừa rủi ro về tỷ giá trong hoạt động xuất nhập khẩu.

- Phối hợp với các Bộ, ngành tiếp tục cải cách thủ tục hành chính tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh xuất khẩu; đáp ứng đầy đủ, kịp thời kinh phí hỗ trợ cho hoạt động xúc tiến thương mại.

- Thúc đẩy sớm ký Hiệp định đối tác kinh tế với Nhật Bản, Hiệp định FTA giữa ASEAN với Ôxtrâyliia – NewZenland - Ấn Độ để tạo thuận lợi cho hàng xuất khẩu của Việt Nam.

Giải pháp trung và dài hạn

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ và thúc đẩy mối quan hệ hỗ trợ liên ngành giữa các ngành công nghiệp, trước hết tập trung cho 2 nhóm hàng dệt may và giày dép.

Công nghiệp phụ trợ (CNPT) là ngành công nghiệp có vai trò hỗ trợ cho việc sản xuất các thành phần chính. Ngành CNPT rất đa dạng bao gồm cả gia công cơ khí, chế tạo khuôn đúc, rèn, đúc, nhiệt luyện, xử lý bề mặt. Sản xuất những linh kiện, phụ liệu, phụ tùng, sản phẩm bao bì, nguyên liệu để sơn, nhuộm...bao gồm cả những sản phẩm trung gian, những nguyên liệu sơ chế. CNPT đóng vai trò quan trọng trong việc tăng sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp chính và đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá theo hướng mở rộng và chuyên sâu. CNPT phát triển sẽ kéo theo các công ty lắp ráp và sản xuất thành phẩm cuối cùng khác thoát khỏi cảnh phụ thuộc vào nhập khẩu. Giá nhập khẩu những sản phẩm đó có thể rẻ nhưng phí tổn

chuyên chở bảo hiểm sẽ đẩy chi phí đầu vào tăng cao. Ngoài ra, còn chưa kể đến rủi ro về tiến độ, thời gian nhận hàng nhập khẩu.

CNPT phát triển có vai trò đặc biệt trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI), nhất là FDI trong ngành sản xuất các loại máy móc. Một thực tế cho thấy, tỉ lệ chi phí về CNPT cao hơn nhiều so với chi phí lao động trong giá thành sản phẩm, nên một nước dù có ưu thế về lao động nhưng CNPT không phát triển cũng làm cho môi trường đầu tư trở nên kém hấp dẫn.

- Tăng cường công tác điều hành hoạt động xuất nhập khẩu để bảo đảm mục tiêu giảm tỷ lệ nhập siêu thấp hơn năm 2008; chú trọng các mặt hàng chiến lược, có tỷ trọng kim ngạch xuất lớn;

- Thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp xuất khẩu trên tất cả các mặt: năng lực sản xuất, cơ cấu mặt hàng, giá cả, chất lượng, phương thức phân phối... Từng bước đưa doanh nghiệp tham gia vào chuỗi sản xuất của các Tập đoàn đa quốc gia

- Phối hợp các Bộ, ngành giải quyết kịp thời các vấn đề về cơ chế tài chính, tiền tệ, tỷ giá, thủ tục hải quan... để tạo thuận lợi nhất cho doanh nghiệp phát triển sản xuất và xuất khẩu; xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm và hệ thống kiểm dịch phù hợp tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, đồng thời thúc đẩy, vận động tiêu chuẩn hoá và công nhận lẫn nhau giữa Việt Nam và các đối tác thương mại nước ngoài, đặc biệt đối với những bạn hàng lớn như EU, Mỹ, Nhật Bản...

- Tăng cường và đổi mới phương thức xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu để đạt hiệu quả cao; phấn đấu tăng trưởng xuất khẩu cao hơn mức tăng nhập khẩu, từng bước giảm tỷ lệ nhập siêu.

- Tiếp tục chủ động mở rộng thị trường; đa phương hoá và đa dạng hoá quan hệ với các đối tác trong và ngoài khu vực; tích cực tìm hiểu, tìm cơ hội xuất khẩu vào các thị trường mới, có tiềm năng nhằm hạn chế rủi ro biến động thị trường.

- Hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho một số ngành sản xuất hàng xuất khẩu. Cần xã hội hoá công tác đào tạo, theo đó những doanh nghiệp lớn cũng được xem xét cấp kinh phí đào tạo công nhân cho mình và cung cấp cho những doanh nghiệp khác. Tổ chức nghiên cứu, đào tạo đội ngũ nhân viên thiết kế để đa dạng hoá và không ngừng nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm phù hợp với thị hiếu khách hàng trong và ngoài nước.

- Nâng cao vai trò của các Hiệp hội ngành hàng và tăng cường sự phối hợp với các Bộ, ngành quản lý để tạo sự thống nhất trong chỉ đạo điều hành. Các Hiệp hội cần tổ chức tốt mạng lưới thông tin dự báo tình hình thị trường, giá cả, cung cầu hàng hoá để cung cấp cho các hội viên và doanh nghiệp. Phối hợp với các Thương vụ của Việt Nam ở nước ngoài trong việc thông tin về tình trạng pháp lý và khả năng thanh toán của đối tác, nhằm giảm thiểu rủi ro trong giao kết hợp đồng xuất khẩu, nhất là ở các quốc gia, vùng lãnh thổ đang chịu tác động ảnh hưởng mạnh của khủng hoảng tài chính.

- Tiếp tục minh bạch hóa quy trình cấp phép nhập khẩu và tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho hàng nhập khẩu, thực hiện bảo hộ có hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ, trong đó có cả vấn đề bản quyền.

- Tích cực phát huy vai trò của thương nhân Việt Nam ở nước ngoài để đẩy mạnh việc đưa hàng hoá Việt Nam thâm nhập thị trường, nhất là những khu vực có cộng đồng người Việt sinh sống.

- Thúc đẩy và tăng cường đàm phán mở cửa thị trường với những thị trường tiềm năng tăng trưởng xuất khẩu như Nga, EU, Hoa Kỳ, Trung Đông, châu Phi.

3.3.2.2. Nhập khẩu và hạn chế nhập siêu

Các giải pháp trước mắt

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp hạn chế nhập khẩu đã triển khai trong năm 2008 như kiểm soát việc tiếp cận ngoại tệ theo 3 nhóm hàng: nhóm cần nhập khẩu, nhóm cần kiểm soát và nhóm hạn chế nhập khẩu; Quản lý nhập

khẩu bằng giấy phép tự động đối với các mặt hàng tiêu dùng. Mở rộng danh mục mặt hàng nhập khẩu phải nộp thuế ngay trước khi thông quan; Hạn chế nhập khẩu qua việc quy định thời hạn nộp thuế.

- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu và sử dụng hàng rào kỹ thuật phù hợp WTO để hạn chế nhập khẩu; Xây dựng lộ trình bắt buộc dán nhãn tiết kiệm năng lượng đối với nhóm sản phẩm gia dụng để áp dụng từ tháng 01/2010; Rà soát, ban hành các quy định về hóa chất, chất phụ gia, chất hỗ trợ chế biến dùng trong bảo quản hàng thực phẩm...

- Tập trung điều hành xuất khẩu những mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn, trong đó cần kiểm soát chặt chẽ hoạt động giao dịch, đấu thầu để đảm bảo xuất khẩu dầu thô, than đá và các khoáng sản khác có giá xuất khẩu hiệu quả nhất.

- Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước thực hiện chế độ tỷ giá linh hoạt để thúc đẩy xuất khẩu, hạn chế nhập siêu.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động người dân và doanh nghiệp sử dụng hàng Việt Nam và tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu trong sản xuất và tiêu dùng.

Giải pháp trung và dài hạn

a. Phát triển sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, thay thế hàng nhập khẩu.

Bên cạnh việc thúc đẩy phát triển xuất khẩu, giảm nhập khẩu bằng việc đẩy mạnh sản xuất hàng trong nước, các loại nguyên liệu, các mặt hàng phụ trợ cho sản xuất tiêu dùng, sản xuất hàng xuất khẩu thay thế hàng nhập khẩu cũng là một biện pháp quan trọng hạn chế nhập siêu.

- Các tập đoàn, các Tổng công ty Nhà nước, các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ xây dựng, sớm đưa các dự án đầu tư về điện, phân bón, thép, cơ khí,

dệt may vào sản xuất nhằm thay thế các mặt hàng nhập khẩu, góp phần giảm nhập siêu.

- Triển khai mạnh và tích cực đầu tư vào sản xuất trong ngành công nghiệp phụ trợ. Một số ngành ưu tiên phát triển công nghiệp phụ trợ trong thời gian tới là: cơ khí, Dệt may, Da giày, Điện tử.

Rà soát lại các cơ sở sản xuất các ngành phụ trợ tại công ty nhà nước, ưu tiên cấp vốn và tạo điều kiện khác để đổi mới thiết bị, thay đổi công nghệ tại những cơ sở đã có quy mô tương đối lớn. Lập chế độ tư vấn kỹ thuật và quản lý để mời các chuyên gia nước ngoài vào giúp thay đổi công nghệ và cơ chế quản lý tại các doanh nghiệp.

Đặc biệt khuyến khích tư nhân đầu tư vào lĩnh vực sản xuất các ngành công nghiệp phụ trợ, với sự hỗ trợ đặc biệt về vốn, và những ưu đãi đặc biệt về thuế (miễn thuế nhập khẩu thiết bị và công nghệ, miễn thuế doanh thu, v.v..)

Một số nước đã phát triển, đặc biệt nhất là Nhật, có chương trình xúc tiến chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các nước đang phát triển. Việt Nam nên tiếp nhận nhanh sự hỗ trợ này để nhanh chóng tăng khả năng cung cấp các mặt hàng công nghiệp phụ trợ hiện có, nhất là các mặt hàng đang sản xuất tại các doanh nghiệp nhà nước.

Kêu gọi doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào việc sản xuất trong các ngành công nghiệp phụ trợ.

b. Thúc đẩy để sớm ký kết các Hiệp định song phương và đa phương thiết lập các khu vực mậu dịch tự do để tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu, qua đó giảm nhập siêu (Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản, Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản, Hiệp định khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Australia – New zeland, và ASEAN – Ấn Độ). Trao đổi với các đối tác thương mại mà Việt Nam nhập siêu (trước hết là Trung Quốc, ASEAN, Hàn Quốc...) để phối hợp tìm giải pháp giảm nhập vào Việt Nam và tăng xuất từ Việt Nam. Điều này cũng phù hợp với các quy tắc của WTO,

theo đó khuyến khích việc các thành viên có quyền yêu cầu cân bằng thương mại lẫn nhau.

c. Nghiên cứu xây dựng các biện pháp và tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với các ngành, sản phẩm công nghiệp nhằm bảo vệ sản phẩm trong nước khỏi sự cạnh tranh không công bằng trên thị trường trong nước, phù hợp với các quy định của WTO và các Hiệp định quốc tế mà Việt Nam ký kết. Hoàn thiện hoặc ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng hoá lưu thông trên thị trường nói chung cũng như đối với hàng hoá nhập khẩu, trước mắt là đối với những mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn, có ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, tiêu dùng, sức khoẻ cộng đồng và bảo vệ môi trường.

Chủ động rà soát những mặt hàng nhập khẩu tăng mạnh do việc cắt giảm thuế quan theo cam kết WTO và AFTA mà trong nước có khả năng sản xuất để có biện pháp hạn chế nhập khẩu và khuyến khích sản xuất trong nước.

d. Chống lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản, trong tiêu dùng và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên trong nước. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động người dân và doanh nghiệp sử dụng hàng Việt Nam và tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu trong sản xuất và tiêu dùng.

KẾT LUẬN

Hoạt động xuất nhập khẩu ngày càng có vai trò to lớn trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo công ăn việc làm, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cùng với việc gia nhập WTO, hội nhập kinh tế thế giới, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam liên tục tăng nhanh. Nhưng cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ xảy ra, lan rộng toàn cầu đã cản trở đà tăng trưởng xuất nhập khẩu Việt Nam, tác động đến toàn nền kinh tế Việt Nam. Xuất nhập khẩu Việt Nam suy giảm trong 6 tháng gần đây và dự báo sẽ tiếp tục chịu tác động trong năm 2009. Vì vậy, để hạn chế những tác động của khủng hoảng tài chính Mỹ đến xuất nhập khẩu thì nghiên cứu về nguyên nhân, diễn biến và hậu quả của khủng hoảng tài chính Mỹ là hết sức cần thiết.

Thông qua việc nghiên cứu khủng hoảng tài chính Mỹ và tác động của nó đến xuất khẩu Việt Nam cho ta cái nhìn chính xác hơn về cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ và hậu quả to lớn của nó đến xuất nhập khẩu, từ giảm giá, giảm kim ngạch xuất nhập khẩu đến thay đổi cơ cấu thị trường. Đồng thời từ nghiên cứu của khoá luận có thể:

+) Dự báo tình hình xuất nhập khẩu thời gian tới để các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hướng chuẩn bị và kịp thời đối phó với tình hình.

+) Có được cái nhìn khách quan hơn về cuộc khủng hoảng tại Mỹ và đang lan rộng toàn cầu, từ đó gợi ý một số biện pháp vĩ mô cũng như vi mô để giảm bớt tình trạng khó khăn hiện nay.

Khóa luận được hoàn thành với sự cố gắng tối đa tìm hiểu về cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ và thực trạng xuất nhập khẩu của nước ta hiện nay. Khóa luận chỉ phân tích và đưa ra nhận xét kiến nghị từ thực trạng nhập khẩu của Việt Nam trong năm 2008, không thể bao quát toàn bộ ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính vì cuộc khủng hoảng vẫn chưa kết thúc. Những gợi ý, giải pháp đưa ra còn mang tính chất cá nhân. Đồng thời, thời gian và kiến thức có hạn nên không thể tránh khỏi những thiếu sót, mong nhận được sự thông cảm và đóng góp ý kiến của quý Thầy Cô.

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS Hồ Xuân Phương (2003), *Giải pháp phòng ngừa khủng hoảng tài chính tiền tệ ở Việt Nam* Nxb Tài chính Hà Nội
2. George Cooper, *Nguồn gốc khủng hoảng tài chính 2009*, Nxb Lao động xã hội
3. Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright; Bài thảo luận chính sách số 2; Vượt qua khủng hoảng và tiếp tục đẩy mạnh cải cách.
4. PTS Phạm Quyên và PTS Lê Minh Tâm, *Hướng phát triển thị trường xuất nhập khẩu Việt Nam tới năm 2010*, Nxb Thống kê
5. Đại học kinh tế quốc dân, *Đổi mới chính sách nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong quá trình hội nhập KTQT*, Nxb Lao động;
6. Viện nghiên cứu và quản lý kinh tế Trung ương; Thông tin chuyên đề khủng hoảng tài chính, suy thoái toàn cầu và việc chủ động ứng phó của Việt Nam.
7. Đỗ Đức Minh (2006), *Tài chính Việt Nam 2001-2010*, Nhà xuất bản tài chính, Hà Nội
8. Bùi Xuân Lưu (2002), *Giáo trình Kinh tế Ngoại thương*, Nhà xuất bản Lao động- xã hội, Hà Nội
9. Bộ Thương mại (2005), *Đề án phát triển xuất khẩu 2006 – 2010*
10. Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ban hành ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

Các website

1. <http://www.bullandbearwise.com/chartService.htm>
2. <http://www.census.gov/foreign-trade>
3. <http://www.moneyweek.com>
4. <http://www.ilo.org/global/lang--en/index.htm>
5. <http://www.imf.org/external/index.htm>
6. <http://vneconomy.vn>
7. <http://ngoaituong.vn>
8. <http://giavang.com.vn/market>
9. <http://www.gso.gov.vn>
10. <http://www.tinhtuongmai.vn>
11. <http://www.thesaigontimes.vn/Home/>
12. <http://www.moit.gov.vn/web/guest/home>
13. <http://www.vietrade.gov.vn>
14. <http://thuongmaiwto.com/xuatnhapkhau/>
15. <http://www.vcci.com.vn>
16. <http://www.mangdoanhnghiep.com/>